

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG
CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
MÔN LỊCH SỬ, LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH 2018) TẠI TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN
TỤY VÀ CÁC TRƯỜNG THPT
TỈNH NINH BÌNH**

Đồng tác giả sáng kiến: 1. Thạc sỹ Trần Thị Hòe
2. Thạc sỹ Nguyễn Thùy Hương
3. Thạc sỹ Nguyễn Hoàng Vân
4. Thạc sỹ Bùi Thị Thanh Vân

Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy

Ninh Bình, năm 2023

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
DHLS	Dạy học lịch sử
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
Nxb	Nhà xuất bản
NL	Năng lực
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PPDH	PPDH
PTNL	Phát triển năng lực
THPT	Trung học phổ thông
TNSP	Thử nghiệm sư phạm
VDKTKN	Vận dụng kiến thức, kĩ năng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến trường THPT chuyên Lương Văn Tụy

Chúng tôi ghi tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến
1	Nguyễn Hoàng Vân	22/12/1979	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	Giáo viên	Thạc sỹ	20%
2	Bùi Thị Thanh Vân	10/10/1982	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	Giáo viên	Thạc sỹ	30%
3	Trần Thị Hòe	05/11/1987	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	Giáo viên	Thạc sỹ	30%
4	Nguyễn Thùy Hương	04/07/1980	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy	Giáo viên	Thạc sỹ	20%

1. Tên sáng kiến, lĩnh vực áp dụng

- Là nhóm tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến: “Một số biện pháp góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh trong dạy học các

chuyên đề học tập môn Lịch sử, lớp 10 (Chương trình 2018) tại trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy và các trường THPT tỉnh Ninh Bình”

- Lĩnh vực áp dụng:

+ Giảng dạy các chuyên đề học tập môn Lịch sử, lớp 10 (Chương trình 2018) tại trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy và các trường THPT, tỉnh Ninh Bình.

+ Ôn thi học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi khu vực, học sinh giỏi Quốc gia và thi THPT quốc gia.

2. Nội dung

a. Giải pháp cũ thường làm

*** Chi tiết giải pháp cũ:**

+ Trong quá trình giảng bài mới, có thể đã áp dụng công nghệ thông tin để cung cấp những hình ảnh sinh động... nhưng giáo viên chủ yếu dành thời gian cho thông báo, miêu tả, giải thích, ghi bảng hoặc đọc cho học sinh chép bài. Nếu có phát huy trí lực học sinh, gây sự chú ý các em, giáo viên cũng chỉ nêu câu hỏi đơn giản: Ví dụ, khi dạy chuyên đề “Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917”, giáo viên thường hỏi học sinh: “Tại sao trước cách mạng Tháng Mười, nước Nga được coi là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền chủ nghĩa đế quốc?”, “Trình bày hoàn cảnh, diễn biến, ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917”, “Phân tích ý nghĩa của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và cho biết công lao của Lê Nin đối với cuộc cách mạng này?” V...v...

+ Cuối giờ học, giáo viên căn dặn học sinh về nhà học bài và trả lời những câu hỏi trong sách giáo khoa.

*** Ưu điểm, nhược điểm và những tồn tại cần khắc phục:**

+ **Ưu điểm:** đảm bảo được tiến độ thời gian, chương trình, giáo viên không mất nhiều thời gian, công sức cho việc soạn bài và giảng dạy.

+ **Nhược điểm:** không gây được hứng thú, không kích thích được khả năng tư duy, sáng tạo của học sinh. Hơn nữa, bên cạnh việc lĩnh hội kiến thức thì học sinh còn rất cần được rèn luyện về khả năng độc lập làm việc, tinh thần và ý chí quyết tâm đạt kết quả cao trong học tập.

b. Giải pháp mới cải tiến:

*** Mô tả bản chất của giải pháp mới:**

- Tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông 2018, chúng tôi biết:

+ Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Lịch sử cấp THPT được xây dựng theo hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của Lịch sử thế giới, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HS đã được học ở cấp THCS.

Bên cạnh các nội dung cốt lõi được cấu trúc theo các chủ đề, những HS có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề với mục tiêu: Mở rộng, nâng cao kiến thức và NL sử học đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT; Giúp các em hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế,

cũng như có đủ NL cơ bản để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời; Tăng cường HĐTN thực tế để HS phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

+ Hiện nay, việc phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLS đã và đang được nhiều nhà giáo dục và GV quan tâm. Tuy nhiên, thực tế DHLS ở các trường phổ thông hiện nay cho thấy, việc thực hiện dạy học theo định hướng phát triển NL vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là việc dạy học với mục tiêu hình thành và phát triển cho HS các NL theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn rất mới mẻ. Hầu hết GV vẫn còn lúng túng trong việc phát triển, đánh giá các NL nói chung và NL KTKN nói riêng. Vì vậy, cần có thêm những nghiên cứu cụ thể hơn về vấn đề này nhằm giúp cho GV làm tài liệu tham khảo đáp ứng với yêu cầu dạy học chương trình mới.

- Dựa trên sự kế thừa những vấn đề được nghiên cứu, chúng tôi tiếp tục tập trung vào nghiên cứu và giải quyết các vấn đề sau:

+ Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử 2018, nghiên cứu về 03 chuyên đề học tập lớp 10, gồm: Chuyên đề “Các lĩnh vực của Sử học”; “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam”; “Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử”

+ Tiếp tục nghiên cứu về mặt lí luận về NL và DH PTNL, khẳng định ý nghĩa của việc PTNL cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN trong DH nói chung và DHLS nói riêng ở trường THPT. Trong đó, các tác giả đi sâu nghiên cứu về NL VDKTKN trong DHLS trên các khía cạnh: quan niệm; nội dung và biểu hiện, các tiêu chí đánh giá mức độ của NL VDKTKN của HS ở trường THPT

+ Tiến hành khảo sát thực tiễn việc PT NL VDKTKN trong DHLS ở trường THPT chuyên Lương Văn Tụy, Ninh Bình làm cơ sở cho việc xác định nội dung, đề xuất các hình thức tổ chức dạy học và biện pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả bài học, thúc đẩy việc PTNL cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN ở trường THPT, nhất là các trường THPT Chuyên có nhiều đặc thù.

+ Đề xuất một số biện pháp nhằm PTNL VDKTKN cho HS trong dạy học các chuyên đề Lịch sử, lớp 10 (chương trình 2018) ở trường THPT.

+ Triển khai việc dạy học cụ thể theo lý thuyết đã nghiên cứu và tiến hành thực nghiệm sư phạm tại trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy để kiểm định tính khả thi của các biện pháp và rút ra kết luận khoa học.

- Cụ thể, khi tiến hành đề tài, chúng tôi đã tập trung triển khai và làm rõ các vấn đề sau:

Về yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	

<i>Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực</i>	– Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm thông sử. – Nêu được nội dung chính của thông sử. – Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.
<i>Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới</i>	– Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử thế giới.
<i>Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam</i>	– Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian. – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.
Chuyên đề 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	
<i>Di sản văn hoá</i>	– Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. – Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. – Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại,

	xếp hạng di sản văn hoá.
<i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</i>	– Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. – Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. – Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. – Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... – Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.
<i>Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý)</i>	– Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể
Chuyên đề 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
<i>Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)</i>	– Suru tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.

	– Phân tích được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ
<i>Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976)</i>	– Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.
<i>Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay</i>	– Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.
<i>Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i>	– Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

Về năng lực

** Năng lực đặc thù:*

- Tìm hiểu lịch sử: biết cách nhận diện, sưu tầm, khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các lĩnh vực của sử học, về các di sản văn hoá của Việt Nam, về các mô hình nhà nước trong lịch sử cũng như về luật pháp Việt Nam qua các thời kì.
- Nhận thức và tư duy lịch sử: Thông qua các nguồn sử liệu, HS
 - + giải thích được các khái niệm cơ bản của các chuyên đề như thông sử, lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới; di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá, nhà nước quân chủ, nhà nước dân chủ,...
 - + phân tích được một số vấn đề cơ bản của các chuyên đề như: cách phân loại, xếp hạng và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá; đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam, bối cảnh lịch sử, ý nghĩa sự ra đời và vai trò của nhà

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;...

+ chỉ ra được những điểm tương đồng của các bản hiến pháp Việt Nam.

- Vận dụng kiến thức- kĩ năng:

+ VDKTKN để hoàn thành các nhiệm vụ học tập GV đưa ra: Tự tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ các nguồn sử liệu để trình bày một khía cạnh nào đó của các chuyên đề học tập.

+ Vận dụng các kiến thức của ba chuyên đề để giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống như: đưa ra và thực hiện những giải pháp nhằm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá; hiểu biết và tuân thủ pháp luật,...

** Năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học: Biết và sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin và thảo luận; biết sưu tầm và xử lý thông tin liên quan đến nội dung của ba chuyên đề học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua trao đổi, hoạt động nhóm, HS hình thành kĩ năng làm việc nhóm, hợp tác tạo ra sản phẩm học tập chung; kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trình bày sản phẩm,... về các chuyên đề lịch sử 10.

Về phẩm chất

- Góp phần phát triển phẩm chất yêu nước: thấu hiểu sâu sắc, toàn diện về các lĩnh vực của lịch sử Việt Nam, các di sản văn hoá, nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì, từ đó bồi đắp thêm lòng tự hào dân tộc.

- Góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, từ đó biết trân trọng thành quả lao động của con người.

+ Góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ: ham học hỏi, tích cực, chủ động nghiên cứu, khám phá lịch sử.

+ Góp phần phát triển phẩm chất trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá; có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.

+ Góp phần phát triển phẩm chất trung thực: tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu một cách khách quan, trung thực khi tìm hiểu về các lĩnh vực của sử học.

Chuyên đề gồm có hai phần: (Xem chi tiết trong phần phụ lục – từ trang 12 đến trang 95)

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLN ở trường THPT

Chương 2. Một số biện pháp phát triển NL VDKTKN cho HS trong dạy học các chuyên đề học tập môn Lịch sử lớp 10 (Chương trình 2018) ở trường THPT

Chuyên Lương Văn Tụy, tỉnh Ninh Bình.

*** Tính mới, tính sáng tạo của giải pháp:**

- Dưới sự hướng dẫn có giám sát chặt chẽ, học sinh được cung cấp một cách có hệ thống và đầy đủ toàn bộ phần kiến thức nền cơ bản cần có theo yêu cầu.

- Với việc phát triển NL VDKTKN cho học sinh có thể giải quyết được những nhiệm vụ đặt ra như: VDKTKN đã học để tiếp thu và hiểu sâu sắc kiến thức mới, giải quyết được những vấn đề khó trong học tập; có khả năng liên hệ, liên kết các kiến thức bởi những vấn đề thực tiễn liên quan đến kiến thức khoa học.

- VDKTKN vào trong học tập và trong cuộc sống giúp các em học đi đôi với hành. Giúp HS xây dựng thái độ học tập đúng đắn, phương pháp học tập chủ động, tích cực, sáng tạo; lòng ham học, ham hiểu biết; phát triển NL tự học.

- Phát triển NLVDKTKN trong DHLS góp phần hình thành cho HS kĩ năng quan sát, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, hình thành phương pháp NCKH; hình thành và phát triển kĩ năng nghiên cứu thực tiễn; Có tâm thế luôn luôn chủ động trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

- Mở rộng và nâng cao kiến thức và NL sử học đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

- Giúp HS hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HS có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ NL cơ bản để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

- Tăng cường HĐTN thực tế, giúp HS phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam và lịch sử thế giới.

- Học sinh tích cực chủ động tiếp cận nhanh chóng với công nghệ hiện đại cũng như mở rộng tầm nhìn, sự giao lưu học hỏi đối với các đơn vị bạn. Bên cạnh hiệu quả học tập còn rèn cho các em ý thức độc lập tự chủ và bản lĩnh học tập.

Như vậy, việc phát triển NLVDKTKN cho HS là rất cần thiết, giúp HS giải quyết được nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống; giúp HS có khả năng tồn tại, phát triển và hội nhập tốt trong xã hội hiện đại.

3. Hiệu quả kinh tế, xã hội dự kiến đạt được

*** Hiệu quả kinh tế**

- Giảng dạy kiến thức, tập huấn học sinh giỏi Quốc gia, bồi dưỡng học sinh giỏi mũi nhọn... là nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ chính trị của trường THPT Chuyên, vì vậy rất khó để có thể quy đổi ra tiền, rất khó đánh giá một cách định lượng về hiệu quả kinh tế của việc hình thành kĩ năng giải bài tập cho học sinh chuyên Sử nói riêng và học sinh THPT nói chung.

*** Hiệu quả xã hội**

- Sáng kiến này đã được nhóm tác giả triển khai thực nghiệm cho học sinh chuyên Sử khóa 63 của trường THPT chuyên Lương Văn Tụy. Hiệu quả mà sáng kiến này cùng với các chuyên đề kiến thức khác nữa mang lại về mặt giáo dục, xã hội:
- Với cùng thời gian như khi tiến hành phương pháp cũ, hiệu quả học tập được nâng cao rõ rệt (Học sinh không chỉ nắm vững kiến thức nền cần có mà còn hiểu sâu sắc các vấn đề, biết vận dụng các kiến thức linh hoạt, sáng tạo từ đó phát triển năng lực tư duy).
- Học sinh được rèn luyện khả năng độc lập nghiên cứu để chiếm lĩnh kiến thức, đây chính là yếu tố quan trọng, là tiền đề phát triển năng lực của các em trong công việc sau này.
- Nhờ việc tiếp cận và khai thác công nghệ thông tin, các em có thể bắt nhịp với thời đại và mở ra một tư duy mới trong việc phát huy tiềm năng của mình trong quá trình học tập nghiên cứu tiếp theo.

4. Điều kiện và khả năng áp dụng

- Đề tài tiếp tục củng cố những cơ sở lí luận của việc phát triển NL VDKTKN cho HS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy nói riêng và cả nước nói chung, qua đó làm giàu thêm lí luận dạy học bộ môn. Khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc phát triển NL VDKTKN khi dạy học các chuyên đề lịch sử, lớp 10 (Chương trình 2018)

- Với bản thân chúng tôi: Sẽ đưa ra được những cơ sở của việc về việc phát triển NL VDKTKN cho HS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

+ Các biện pháp về việc phát triển NL VDKTKN cho HS trong dạy học các chuyên đề học tập môn Lịch sử 10 (chương trình 2018) được đề xuất trong đề tài sẽ là kinh nghiệm bước đầu cho bản thân chúng tôi trọng việc sử dụng các PPDH hiện đại để đạt được mục tiêu của DHLS nói riêng và mục tiêu giáo dục nói chung.

- Với các thầy cô ở trường phổ thông: Là tài liệu tham khảo có thể vận dụng vào DHLS nói riêng và các môn học khác nói chung nhằm thực hiện chủ trương đổi mới PPDH ở các nhà trường.

Chúng tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
2023

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)
1. Thạc sỹ Trần Thị Hòe

2. Thạc sỹ Nguyễn Thùy Hương

3. Thạc sỹ Nguyễn Hoàng Vân

4. Thạc sỹ Bùi Thị Thanh Vân

PHỤ LỤC

NỘI DUNG

Chương I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHO HS TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Quan niệm về năng lực và dạy học phát triển năng lực

1.1.1.1. Quan niệm về năng lực

* Năng lực:

Có nhiều quan điểm tiếp cận và định nghĩa khác nhau về NL. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Trần Thị Quỳnh Trang tổng hợp một số quan điểm về NL theo các góc độ khác nhau. Dưới góc độ Tâm lý học, có một số quan điểm về NL: (1) NL là điều kiện tâm lý của cá nhân để hoàn thành có kết quả một hoạt động nào đó (N.X.Laytex, A.A. Xmiecnov, X.L. Rubinstein, A.V. Petropski...); (2) NL là những thuộc tính của cá nhân gồm cả những thuộc tính tâm lý và cả những thuộc tính giải phẫu sinh lý (A.G Covaliov, K.K Platonov...); (3) NL là sự kết hợp hợp lý kiến thức, kỹ năng và sự sẵn sàng tham gia để cá nhân hành động có trách nhiệm và biết phê phán tích cực hướng tới giải pháp cho các vấn đề (F.E. Weinert, 2001) hay OECD (Tổ chức các nước kinh tế phát triển, 2002) cho rằng NL là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong bối cảnh cụ thể. Tương tự, NL là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống (Quesbec Ministere de l'Education, 2004). [60]

Ở Việt Nam, cũng có nhiều hướng tiếp cận khi nghiên cứu về NL. Theo tác giả Hoàng Phê thì “NL là phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao” [44;660].

Theo tác giả Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng: *“NL là khả năng làm chủ các hệ thống kiến thức, kỹ năng - kỹ xảo, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống”* [58; 25]

Trong giáo trình Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục, tác giả Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh cho rằng *“NL của HS là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ... phù hợp với lứa tuổi và vận hành chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra cho chính các em trong cuộc sống”* [33;111].

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (2018) định nghĩa: NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất có sẵn và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác nhau như hứng thú, niềm tin, ý chí thực hiện thành công một hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể [12]

Trên cơ sở tiếp cận quan điểm của các nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng *“NL là tổ hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ của cá nhân để tiến hành hoạt động có hiệu quả, thể hiện qua cách vận dụng kiến thức linh hoạt, sử dụng kỹ năng thành thạo, sáng tạo và thể hiện thái độ phù hợp với yêu cầu của hoạt động, nhằm đảm bảo hoạt động tiến hành có hiệu quả”*

Như vậy, có thể hiểu NL được hình thành nên bởi kiến thức cá nhân, kỹ năng, thái độ và động cơ hành động của con người trong một hoàn cảnh cụ thể, nhất định. Các yếu tố đó của NL có mối quan hệ chặt chẽ, tồn tại cùng nhau góp phần tạo nên con người phát triển toàn diện về NL. NL được hiểu theo nghĩa gắn với hành động, NL học tập của HS biểu hiện ở khả năng tham gia vào hoạt động học tập trong nhà trường và vận dụng kết quả học tập ở nhà trường để kết nối thực hiện những hoạt động ngoài nhà trường và trong cuộc sống.

*** Cấu trúc của năng lực:**

Về cấu trúc, có nhiều quan điểm tiếp cận khác nhau; trong đó có ba cách tiếp cận chủ yếu: Tiếp cận cấu trúc NL theo mô hình kiến thức - kỹ năng - thái độ; tiếp cận cấu trúc NL thành phần; tiếp cận NL chung và NL riêng.

Trong luận văn này, chúng tôi dựa trên tiếp cận cấu trúc NL chung và NL riêng bởi vì ngoài việc phát triển các NL chung, mỗi môn học lại có khả năng hình thành và phát triển những NL đặc thù. Môn Lịch sử ngoài việc phát triển những NL chung còn góp phần phát triển một số NL chuyên biệt như NL tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, NL VDKTKN đã học.

1.1.1.2. Dạy học phát triển năng lực

Theo Từ điển Tiếng Việt *“phát triển là sự biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp”* [43; 100].

Phát triển còn được hiểu theo nghĩa là cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu. Hoặc phát triển được coi là sự lớn lên về mặt kích thước hay giá trị, tầm quan trọng của sự vật hay một vấn đề nào đó.

Dạy học phát triển NL cho HS THPT nói chung là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ hành động cá nhân... nhằm thực hiện hiệu quả hoạt động học tập trong một hoàn cảnh nhất định ở các giai đoạn khác nhau của quá trình học tập. Đồng thời, quá trình hình thành kỹ năng của HS được bắt đầu bằng chính việc họ phải thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, giám sát của GV.

- Dạy học phát triển NL VDKTKN:

Dạy học phát triển NL đặc biệt quan tâm đến chuẩn “đầu ra” của HS. Theo đó, dạy học phát triển NL VDKTKN đã học có một số đặc điểm sau:

+ Về mục tiêu, dạy học phát triển NL VDKTKN đã học chú trọng đến quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, NL thông qua việc VDKTKN đã học để giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề thực tiễn. Mục tiêu bài học được mô tả một cách chi tiết. Nó phải đánh giá, phải đo lường được NL của HS. Sau quá trình học tập, HS phải biết được cách làm, phải giải quyết được các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.

+ Về nội dung, dạy học theo hướng phát triển NL VDKTKN đã học thường tập trung phục vụ “đầu ra”, tức là dạy HS cách VDKTKN đã học vào cuộc sống. Chú trọng vào các kỹ năng thực hành, nội dung bài học thường có tính mở, liên quan đến thực tiễn, cập nhật được tình hình thực tế. Từ đó, HS có điều kiện để vận dụng kiến thức, kỹ năng vào trong cuộc sống.

+ Về phương pháp tổ chức, trong hoạt động dạy học GV chỉ đóng vai trò là người tổ chức các hoạt động, là người cố vấn cho các em có cơ hội học tập và tự mình khám phá tri thức. Hình thức tổ chức của dạy học theo hướng phát triển NL có sự đa dạng. GV có thể sử dụng hình thức bài lên lớp, ngoại khóa hay thực địa,... để tạo ra nhiều cơ hội cho HS học tập chiếm lĩnh tri thức. Đặc biệt với hình thức học tập ngoại khóa hay thực địa, các em HS được tự mình quan sát, đánh giá, nhận xét và giải thích các hiện tượng có thực trong cuộc sống hằng ngày. Từ đó, các em có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống thực tế.

+ Về kiểm tra đánh giá, trong dạy học theo hướng phát triển NL VDKTKN đã học, GV cần chú ý tới việc kiểm tra đánh giá vì sự tiến bộ của người học; kiểm tra đánh giá được khả năng HS VDKTKN đã học. Bên cạnh đó lúc này HS được tự mình tham gia vào quá trình đánh giá, được tự đánh giá bản thân và đánh giá đồng đẳng. Trong dạy học theo hướng phát triển NL, sản phẩm học tập cũng đa dạng hơn.

1.1.2. Cơ sở xuất phát của việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

1.1.2.1. Yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) đã thông qua Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018) được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và NL của HS, trong đó xác định mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT là “*giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời ...*”[12;6]. Mục tiêu giáo dục phổ thông nhấn mạnh việc chuyển từ định hướng “*tiếp cận nội dung*” sang “*phát triển năng lực và phẩm chất người học*”.

Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (2018) xác định năm phẩm chất chung cần bồi dưỡng và phát triển cho HS là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; đồng thời hình thành và phát triển cho HS những năng lực cốt lõi sau: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Nhưng do đặc trưng, nội dung và ưu thế của bộ môn Lịch sử hình thành và phát triển cho HS những NL đặc thù của bộ môn như NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL VDKTKN đã học.

1.1.2.2. Mục tiêu dạy học của bộ môn lịch sử ở trường trung học phổ thông:

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử (2018), xác định mục tiêu của môn Lịch sử “*có sứ mệnh giúp HS hình thành và phát triển NL lịch sử, thành phần của NL khoa học, thông qua hệ thống các chủ đề và chuyên đề về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, góp phần vào việc xây dựng những phẩm chất chủ yếu và NL chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*” [13;3].

Chương trình môn Lịch sử cấp THPT góp phần hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Do đặc trưng của Lịch sử, môn học chú trọng giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính, niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực; tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có tinh thần khai phóng và cởi mở

để chủ động hội nhập quốc tế, tiếp thành tựu và tinh hoa văn hóa nhân loại; yêu hòa bình, tôn trọng sự khác biệt, hữu nghị và hợp tác.

Chương trình môn Lịch sử 2018 góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Về năng lực đặc thù, môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển cho học sinh tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại. Những năng lực đặc thù của bộ môn Lịch sử đó là năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử; năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học.

1.1.2.3. Đặc điểm của quá trình nhận thức lịch sử

Đối với bộ môn Lịch sử, xuất phát từ lý luận chung, từ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của bộ môn, các nhà giáo dục Lịch sử đã khẳng định bản chất của quá trình DHLS: Quá trình DHLS cũng là một quá trình nhận thức đặc thù. Bởi vì, đây là sự nhận thức của cá thể HS, sự nhận thức trong lĩnh vực giáo dục và HS là người được giáo dục, chuẩn bị để sau này đảm nhiệm công việc xã hội. Cho nên quá trình nhận thức của HS trong học tập có ba đặc điểm là tính gián tiếp, được hướng dẫn và tính giáo dục.

Kiến thức lịch sử mà HS được lĩnh hội mang *tính quá khứ* rõ rệt. Mỗi sự kiện, hiện tượng lịch sử chỉ xảy ra một lần duy nhất, gắn với một khoảng thời gian, không gian và nhân vật cụ thể. Các em không thể “trực tiếp quan sát” được các sự kiện, hiện tượng, mà các em chỉ có thể nhận thức được một cách “gián tiếp” thông qua các tài liệu được lưu giữ lại, hoặc nhận thức thông qua bài giảng, hướng dẫn của GV. Và GV cũng không thể tiến hành thí nghiệm để dựng lại quá khứ lịch sử đúng như nó tồn tại để cho HS quan sát.

Đặc biệt, kiến thức lịch sử mang *tính không lặp lại* về cả không gian và thời gian. Mỗi sự kiện, hiện tượng lịch sử chỉ xảy ra trong một thời gian và không gian nhất định, trong những thời gian và không gian khác nhau. Không có một sự kiện, hiện tượng lịch sử nào hoàn toàn giống nhau, dù có điểm giống nhau, lặp lại mà là sự kế thừa, phát triển - “sự lặp lại trên cơ sở không lặp lại”. Bởi vậy, trong giảng dạy lịch sử, khi trình bày một sự kiện, hiện tượng nào đó GV phải xem xét tính cụ thể cả về thời gian và không gian làm nảy sinh sự kiện, hiện tượng ấy.

Đồng thời, kiến thức lịch sử *mang tính cụ thể*, sinh động, giàu hình ảnh. Không một sự kiện nào mà không gắn với địa điểm, thời gian, con người. Các sự kiện, hiện tượng lịch sử càng cụ thể bao nhiêu, càng sinh động bao nhiêu lại càng hấp dẫn bấy nhiêu.

Kiến thức lịch sử *mang tính hệ thống*. Các sự kiện, hiện tượng lịch sử có mối quan hệ gắn liền với nhau, không tách rời nhau. Không có sự kiện nào hoàn toàn

đơn độc. Hơn nữa, các sự kiện lịch sử xảy ra không phải ngẫu nhiên mà có một quá trình hình thành, phát triển và kết thúc nhất định. Nó biểu hiện mối liên hệ giữa các sự kiện hiện tượng một cách chặt chẽ, tạo nên tính logic tất yếu của lịch sử. Điều này đòi hỏi GV phải chú ý đến mối liên hệ giữa các sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử để cung cấp cho HS những tri thức lịch sử khoa học, hệ thống và hoàn chỉnh.

Ngoài những điểm trên, kiến thức lịch sử còn mang tính thống nhất giữa “sử” và “luận”. HS nhận thức sự kiện, không chỉ dừng lại ở việc “biết”, mà cần phải giải thích sự kiện, so sánh, đánh giá, rút ra quy luật và bài học kinh nghiệm. Mọi giải thích, bình luận đều phải xuất phát từ sự kiện cụ thể, chính xác, đáng tin cậy. Đây chính là biểu hiện của NL VDKTKN để giải quyết vấn đề trong học tập.

Chính từ những đặc điểm trên, chúng ta thấy rằng quá trình nhận thức lịch sử của HS là một quá trình phức tạp, mang tính đặc thù từ giai đoạn nhận thức cảm tính đến giai đoạn nhận thức lý tính và vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề học tập và thực tiễn là cấp độ cao nhất của quá trình nhận thức.

Tóm lại, học tập lịch sử là quá trình nhận thức theo quy luật với những đặc trưng riêng biệt của bộ môn. Vì vậy, trong DHLS đòi hỏi GV cần có những PPDH phù hợp giúp HS khôi phục lại bức tranh quá khứ đúng như nó tồn tại. Quan trọng phải phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo của HS, hình thành và phát triển các NL, đặc biệt là NL VDKTKN trong học tập lịch sử, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

1.1.3. Hệ thống năng lực cần phát triển cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

1.1.3.1. Hệ thống các năng lực chung

Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, NL được phân thành NL chung và NL chuyên biệt. Mỗi môn học trong nhà trường phổ thông đều phải có trách nhiệm góp phần phát triển hệ thống NL chung, cốt lõi cho HS, tùy thuộc vào đặc trưng nội dung và thể mạnh của bộ môn.

DHLS ở trường THPT theo định hướng phát triển NL đều hướng tới hình thành hai loại NL này. Trong nghiên cứu mình, tác giả Lê Thị Thu đã xác định một số NL chung cần hình thành và phát triển cho HS trong DHLS ở trường THPT. Cụ thể:

Bảng 1: Biểu hiện các NL chung trong DHLS [52]

NL chung	Biểu hiện trong môn Lịch sử
NL tự chủ và tự học	- Chủ động sưu tầm, phân loại và sử dụng tài liệu vào học tập. - Tự đọc và phát hiện kiến thức cơ bản trong SGK Lịch sử. - Khai thác được các phương tiện trực quan để học tập chủ động. - Trình bày được một vấn đề LS theo ý hiểu của bản thân.

	- Chủ động trả lời được câu hỏi và tự đặt câu hỏi. - Tự lập kế hoạch ôn tập, củng cố và mở rộng kiến thức.
NL giải quyết vấn đề và sáng tạo	- Khả năng nhận thức và giải quyết một vấn đề lịch sử. - Vận dụng các thao tác tư duy (so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa...) để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Xác định và giải quyết được mối liên hệ, sự tác động giữa các sự kiện lịch sử. - Lựa chọn được cách giải quyết một vấn đề lịch sử hay các tình huống đặt ra trong thực tiễn một cách tối ưu. - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm từ những quá khứ lịch sử.
NL giao tiếp và hợp tác	- Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và cách thức hợp tác. - Biết tổ chức làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề LS. - Biết cách trình bày ý tưởng cá nhân và trao đổi thảo luận trong nhóm, chủ động đề xuất giải quyết nhiệm vụ học tập. - Biết tôn trọng sự khác biệt, thấu cảm thái độ của người khác và khả năng chia sẻ trách nhiệm khi giải quyết một vấn đề LS. - Biết tiếp thu, góp ý và hỗ trợ nhau thực hiện nhiệm vụ học tập.
NL sử dụng CNTT và truyền thông (ICT)	- Khai thác Internet (thông tin tư liệu, tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu...) để tìm kiếm nội dung những kiến thức lịch sử. - Sử dụng phần mềm dạy học như sơ đồ tư duy, Powerpoint để trình bày nội dung lịch sử.
NL tính toán	- Sử dụng thống kê toán học trong học tập bộ môn Lịch sử như vẽ sơ đồ, biểu đồ, đồ thị lịch sử.

1.1.3.2. Hệ thống năng lực chuyên biệt cần phát triển cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT

Trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, NL môn Lịch sử là một thành phần của NL tìm hiểu xã hội. Trên cơ sở những yêu cầu về NL tìm hiểu xã hội, môn Lịch sử ở THPT giúp HS phát triển và hoàn thiện những NL chuyên môn Lịch sử, bao gồm: NL tìm tòi và khám phá lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học. Cụ thể: [12]

Bảng 2: Các NL chuyên biệt của môn Lịch sử

NL chuyên biệt	Biểu hiện trong môn Lịch sử
-----------------------	------------------------------------

NL tìm hiểu lịch sử	- Nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử: phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. - Tái hiện và trình bày lịch sử: mô tả, trình bày quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
NL nhận thức và tư duy lịch sử	- Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. - Đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử, hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
NL VDKTKN đã học	- Biết nhận xét, đánh giá, rút ra được bài học lịch sử và khả năng kết nối quá khứ với hiện tại. - Biết vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. - Trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển NL sáng tạo và khả năng xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và NL tự học lịch sử suốt đời.

Như vậy, trên thực tế hiện nay mặc dù có nhiều cách phân loại các NL chuyên biệt cần hình thành và phát triển cho HS trong môn Lịch sử, nhưng đều có quan điểm thống nhất rằng, các NL chuyên biệt phải phản ánh được đặc trưng của môn học và đặc điểm nhận thức lịch sử của HS cũng như quy luật chung của quá trình nhận thức.

1.1.4. Nội dung và biểu hiện của năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

1.1.4.1. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng

Theo Hoàng Phê, vận dụng là đem tri thức áp dụng vào thực tiễn; còn kĩ năng được hiểu là khả năng áp dụng những tri thức đã có trong một lĩnh vực nào đó vào thực tiễn [44].

Theo Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh: NLVDKT là khả năng của bản thân người học tự giải quyết những vấn đề đặt ra một cách nhanh chóng và hiệu quả bằng cách áp dụng kiến thức đã lĩnh hội vào những tình huống, những hoạt động

thực tiễn để tìm hiểu thế giới xung quanh và có khả năng biến đổi nó. NLVDKTKN thể hiện phẩm chất, nhân cách của con người trong quá trình hoạt động để thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh tri thức. [33]

Như vậy, NLVDKTKN là khả năng chủ thể phát hiện được vấn đề thực tiễn, huy động được các kiến thức liên quan hoặc tìm tòi, khám phá các kiến thức nhằm thực hiện giải quyết các vấn đề thực tiễn đạt hiệu quả

1.1.4.2. Các biểu hiện của năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng trong dạy học lịch sử

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử xác định: NLVDKTKN là một trong những NL đặc thù của môn lịch sử bên cạnh NL Tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử. Theo đó, NLVDKTKN là NL HS biết sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để:

- Nhận xét, đánh giá, rút ra được bài học lịch sử và khả năng kết nối quá khứ với hiện tại.
- Biết vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.
- Trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển NL sáng tạo và khả năng xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và NL tự học lịch sử suốt đời.

Trên cơ sở nội dung của NL VDKTKN trong chương trình môn Lịch sử do Bộ giáo dục đưa ra, chúng tôi xây dựng một số biểu hiện cụ thể của NL VDKTKN trong dạy học lịch sử như sau:

Bảng 3: Các biểu hiện của NL VDKTKN trong DHLS

NL thành phần	Các biểu hiện NL VDKTKN trong DHLS
VDKTKN để đánh giá, giải thích các sự kiện hiện tượng theo quan điểm lịch sử.	- Giải thích các sự kiện, hiện tượng LS phải đặt trong bối cảnh điều kiện LS nó nảy sinh và phát triển. - Xem xét những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử. - Đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử
VDKTKN để giải quyết các vấn đề trong học tập	- Khai thác và sử dụng các tài liệu học tập, đồ dùng học tập. - Phát hiện vấn đề và lập kế hoạch giải quyết các vấn đề trong học tập. - Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập. - Có khả năng xử lí các thông tin từ các nguồn khác nhau, có khả năng tự học lịch sử.
VDKTKN để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống	- Hiểu được ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử.

	- Rút ra được những bài học, quy luật từ các sự kiện, hiện tượng lịch sử (cả bài học thành công và thất bại). - So sánh được các sự kiện, hiện tượng của LS với các vấn đề đang xảy ra hiện nay. Rút ra được những điểm tương đồng, khác biệt để hành động trong thực tiễn. - Biết cập nhật, nhạy bén với những vấn đề mang tính thời sự. - HS có thể đưa ra đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống
VDKTKN để NCKH	- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Thực hiện được các bước của một đề tài NCKH. - Hoàn thiện được một đề tài NCKH. - Đề xuất được một số giải pháp mới, sáng tạo.

1.1.5. Ý nghĩa của việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

Dạy học PTNL giúp HS tích cực hoá hoạt động trí tuệ, đồng thời rèn luyện hoạt động trí tuệ gắn với thực hành, thực tiễn. Phát triển NL VDKTKN cho HS có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết những nhiệm vụ đặt ra của HS như lĩnh hội tri thức, VDKTKN để giải quyết các nhiệm vụ học tập và cao hơn là giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Cụ thể:

- Với việc phát triển NL VDKTKN cho học sinh có thể giải quyết được những nhiệm vụ đặt ra như: VDKTKN đã học để tiếp thu và hiểu sâu sắc kiến thức mới, giải quyết được những vấn đề khó trong học tập; có khả năng liên hệ, liên kết các kiến thức bởi những vấn đề thực tiễn liên quan đến kiến thức khoa học.

- VDKTKN vào trong học tập và trong cuộc sống giúp các em học đi đôi với hành. Giúp HS xây dựng thái độ học tập đúng đắn, phương pháp học tập chủ động, tích cực, sáng tạo; lòng ham học, ham hiểu biết; phát triển NL tự học.

- Phát triển NLVDKTKN trong DHLS góp phần hình thành cho HS kỹ năng quan sát, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, hình thành phương pháp NCKH; hình thành và phát triển kỹ năng nghiên cứu thực tiễn; Có tâm thế luôn luôn chủ động trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Như vậy, việc phát triển NLVDKTKN cho HS là rất cần thiết, giúp HS giải quyết được nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống; giúp HS có khả năng tồn tại, phát triển và hội nhập tốt trong xã hội hiện đại.

1.1.6. Những tiêu chí đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

1.1.6.1. Khái niệm đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng

NL của mỗi cá nhân được bộc lộ qua các hoạt động ở những tình huống, hoàn cảnh cụ thể. Vì vậy, có thể đo lường và đánh giá được NL của mỗi người trong tình huống cụ thể. Nhiều tác giả cho rằng, đánh giá theo hướng tiếp cận NL là đánh giá bao gồm kiến thức, kỹ năng, khả năng vận dụng kiến thức kỹ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập tới chuẩn đầu ra nào đó.

Từ những cơ sở lí luận trên, chúng tôi cho rằng đánh giá NLVDKTKN của HS THPT là đo lường khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết các vấn đề trong học tập, NCKH, tình huống cụ thể trong thực tiễn, trong đó chú trọng đánh giá việc sáng tạo kiến thức của HS. Các biểu hiện của NL càng được cụ thể hóa, chi tiết hóa trong các hoạt động dạy học đặc trưng của bộ môn Lịch sử thì tính chính xác của quá trình đánh giá càng cao, tức là mỗi mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập trong mỗi biểu hiện là một đơn vị đo lường trong thang đánh giá NLVDKTKN.

1.1.6.2. Những tiêu chí đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông

Để có cơ sở đánh giá mức độ rèn luyện và phát triển NL VDKTKN cho HS trong quá trình DHLS ở trường THPT, chúng tôi xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các mức độ phát triển NL VDKTKN trong môn Lịch sử như sau:

Bảng 4: Tiêu chí đánh giá các mức độ phát triển NL VDKTKN trong DHLS

Nội dung NL VDKTKN	Mức 1 (HS chưa có NL)	Mức 2 (HS đang hình thành NL)	Mức 3 (HS có NL)
1. NL đánh giá, giải thích các sự kiện hiện tượng theo quan điểm lịch sử			
Giải thích các sự kiện, hiện tượng LS phải đặt trong bối cảnh kiện LS nó nảy sinh và phát triển	- HS chưa biết cách giải thích các sự kiện hiện tượng LS hoặc giải thích thiếu chính xác	- HS biết cách giải thích các sự kiện, hiện tượng LS.	- HS giải thích được các sự kiện hiện tượng LS đầy đủ, chính xác
Xem xét những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử	- HS chưa thấy rõ những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.	- HS đã hiểu những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.	- HS đã hiểu đúng, đầy đủ những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

Đánh giá những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử	- HS chưa biết cách đánh giá hoặc đánh giá chưa đầy đủ, chính xác những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.	- HS biết cách đánh giá khá đầy đủ những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.	- HS đánh giá chính xác, đầy đủ những tác động của những điều kiện đối với các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
2. VDKTKN để thực hiện các nhiệm học tập			
Khai thác và sử dụng các tài liệu học tập, đồ dùng học tập	- HS chưa biết khai thác và sử dụng các tài liệu học tập, đồ dùng học tập.	- HS biết khai thác và sử dụng các tài liệu học tập, đồ dùng học tập.	- HS tích cực, chủ động khai thác và sử dụng các tài liệu học tập, đồ dùng học tập.
Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ học tập	HS chưa hiểu rõ các nhiệm vụ cần giải quyết trong học tập.	HS lập được kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ học tập.	-HS tích cực, chủ động, sáng tạo lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Hoàn thành các nhiệm vụ học tập	HS chưa hoàn thành được các nhiệm vụ học tập	HS hoàn thành được các nhiệm vụ học tập	HS hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ học tập
Xử lí các thông tin từ các nguồn khác nhau, tự học lịch sử	HS chưa biết cách xử lí thông tin, chưa có khả năng tự học	HS biết xử lí thông tin từ các nguồn khác nhau, biết tự học	HS chủ động, sáng tạo trong xử lí thông tin; có khả năng tự học lịch sử suốt đời
3. VDKTKN để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
Hiểu được ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử	- HS chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử.	- HS hiểu được ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử.	- HS hiểu chính xác và đầy đủ ý nghĩa, tác động của sự kiện, hiện tượng hay quá trình lịch sử.
- Rút ra được những bài học, quy luật từ các sự kiện, hiện	- HS chưa rút ra được những bài học, quy luật từ các	HS đã rút ra được một số bài học, quy luật từ các sự	HS rút ra đầy đủ những bài học, quy luật từ các sự kiện, hiện tượng lịch sử

tượng lịch sử	sự kiện, hiện tượng lịch sử.	kiện, hiện tượng lịch sử.	(cả bài học thành công và thất bại).
So sánh được các sự kiện, hiện tượng của LS với các vấn đề đang xảy ra hiện nay.	HS chưa so sánh được các sự kiện, hiện tượng của LS với các vấn đề đang xảy ra hiện nay.	HS đã so sánh được các sự kiện, hiện tượng của LS với các vấn đề đang xảy ra hiện nay.	HS rút ra được những điểm tương đồng, khác biệt của các sự kiện, hiện tượng LS với vấn đề đang xảy ra hiện nay. Từ đó, đề có điều chỉnh hành động trong thực tiễn.
Cập nhật, nhạy bén với những vấn đề mang tính thời sự.	HS không cập nhật với những vấn đề mang tính thời sự.	HS cập nhật, nhạy bén với những vấn đề mang tính thời sự.	HS chủ động, tích cực cập nhật, nhạy bén với những vấn đề mang tính thời sự.
Đề xuất một số giải pháp để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	HS chưa đưa ra được các đề xuất để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.	HS đưa ra được các đề xuất để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.	HS chủ động đưa ra được các đề xuất và biện pháp thực hiện khả thi để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
4. VDKTKN để NCKH			
Lựa chọn ra vấn đề nghiên cứu.	- HS chưa biết lựa chọn ra vấn đề nghiên cứu phù hợp.	- HS biết lựa chọn ra vấn đề nghiên cứu phù hợp.	HS chủ động lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp.
Thực hiện được các bước của một đề tài NCKH	- HS chưa hiểu và chưa thực hiện được các bước của một đề tài NCKH	- HS hiểu được và thực hiện được các bước của một đề tài NCKH	- HS nắm vững và thực hiện thuần thục được các bước của một đề tài NCKH, hoàn thiện được một đề tài NCKH
Đề xuất được một số giải pháp mới, sáng tạo	- HS chưa biết đề xuất một số giải pháp mới	- HS đề xuất được một số giải pháp mới.	- HS chủ động đề xuất được một số giải pháp mới, sáng

			tạo, có tính khả thi cao.
--	--	--	---------------------------

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Thực trạng dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông Chuyên Lương Văn Tụy

Trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy là trường chuyên của Ninh Bình nằm trong hệ thống trường THPT Chuyên trên cả nước. Năm học 2021-2022, trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy có tổng số 1353 HS, gồm 13 lớp chuyên mỗi khối: Toán, Văn, Anh (2 lớp chuyên/ môn); Lí, Hoá, Sinh, Tin, Sử, Địa, Pháp.

Do đặc thù của trường THPT Chuyên, chương trình các môn học ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy thực hiện cùng lúc hai chương trình là chương trình cơ bản và chương trình chuyên. Chương trình môn Lịch sử gồm chương trình cơ bản dành cho các khối chuyên Toán, Lí, Hoá, Tin, Sinh, Văn, Địa, Anh, Pháp. Còn chương trình chuyên dành cho khối chuyên Sử.

Theo khoản 1 điều 2 trong Quy chế trường chuyên (5/2014) có nêu: Mục tiêu của trường chuyên là phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập và phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

- Từ thực tiễn giảng dạy tại trường trong những năm qua, chúng tôi nhận thấy việc dạy học lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy có những ưu điểm sau đây:

- Theo quy định, ở trường THPT Chuyên, các lớp chuyên luôn có sĩ số không quá 35HS/1 lớp, dao động trong khoảng từ 30-35 HS. Sĩ số lớp này là điều kiện thuận lợi cho HS có thể tổ chức các hoạt động học tập và theo dõi được quá trình hoạt động của HS.

- So với các trường khác trong tỉnh, chất lượng đầu vào của HS Chuyên Lương Văn Tụy là cao nhất. HS trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy được tuyển chọn qua một kì thi chặt chẽ, quy củ. Để vào trường chuyên Lương Văn Tụy, HS sẽ tham gia kỳ thi tuyển sinh lớp 10 do Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình tổ chức với các môn thi như Toán, Văn, Tổng hợp và môn chuyên. Điểm xét tuyển là tổng điểm của 4 môn (Toán, Văn, Tổng hợp tính điểm hệ số 1; môn Chuyên hệ số 2 hoặc hệ số 3), trong đó điểm môn Chuyên phải từ 5 điểm mới đủ điều kiện trúng tuyển. Do đó, khi đỗ vào trường chuyên, các em đã bước đầu khẳng định được năng lực học tập nhất định của bản thân ở một bộ môn khoa học nào đó. Nhìn chung, các em có

khả năng tư duy độc lập, tinh thần tự giác trong học tập và khả năng sáng tạo. Trong học tập, HS có mục tiêu rõ ràng, mạnh dạn bày tỏ quan điểm bản thân, cá tính riêng của mình. Thêm nữa, các em luôn khát khao được khám phá, được tìm đến những tri thức mới mẻ, hấp dẫn.

- Đối với bộ môn Lịch sử, ngoài khối chuyên Sử, ở các khối chuyên khác như Văn, Địa, Anh, nhiều HS lựa chọn tổ hợp khoa học xã hội để tham gia kì thi THPT quốc gia nên hầu hết các em đều có ý thức nghiêm túc với bộ môn. Còn HS chuyên Sử có nhiều em có niềm đam mê với Lịch sử; được học tập trong môi trường chuyên sâu, có thời lượng học tập bộ môn lịch sử nhiều hơn hệ phổ thông và nội dung kiến thức được học khá sâu sắc, toàn diện. Hàng tuần ngoài số tiết chính thức theo thời khóa biểu (03 tiết/1 tuần), HS chuyên Sử còn được học các tiết chuyên đề, các buổi bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp. Vì vậy, đây chính là cơ hội để các em được tiếp tục phát huy năng lực, sở trường, niềm yêu thích bộ môn của bản thân.

- Hiện nay, trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy có 130 cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Trong đó có 7 GV Sử, đều là nữ, trong độ tuổi từ 28-45. Đội ngũ GV của trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy, đặc biệt nhóm Sử đều là những GV trẻ, có NL, nhiệt huyết, say mê trong công tác chuyên môn; có ý thức đầu tư, có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm với nghề. Nhiều GV có kinh nghiệm dày dặn trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp, đặc biệt là học sinh giỏi quốc gia.

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, việc DHLS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy cũng gặp phải những khó khăn:

Thứ nhất, do quan niệm chưa đúng về bộ môn Lịch sử của các cấp quản lý, GV, HS và xã hội, môn Lịch sử luôn bị coi là môn học phụ không cần chú ý. Do đó, có nhiều HS đam mê, yêu thích môn học nhưng bị gia đình phản đối và định hướng thi môn và các ngành nghề khác.

Thứ hai, do đặc thù trường chuyên, nội dung và yêu cầu của môn chuyên rất nặng, do đó HS các khối chuyên khác gần như không có nhiều thời gian cho các môn học khác, nhất là một môn bị xếp vào là môn phụ như Lịch sử.

Thứ ba, các lớp chuyên Sử cũng là các lớp có đầu vào thấp nhất trường. Một số HS thi vào chuyên Sử chỉ để lấy môi trường học tập ở trường chuyên chứ không có năng khiếu hay đam mê với môn chuyên. Đây là những HS có năng lực và động lực học tập môn Lịch sử không cao.

Thứ tư, do sứ mệnh của trường Chuyên là phát hiện, bồi dưỡng các hạt nhân, tham gia các kì thi học sinh giỏi các cấp nên các GV cũng phải chịu sức ép rất lớn về thành tích. Trong bối cảnh thi cử vẫn chưa thay đổi nhiều, nhất là các kì thi học

sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia nên các GV cũng chưa chú trọng nhiều đến đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất cho HS mà đang tập trung trang bị kiến thức, kĩ năng làm bài thi là chủ yếu.

Bên cạnh đó, đặc điểm của việc DHLS ở trường THPT Chuyên, một GV phải dạy nhiều lớp, nhiều khối, phải dạy song song hai chương trình (Chương trình chuyên và chương trình cơ bản). Do đó, GV không có nhiều thời gian để đầu tư đổi mới phương pháp và kĩ thuật dạy học. Điều này cũng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục bộ môn và hứng thú của HS đối với môn học.

1.2.2. Thực trạng việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông Chuyên Lương Văn Tụy

** Mục đích điều tra, khảo sát:* nhằm làm rõ thực trạng DHLS nói chung, dạy học phát triển NL VDKTKN cho HS ở trường THPT chuyên Lương Văn Tụy - Ninh Bình.

Kết quả điều tra, khảo sát làm cơ sở thực tiễn để chúng tôi nghiên cứu, đề xuất các biện pháp phát triển NL VDKTKN cho HS khi dạy các chuyên đề Lịch sử 10 (Chương trình 2018), góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn ở trường THPT ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy nói riêng và các trường THPT khác nói chung.

** Đối tượng và địa bàn điều tra:*

Về phía GV, chúng tôi tiến hành điều tra 7 GV dạy bộ môn Lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy. Các cô giáo dạy chuyên Sử đều ở độ tuổi từ 28 đến 45, là những GV có trình độ chuyên môn vững vàng; có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, bồi dưỡng HS giỏi, đam mê chuyên môn và có trách nhiệm nghề nghiệp cao.

Về phía HS, chúng tôi thực hiện điều tra, khảo sát với 175 HS khối 10 các lớp Văn, Sử, Địa, Anh, Pháp- trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy 2021-2022.

** Phương pháp điều tra, khảo sát:*

Để thu thập thông tin khảo sát, chúng tôi tiến hành qua 2 phương pháp khảo sát cơ bản: Thứ nhất: tiến hành khảo sát thông qua phiếu khảo sát, được số hóa dưới dạng kết hợp các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Đa số các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng lưới trắc nghiệm để đảm bảo sự chi tiết về nội dung khảo sát. Thứ hai: phỏng vấn và quan sát trên đối tượng khảo sát. Số liệu điều tra, khảo sát được xử lí, đối chiếu, so sánh để rút ra các kết luận khoa học.

Kết quả khảo sát

** Kết quả điều tra, khảo sát GV*

Chúng tôi đã đưa ra một số câu hỏi về nhận thức của GV về NL và NL VDKTKN trong DHLS; thực trạng sử dụng các PPDH nhằm phát triển NL

VĐKTKN cho HS; những khó khăn trong quá trình dạy học phát triển NL VĐKTKN cho HS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy

Sau khi thực hiện khảo sát, xin ý kiến 7 GV Lịch sử của trường THPT Lương Văn Tụy (phiếu điều tra - phụ lục 01), chúng tôi thu được các kết quả như sau:

- Nhận thức của GV về NL và NL VĐKTKN

+ 7/7 GV đều nhận hiểu rõ khái niệm NL và tán thành việc cần thiết phải phát triển NL cho HS trong dạy học LS ở trường THPT.

+ Về mức độ chú trọng hình thành các NL đặc thù cho HS trong DHLS:

Bảng 5: Mức độ chú trọng của GV trong việc hình thành và phát triển các NL cho HS trong DHLS

Năng lực	Kết quả	Tỉ lệ	Thứ tự
NL tìm hiểu Lịch sử	2/7	28.6	2
NL Nhận thức và tư duy lịch sử	4/7	57.1	1
NLVĐKTKN	1/7	14.3	3

Phần lớn GV (4/7) chọn “Nhận thức và tư duy LS” là năng lực được chú trọng phát triển nhất; sau đó đến tìm hiểu LS. NL VĐKTKN tuy có được lựa chọn nhưng đứng sau cùng. Như vậy, có thể thấy các GV ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy đã có những nhận thức về DH PTNL, tuy nhiên chưa chú trọng nhiều đến NL VĐKTKN mà mới chỉ tập trung vào NL Tìm hiểu LS và Nhận thức và tư duy LS.

+ Về quan điểm của GV về NLVĐKTKN:

Bảng 6: Quan điểm của GV về khái niệm NLVĐKTKN

Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng trong DHLS là	Đồng ý
- là khả năng vận dụng được kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi, bài tập.	14.3%
- là khả năng vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập.	42.9%
- là khả năng vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.	28.6%
- là khả năng vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một số vấn đề trong học tập, NCKH và một số tình huống cụ thể trong thực tiễn.	85.7%

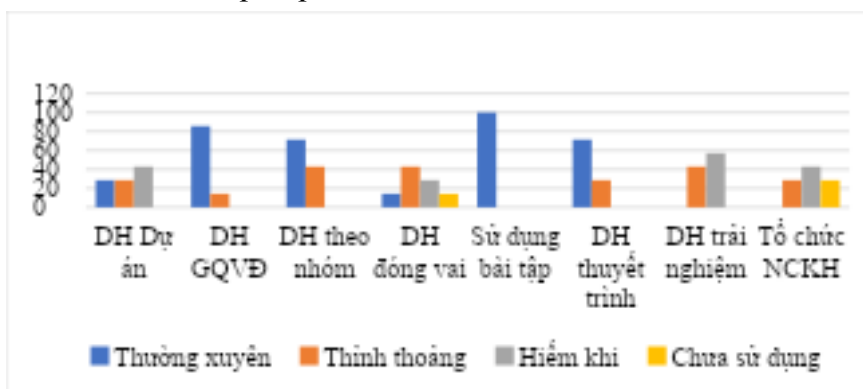
Từ kết quả ở **Bảng 6** chúng tôi thấy hầu hết GV (6/7GV = 85.7%) đều đồng ý với quan điểm NLVĐKTKN là khả năng vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học

để giải quyết một số vấn đề trong học tập, NCKH và một số tình huống cụ thể trong thực tiễn. Đây cũng chính là cách hiểu đầy đủ nhất về NL VDKTKN và đã được trình bày trong các tài liệu.

+ Về ý nghĩa của NL VDKTKN, có 43.% GV (3 GV) cho rằng DH phát triển NLVDKTKN giúp HS học tập hiệu quả, thậm chí rất hiệu quả (43%- 3 GV); giúp HS dễ hiểu bài, tiếp thu bài nhanh, khắc sâu và mở rộng kiến thức; tạo không khí lớp học sôi nổi, gây hứng thú học tập cho HS; nâng cao tính tích cực học tập; rèn tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề,... cho HS. Có 14% GV (1) cho rằng DH phát triển NLVDKTKN mang lại ít hiệu quả học tập cho HS - tỉ lệ này là không đáng kể và không có GV nào phủ nhận tính hiệu quả của DH phát triển NLVDKTKN đem lại cho HS.

- Thực tiễn DH phát triển NL VDKTKN ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy:

+ Về mức độ, tần suất sử dụng các PPDH nhằm phát triển NL VDKTKN, chúng tôi thu được kết quả qua **Biểu đồ 1**



Biểu đồ 1: Mức độ sử dụng một số PPDH nhằm PTNL VDKTKN cho HS

Có thể thấy, các GV LS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy đã ưu tiên sử dụng 3 PPDH để phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLS, là PP sử dụng bài tập (100%), dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo nhóm. Đây là những PPDH phù hợp với HS trường chuyên, nhất là với các lớp chuyên Sử, cần chọn ra những HS có tố chất tham gia các kì thi học sinh giỏi các cấp. Vì kì thi học sinh giỏi các cấp vẫn diễn ra với hình thức ra đề tự luận hoặc trắc nghiệm truyền thống, do đó, các PPDH phù hợp được các GV sử dụng nhiều nhất. Dạy học dự án, đóng vai cũng được GV thỉnh thoảng thực hiện chủ yếu trong các giờ học thi GV giỏi hoặc các tiết học thanh tra có nhiều đồng nghiệp dự giờ. Các HĐTN, NCKH được một số GV thỉnh thoảng sử dụng, còn lại là hiếm khi thực hiện. Điều này chứng tỏ, các GV đã và đang thực hiện dạy học phát triển năng lực VDKTKN. Tuy nhiên, mức độ vẫn còn thấp và sử dụng và PPDH chưa linh hoạt, cần được cải thiện trong thời gian tới.

Khi được hỏi về vấn đề này, cô Nguyễn Hoàng Vân- GV môn Lịch sử trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy chia sẻ “do nội dung chương trình nặng tính hàn lâm và thi cử (các kì thi học sinh giỏi, thi tốt nghiệp) vẫn hỏi nhiều về nội dung kiến thức nên chúng tôi phải chú trọng sử dụng các PPDH truyền thống nhằm đảm bảo cung cấp kiến thức cho HS phục vụ các kì thi”

+ Về đánh giá hiệu quả các PPDH nhằm PT NL VDKTKN cho HS trong DHLS, khảo sát cho kết quả như sau: tất cả GV ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy đều đánh giá PPDH dạy học dự án, dạy học trải nghiệm có mức độ hiệu quả nhất trong việc phát triển NLVDKTKN cho HS, nhất là năng lực VDKTKN đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. DH thuyết trình, đàm thoại ít hoặc không có hiệu quả trong việc phát triển NLVDKTKN cho HS. Như vậy, các GV ở trường Lương Văn Tuy đã nhận thức được ưu điểm của các PPDH hiện đại như dạy học dự án, dạy học trải nghiệm trong việc phát triển NL cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN.

+ Về những khó khăn khi vận dụng các biện pháp nhằm phát triển NL VDKTKN cho HS:

Qua khảo sát, tất cả các GV đều đồng ý với những khó khăn mà chúng tôi đưa ra. Kết quả điều tra, khảo sát được phản ánh cụ thể qua biểu đồ: có 42,8% GV (3/7) được hỏi đồng ý là việc áp dụng các biện pháp dạy học phát triển NL nói chung và NL VDKTKN nói riêng tốn nhiều thời gian, tâm sức và trí tuệ của thầy cô; 28,5% GV (2/7 GV) cho rằng một bộ phận HS ở trường chuyên còn chưa tích cực, chủ động trong quá trình học tập do vẫn coi môn Lịch sử là môn phụ; và 14,2% (1/7) GV cho rằng mình chưa cập nhật được các PPDH và kĩ thuật hiện đại cũng như cho rằng kinh phí để tổ chức các hoạt động phát triển NL, nhất là NL VDKTKN như HĐTN là một khó khăn. Ngoài những khó khăn trên, cô giáo Nguyễn Thuỳ Hương chia sẻ thêm “Do số lượng kiến thức trong chương trình còn nhiều nên không đủ thời gian để liên hệ với thực tiễn. Việc tổ chức các hoạt động rất mất thời gian trong khi tiết học chỉ có thời lượng 45 phút”.

Như vậy, qua kết quả thu thập được sau khi khảo sát có thể thấy GV đã có những nhận thức đúng đắn về dạy học PTNL. Các GV cũng đã sử dụng các biện pháp, PPDH tích cực vào quá trình dạy học nhằm phát triển NL cho HS, trong đó có NL VDKTKN. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng các biện pháp, PPDH nhằm phát triển NL VDKTKN, các GV còn gặp phải một số những khó khăn, rào cản. Do đó,

mức độ sử dụng của các biện pháp, PPDH là chưa thường xuyên, ảnh hưởng đến việc phát triển NL cho HS trong quá trình dạy học.

Từ những khó khăn nêu trên, tác giả có cơ sở để đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc DHLS phát triển NL VDKTKN cho HS

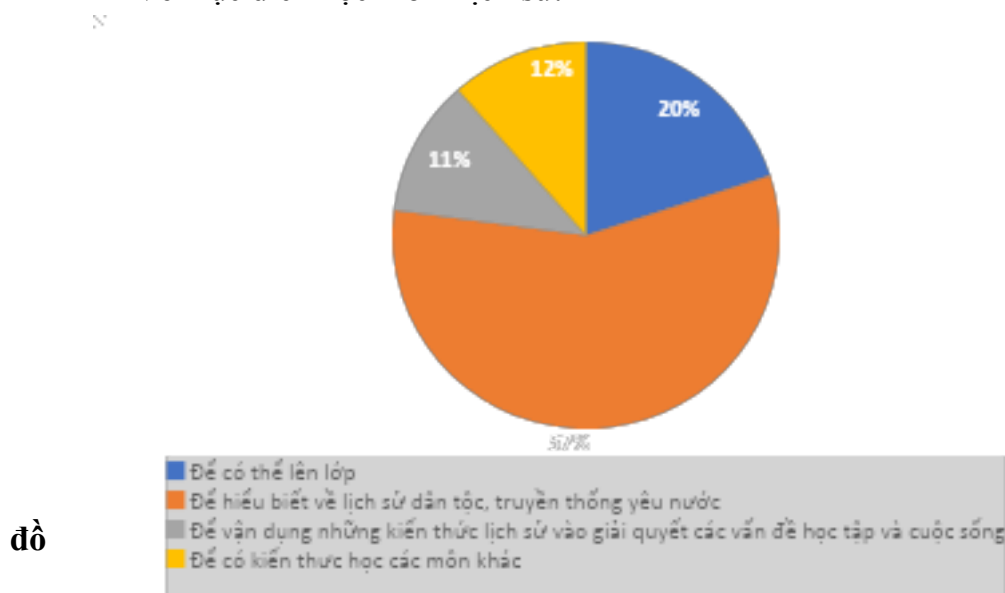
** Kết quả điều tra, khảo sát HS.*

Đối với HS, khi thực hiện khảo sát chúng tôi tập trung vào việc điều tra thái độ của HS đối với môn Lịch sử và mục đích của học tập Lịch sử; thực trạng việc học tập Lịch sử của HS trên lớp; mức độ quan tâm đến các vấn đề chính trị- kinh tế- xã hội của thế giới, đất nước và địa phương để liên hệ với kiến thức lịch sử.

- Thái độ của HS đối với việc học tập Lịch sử

+ Về nhận thức của HS về sự cần thiết học bộ môn Lịch sử của HS ở trường THPT: Kết quả khảo sát cho thấy có 112/175 HS (64%) cho rằng HS THPT vẫn cần thiết phải học Lịch sử; còn 63/175 HS (36) cho là không cần thiết. Điều này cho thấy phần lớn HS vẫn nhận thức được tầm quan trọng của môn Lịch sử ở trường THPT.

+ Về mục đích học môn Lịch sử:

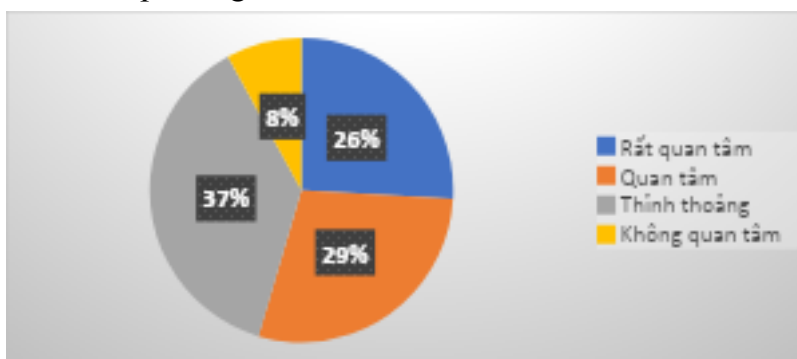


đích học bộ môn Lịch sử của HS

Về mục đích học bộ môn Lịch sử của HS: Đa số HS (100/175 HS chiếm tỉ lệ 57%) là xác định mục đích học tập bộ môn LS là để hiểu biết hơn về lịch sử dân tộc, truyền thống yêu nước của dân tộc. 35/175 HS, (20%) trả lời phải học để

hoàn thành chương trình, để được lên lớp. Có rất ít HS (19/175 HS, tỉ lệ 11%) xác định học LS để vận dụng những kiến thức này vào các vấn đề học tập và cuộc sống. Kết quả này phản ánh quan niệm của hầu hết HS rằng Lịch sử không phải là môn học nền tảng, nó chỉ là học quá khứ, học tập lịch sử không ứng dụng nhiều vào thực tiễn, không có ích trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống và học tập.

+ Về mức độ quan tâm của HS đến đời sống kinh tế - chính trị - xã hội đất nước, địa phương



Biểu đồ 3. Mức độ quan tâm của HS đến đời sống kinh tế - chính trị - xã hội đất nước, địa phương

Câu hỏi nhằm mục đích khảo sát khả năng liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống của HS. Từ biểu đồ 5 cho thấy: 95/175 HS được hỏi trả lời quan tâm hoặc rất quan tâm đến đời sống kinh tế- chính trị- xã hội đất nước, địa phương. Chỉ một số lượng rất ít (14/175) trả lời không quan tâm. Tuy nhiên khi được phỏng vấn trực tiếp, nhiều em chưa thấy được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với đời sống kinh tế- xã hội của đất nước, địa phương. Đời sống kinh tế- xã hội chủ yếu mà các em quan tâm là những sự kiện “hot”, những ngày nghỉ lễ,...

- Thực tiễn hoạt động học tập lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy

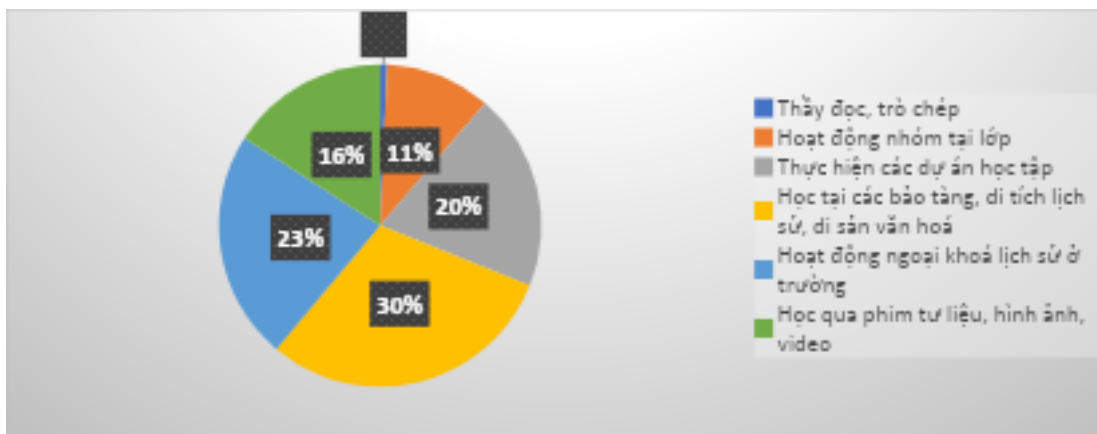
Bảng 8. Mức độ được tổ chức hoạt động của HS trong giờ học LS

Hoạt động dạy học	Mức độ			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
GV giảng bài, HS ở dưới ghi chép	34.2	46.8	17	2
GV cho HS quan sát video, tranh ảnh, hoạt động nhóm trong giờ học	29.1	37.7	45.7	0
GV đưa ra các tình huống có vấn đề và yêu cầu HS	29.7	22.8	44	3.5

VĐKTKN đã học để giải quyết				
GV đưa ra các dạng bài tập nhận thức theo các mức độ khó tăng dần	34.2	37.7	20.1	7.1
GV cho HS đi trải nghiệm tại các di sản văn hoá	5.7	11.4	57.1	25.8
GV cho HS tự nghiên cứu SGK, tư liệu tham khảo	31.4	37.1	31.5	0
GV tổ chức các dự án học tập	17.7	32.5	46.8	3
GV gợi ý các vấn đề NCKH	5.7	12.5	44	37.8

Kết quả ở bảng 8 và thông qua phỏng vấn, phần lớn HS đều nói rằng GV của mình thường xuyên, thậm chí rất thường xuyên tổ chức cho HS ghi chép bài (34.2% + 46.8.3%). Trong giờ học luyện tập vẫn chủ yếu thường xuyên làm bài tập nhận thức (32.2%+ 37.7%). Việc tổ chức cho HS đi trải nghiệm rất ít, ở mức độ thỉnh thoảng. Một số HS trả lời rằng , chưa từng được trải nghiệm tại di sản văn hoá hoặc tham gia nghiên cứu một vấn đề khoa học liên quan đến thực tiễn

+ Về các hoạt động muốn được thực hiện khi học tập lịch sử



Biểu đồ 4: Các hoạt động muốn được thực hiện khi học tập lịch sử

Từ biểu đồ trên có thể thấy được mong muốn của HS trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy là được tổ chức đa dạng các hoạt động học tập. Trong đó HS thích nhất khi được học lịch sử tại các bảo tàng, di tích, di sản văn hoá; tiếp đó là được tham gia các hoạt động ngoại khoá; được học sử qua những thước phim tư liệu, các dự án học tập. Rõ ràng hình thức truyền thống nhất và phổ biến là thầy đọc, trò chép lại là hình thức ít HS mong muốn nhất (1%). Những con số này chứng tỏ, nếu GV đổi mới hình thức, PPDH thì sẽ kích thích hứng thú học tập của HS.

+ Với câu hỏi: *Bản thân em đang học lịch sử chủ yếu theo cách nào?*, chúng tôi thu được kết quả: 48,6 % (85/175) lựa chọn phương án nghe cô giáo giảng và tập trung ghi chép bài; 32,5% (57/175); 18,9% (20/175) HS trả lời chủ động tìm kiếm tư liệu liên quan đến bài học. Như vậy, có thể thấy mặc dù yêu thích môn Lịch sử, thấy việc học lịch sử là cần thiết nhưng phần lớn HS vẫn đang học tập rất thụ động.

*** Đánh giá chung về thực trạng**

Thông qua quan sát thực tiễn, phân tích kết quả điều tra, khảo sát đối với GV và HS lớp 10 trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy, tỉnh Ninh Bình, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất, đa số các GV lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy đã nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của việc dạy học PTNL, đánh giá đúng ý nghĩa của việc phát triển NL đặc biệt là VDKTKN đối với HS trong DHLS. Nhiều thầy cô đã xác định được những PPDH có ưu thế nhằm phát triển NL VDKTKN khi tổ chức các hoạt động học tập. Một số GV đã và đang vận dụng dạy học phát triển NL VDKTKN, tuy nhiên việc thực hiện chưa thường xuyên, chưa đồng bộ, chưa có sự kết hợp đa dạng linh hoạt các PPDH nên hiệu quả chưa cao, chưa tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong dạy và học lịch sử theo hướng PTNL.

Thứ hai, trong quá trình tổ chức DHLS nhằm phát triển NL VDKTKN, nhiều thầy cô còn gặp khó khăn về trong việc lên ý tưởng, cách thức vận dụng các PPDH, cũng như hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN; học sinh không hợp tác, thiếu kinh phí tổ chức.... Do đó, thực trạng dạy học PTNL đặc biệt là NL VDKTKN cho HS ở trường THPT chuyên Lương Văn Tuy vẫn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Đây chính là cơ sở để chúng tôi nghiên cứu và đề xuất những biện pháp nhằm phát triển NL VDKTKN trong DHLS để từng bước khắc phục những hạn chế này.

Thứ ba, HS Lương Văn Tuy cũng yêu thích môn Lịch sử và có nhiều ưu thế để học tập lịch sử. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, phần lớn HS vẫn đang học tập rất thụ động, chưa phát huy được hết phẩm chất và NL của bản thân trong học tập.

Để giải quyết thực trạng trên, theo chúng tôi cần triển khai các giải pháp sau:

- GV cần trau dồi thêm các kiến thức về đổi mới giáo dục, PPDH hiện đại nhằm phát triển NL cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN.
- Đề xuất các biện pháp phát triển NL VDKTKN trong DHLS ở trường THPT.

Như vậy, kết quả điều tra khảo sát trên là căn cứ để chúng tôi đánh giá thực trạng việc DHLS nhằm phát triển NL VDKTKN. Đó là cơ sở quan trọng để chúng tôi đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm phát triển NL nói chung và NL VDKTKN

nói riêng trong DHLS góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn ở trường THPT nói chung và trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy nói riêng.

Tiểu kết chương 1

Hiện nay, chương trình giáo dục định hướng phát triển NL đã thành xu hướng giáo dục quốc tế. Nhiều nước trên thế giới đã có sự thay đổi mạnh mẽ theo hướng chuyển từ dạy học truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển NL người học. Ở Việt Nam, đây là yêu cầu mang tính đột phá của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo Nghị quyết số 29- NQ/TW (2013) của Đảng và Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội. Từ đó, yêu cầu cấp thiết đòi hỏi mỗi GV là phải tích cực trau dồi, bồi dưỡng năng lực chuyên môn và nghiệp vụ để sẵn sàng hội nhập vào nền giáo dục toàn cầu. GV cần tiếp tục đổi mới, sáng tạo các hình thức và PPDH tích cực nhằm hướng tới một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, hội nhập với nền giáo dục toàn cầu.

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về NL và phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLS, chúng tôi bước đầu làm sáng tỏ một số khái niệm liên quan đến đề tài như: NL, NL VDKTKN, dạy học PTNL, NL VDKTKN trong DHLS. Từ việc làm rõ những khái niệm cơ bản, những đặc điểm của DHLS, chúng tôi nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của việc PTNL VDKTKN trong DHLS; đồng thời chúng tôi cũng đề xuất một số tiêu chí đánh giá các mức độ của NL VDKTKN cho HS trong DHLS ở trường THPT.

Thông qua hoạt động tìm hiểu tình hình, thực trạng việc phát triển NL VDKTKN trong DHLS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy, tỉnh Ninh Bình, chúng tôi nhận thấy một số điểm sau: Hầu hết GV dạy môn Lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy đều đã ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển NL cho HS, nhất là NL VDKTKN. Các GV đã có ý thức vận dụng các hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng PTNL cho HS. Tuy nhiên việc áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực này chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, phần nhiều vẫn là dựa trên kinh nghiệm cá nhân là chính, thiếu cơ sở lý luận trong vận dụng các biện pháp nhằm nâng cao NL VDKTKN cho HS trong DHLS. Từ đó, đặt ra nhiệm vụ cho GV là cần nắm vững lý luận về dạy học phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN; yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay để lựa chọn hình thức và PPDH hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, dạy học phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN ở các trường THPT Chuyên vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Để xây dựng một kế hoạch dạy học theo hướng phát triển NL và phẩm chất cho HS đòi hỏi nhiều thời gian, tâm sức và trí tuệ của người GV. Không phải thầy cô nào cũng kiên trì, dành trọn tâm sức, trí tuệ cho việc soạn giảng và vận dụng hiệu quả, thành công các PPDH. Điều đó đặt ra nhiệm vụ cho chúng tôi trong luận văn là không chỉ xây dựng cơ sở lý luận của việc phát triển NL VDKTKN trong DHLS mà đồng thời phân tích

và đề xuất những biện pháp dạy nhằm phát triển năng lực của HS, đặc biệt là NL VDKTKN.

Thực tế này chính là cơ sở quan trọng để chúng tôi đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm phát triển NL nói chung và NLVDKTKN nói riêng trong DHLS trong chương 2 của đề tài.

Chương II: MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ, LỚP 10 (Chương trình 2018) TẠI TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỰ, TỈNH NINH BÌNH

2.1. Vị trí, mục tiêu và nội dung của các chuyên đề học tập môn Lịch sử lớp 10 (Chương trình 2018)

2.1.1. Vị trí

Ngày 25/12/2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức công bố Chương trình giáo dục phổ thông mới. Theo đó, môn Lịch sử có một sự “thay da đổi thịt” khi nội dung bài học được xây dựng thành các chủ đề và chuyên đề học tập.

Chương trình môn Lịch sử bao gồm hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm mục tiêu nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HS đã học được ở cấp trung học cơ sở. Chương trình chọn lọc các chủ đề và chuyên đề lịch sử mang tính hệ thống, cơ bản, xuất phát từ yêu cầu phát triển NL và giáo dục lịch sử đối với từng lớp học.

Kết cấu chương trình thể hiện mối liên hệ logic giữa các hợp phần kiến thức (trong mỗi hệ lịch đại và đồng đại, sự tương tác giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới, mối quan hệ nhân- quả trong lịch sử, sự tiếp nối và thay đổi của tiến trình lịch sử). Nội dung Chương trình đảm bảo cho HS tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng; giúp HS xây dựng NL tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội thế giới, khu vực và Việt Nam.

Bên cạnh các nội dung giáo dục cốt lõi, trong mỗi năm học, những HS có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Trong chương trình Lịch sử THPT,

Ở lớp 10, có ba chuyên đề học tập: Các lĩnh vực của Sử học; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam. Đây là các chuyên đề định hướng nghề nghiệp, trải nghiệm thực tế và nâng cao kiến thức phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 10.

2.1.2. Mục tiêu

Mục tiêu chung của các chuyên đề học tập trong chương trình giáo dục phổ thông mới là:

- Mở rộng và nâng cao kiến thức và NL sử học đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

- Giúp HS hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HS có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau

này cũng như có đủ NL cơ bản để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

- Tăng cường HĐTN thực tế, giúp HS phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam và lịch sử thế giới.

Cụ thể

Về yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	
<i>Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực</i>	– Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm thông sử. – Nêu được nội dung chính của thông sử. – Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.
<i>Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới</i>	– Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử thế giới.
<i>Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam</i>	– Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian. – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.

Chuyên đề 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	
<i>Di sản văn hoá</i>	– Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. – Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. – Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá.
<i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</i>	– Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. – Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. – Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. – Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... – Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.
<i>Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý)</i>	– Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể
Chuyên đề 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	

<i>Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)</i>	– Suru tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Phân tích được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ
<i>Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976)</i>	– Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.
<i>Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay</i>	– Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.
<i>Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i>	– Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

Về năng lực

** Năng lực đặc thù:*

- Tìm hiểu lịch sử: biết cách nhận diện, sưu tầm, khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các lĩnh vực của sử học, về các di sản văn hoá của Việt Nam, về các mô hình nhà nước trong lịch sử cũng như về luật pháp Việt Nam qua các thời kì.

- Nhận thức và tư duy lịch sử: Thông qua các nguồn sử liệu, HS
- + giải thích được các khái niệm cơ bản của các chuyên đề như thông sử, lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới; di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá, nhà nước quân chủ, nhà nước dân chủ,...
- + phân tích được một số vấn đề cơ bản của các chuyên đề như: cách phân loại, xếp hạng và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá; đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam, bối cảnh lịch sử, ý nghĩa sự ra đời và vai trò của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;...
- + chỉ ra được những điểm tương đồng của các bản hiến pháp Việt Nam.
- Vận dụng kiến thức- kĩ năng:
 - + VDKTKN để hoàn thành các nhiệm vụ học tập GV đưa ra: Tự tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ các nguồn sử liệu để trình bày một khía cạnh nào đó của các chuyên đề học tập.
 - + Vận dụng các kiến thức của ba chuyên đề để giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống như: đưa ra và thực hiện những giải pháp nhằm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá; hiểu biết và tuân thủ pháp luật,...
- * *Năng lực chung:*
 - Tự chủ và tự học: Biết và sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin và thảo luận; biết sưu tầm và xử lý thông tin liên quan đến nội dung của ba chuyên đề học tập.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua trao đổi, hoạt động nhóm, HS hình thành kĩ năng làm việc nhóm, hợp tác tạo ra sản phẩm học tập chung; kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trình bày sản phẩm,... về các chuyên đề lịch sử 10.

Về phẩm chất

- Góp phần phát triển phẩm chất yêu nước: thấu hiểu sâu sắc, toàn diện về các lĩnh vực của lịch sử Việt Nam, các di sản văn hoá, nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì, từ đó bồi đắp thêm lòng tự hào dân tộc.
- Góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, từ đó biết trân trọng thành quả lao động của con người.
- + Góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ: ham học hỏi, tích cực, chủ động nghiên cứu, khám phá lịch sử.
- + Góp phần phát triển phẩm chất trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá; có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.
- + Góp phần phát triển phẩm chất trung thực: tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu một cách khách quan, trung thực khi tìm hiểu về các lĩnh vực của sử học.

2.1.3. Nội dung cơ bản

- Các chuyên đề học tập Lịch sử 10 được thiết kế trong 35 tiết, bao gồm: chuyên đề định hướng nghề nghiệp: Các lĩnh vực của sử học; chuyên đề HĐTN thực tế: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam và chuyên đề nâng cao kiến thức là Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam.

2.1.3.1. Chuyên đề “Các lĩnh vực của sử học”

Chuyên đề này góp phần giúp HS hiểu biết về các lĩnh vực chính của Sử học, làm cơ sở cho việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp của HS. Chuyên đề gồm hai nội dung chính:

- Thứ nhất là “Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực”:

- Giới thiệu khái quát các cách trình bày lịch sử theo truyền thống là các công trình nghiên cứu lịch sử; câu chuyện lịch sử bằng lời kể; các hình thức nghệ thuật,.....

- Trình bày khái niệm, nội dung chính của thông sử, nhấn mạnh đây là cách trình bày lịch sử phổ biến nhất. Thông sử là hình thức trình bày lịch sử một cách có hệ thống, toàn diện về các lĩnh vực của sử học.

Cách trình bày lịch sử theo lĩnh vực khác nhau như lịch sử chính trị, lịch sử kinh tế, lịch sử xã hội, lịch sử văn hoá.... Khái niệm, nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

- Thứ hai là “Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam”: Nội dung này đi vào làm rõ đối tượng, phạm vi, tiến trình phát triển và nội dung cơ bản của một số lĩnh vực cơ bản của lịch sử Việt Nam như lịch sử văn hoá, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế.

2.1.3.2. Chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam”.

Đây là chuyên đề HĐTN thực tế, gồm ba nội dung chính:

Thứ nhất là “Di sản văn hoá” tập trung làm rõ

- Khái niệm di sản văn hoá; ý nghĩa của di sản văn hoá: Di sản văn hoá là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, do con người sáng tạo nên trong một quá trình lịch sử lâu dài, được lưu truyền từ thế hệ trước cho đến thế hệ sau, được giữ gìn và phát huy đến ngày nay. Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản vô giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại.

- Về tiêu chí, mục đích và ý nghĩa của phân loại di sản văn hoá: Có nhiều tiêu chí phân loại di sản văn hoá. Theo UNESCO và Luật Di sản văn hoá, về cơ bản di sản văn hoá được chia thành hai loại hình: di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể. Việc phân loại di sản văn hoá nhằm mục đích bảo vệ, quản lí, khai thác và sử dụng tốt hơn các giá trị của di sản văn hoá. Phân loại di sản văn hoá

có ý nghĩa quan trọng đối với sự bền vững của di sản văn hoá cũng như đối với việc phát huy những giá trị di sản văn hoá trong cộng đồng.

- Về các cấp độ xếp hạng di sản văn hoá, mục đích, ý nghĩa của việc xếp hạng di sản văn hoá. Các di sản văn hoá Việt Nam được xếp hạng theo các cấp là di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới. Xếp hạng di sản văn hoá là cơ sở pháp lý để bảo vệ di sản; xác định trách nhiệm của từng cấp trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Xếp hạng di sản có ý nghĩa thiết thực đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và quốc gia.

Thứ hai là “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá”:

- Làm rõ khái niệm bảo tồn di sản văn hoá là việc giữ gìn nguyên dạng giá trị gốc của di sản hoặc giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá có mối quan hệ biện chứng, thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau và đều nhằm mục đích chung là lưu truyền và phát triển những giá trị di sản văn hoá.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá xuất phát từ nhiều cơ sở như giá trị, thực trạng di sản, văn bản pháp quy của Nhà nước. Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá cần có giải pháp được tiến hành đồng bộ với sự phối hợp thực hiện của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng.

-Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. Tất cả các tổ chức, cá nhân như hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, công dân đều có vai trò quan trọng và trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp quản lý mà mỗi tổ chức xã hội, cá nhân có trách nhiệm khác nhau.

Thứ ba là “Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam”: Giới thiệu vị trí phân bố, một số nét cơ bản về một số di sản văn hoá tiêu biểu như:

- Di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu: Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên,...

- Di sản văn hoá vật thể tiêu biểu: Đền Hùng, Hoàng thành Thăng Long, Quần thể di tích cố đô Huế,...

- Di sản thiên nhiên tiêu biểu: Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng,...

- Di sản phức hợp tiêu biểu: Quần thể danh thắng Tràng An, Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử,...

2.1.3.3. Chuyên đề “Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam”

Đây là chuyên đề nâng cao kiến thức cho HS, gồm các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất là “Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)”: Bài học này tập trung làm rõ:

- Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam: Nhà nước quân chủ Việt Nam do vua đứng đầu, cha truyền con nối, nhà vua có quyền lực tối cao, quyết định mọi công việc từ nội trị và ngoại giao; quyền lực nhà nước tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương. Trong lịch sử nước ta, có 3 mô hình nhà nước quân chủ với những đặc điểm khác nhau:

+ Nhà nước quân chủ thời Lý- Trần là nhà nước quân chủ chuyên chế mang tính chất quý tộc, có tính chất thân dân. Đội ngũ quan lại trong bộ máy chính quyền chủ yếu là quý tộc nhưng mối quan hệ giữa vua và người dân còn khá gần gũi.

+ Nhà nước quân chủ thời Lê sơ là nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền mang tính chất quan liêu. Vua trực tiếp điều hành và can thiệp mọi công việc quản lí. Lục bộ là cơ quan hành chính trực tiếp thi hành mệnh lệnh của vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua. Quan lại được tuyển chọn chủ yếu qua khoa cử.

+ Nhà nước quân chủ thời Nguyễn là nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền cao độ mang tính quan liêu. Vua trực tiếp điều hành bộ máy chính quyền với sự tham mưu, giúp việc của Nội các và Cơ mật viện. Khoa cử tiếp tục là hình thức tuyển chọn quan lại chủ yếu.

- Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858: Luật pháp là cơ sở pháp lí các triều đại quản lí và cai trị đất nước. Nội dung này làm rõ một số nét chính về hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản, ý nghĩa của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam là Quốc triều hình luật thời Lê và Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn. Trong đó, nhấn mạnh những điểm tiến bộ, tinh thần nhân đạo của bộ Quốc triều hình luật.

Thứ hai, “Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà 1945-1975” làm rõ hoàn cảnh ra đời, đặc điểm tính chất, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945-1975). Cụ thể:

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945 là một trong những thành quả quan trọng nhất của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước theo chế độ dân chủ cộng hoà, trong đó quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước thuộc về nhân dân thông qua Quốc hội- cơ quan do cử tri bầu ra.

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước dân chủ kiểu mới, của dân, do dân và vì dân, đại diện cho ý chí và quyền lợi của nhân dân.

- Từ 1945-1975, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thực hiện vai trò tổ chức kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng đất nước; lần lượt đánh bại hai thế lực ngoại xâm là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng thời đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, xã hội.

Thứ ba là “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1976 đến nay”: sự ra đời, vai trò của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế:

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước, mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

- Nhà nước quản lí và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về đổi mới và hội nhập quốc tế.

- Nhà nước tăng cường hợp tác song phương và đa phương, toàn diện, nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Thứ tư, “*Một số bản hiến pháp của Việt Nam từ 1946 đến nay*” làm rõ một số nội dung:

- Sự ra đời của các bản hiến pháp từ 1946- nay: Từ 1946- nay, nhà nước đã ban hành 5 bản hiến pháp vào các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Các bản hiến pháp này đều ra đời trong bối cảnh đất nước có những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, nhằm thể chế hoá đường lối cách mạng cho mỗi giai đoạn phát triển.

- Một số điểm chính của các bản hiến pháp Việt Nam: xác định những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của đất nước; đồng thời thể hiện những quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với từng giai đoạn phát triển của đất nước, thể hiện tính dân chủ và quyền lực của nhân dân.

- Những nội dung chính, ý nghĩa của bản hiến pháp 1946; một số nét chính của hiến pháp 1992 và những điểm mới, kế thừa của hiến pháp 2013.

2.2. Một số yêu cầu khi dạy học lịch sử nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh

2.2.1. Đảm bảo mục tiêu giáo dục

Chương trình môn Lịch sử ở cấp THPT hướng tới ba mục tiêu: Giúp HS phát triển NL lịch sử đã được hình thành ở cấp trung học cơ sở; góp phần giáo dục nhân cách, tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại để hình thành phẩm chất công dân Việt Nam, công dân toàn cầu; giúp HS tiếp cận và nhận thức được mối sự kết nối giữa sử học và các lĩnh vực khoa học, ngành nghề khác, tạo cơ sở để HS lựa chọn định hướng nghề nghiệp trong tương lai.[12; 6]

Dạy học phát triển PC, NL, đặc biệt là NL VDKTKN đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin ...) để từ đó họ có

thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết.

Do đó, GV phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ môn học để lựa chọn nội dung, hình thức và PPDH phù hợp vừa đảm bảo mục tiêu kiến thức vừa phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

2.2.2. Đảm bảo tính khoa học và vừa sức

Cùng với sự phát triển của xã hội, lượng tri thức của các môn khoa học (trong đó có bộ môn Lịch sử) đang ngày càng tăng lên. Trong khi đó, thời gian học tập ở trường phổ thông lại hạn chế. Vì vậy giáo viên cần phải lựa chọn nội dung sao cho phù hợp với quỹ thời gian dành cho bộ môn và trình độ nhận thức của học sinh, nhưng vẫn cần đảm bảo được hệ thống tri thức khoa học Lịch sử.

Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và vừa sức còn đòi hỏi nội dung của mỗi bài học phải vừa sức của học sinh cả về khối lượng và mức độ. Nội dung và mức độ của bài học vừa sức với học sinh là khi các em có thể khám phá ra kiến thức mới dựa trên nền tảng VDKTKN có sẵn.

Để đảm bảo được nguyên tắc này, giáo viên cần lựa chọn nội dung cũng như các phương pháp, kĩ thuật dạy học sao cho phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và các điều kiện về thời gian học tập.

Hầu hết HS trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy đều có khả năng tư duy và kĩ năng học tập khá tốt. Nhưng không vì vậy mà GV đánh đồng tất cả, yêu cầu như nhau với tất cả mọi đối tượng HS. HS chuyên Sử có khả năng, điều kiện, thời gian học tập nên yêu cầu sẽ cao hơn các đối tượng khác. Các hoạt động học tập nhằm phát triển NL VDKTKN không được quá dễ đối với HS chuyên Sử hoặc cũng không quá khó, thiếu tính khả thi với các HS khối chuyên khác.

Ví dụ khi dạy Chuyên đề “Các lĩnh vực của sử học”, để phát triển NL VDKTKN vào thực tiễn; đồng thời nhằm phát triển NL tìm tòi, nghiên cứu, làm việc với các nguồn thông tin khác nhau, GV có thể yêu cầu HS lớp chuyên Sử thực hiện nhiệm vụ: “Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy, từ đó đánh giá về những đóng góp của nhà trường đối với nền giáo dục tỉnh Ninh Bình”.

Cũng là nhiệm vụ tìm hiểu về trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy nhưng đối với các lớp chuyên khác thì GV chỉ yêu cầu: Thông qua xử lí các nguồn thông tin khác nhau để xác định được mốc thời gian, địa điểm thành lập trường ban đầu; tình hình nhà trường trong năm học 2021-2022: Quy mô trường lớp, số lượng GV và HS; cơ sở vật chất; thành tích nhà trường đạt được trong năm học này.

2.2.3. Phát huy tính tích cực, chủ động của người học

Đảm bảo tính tích cực, chủ động và phát triển tư duy của học sinh là nguyên tắc quan trọng trong việc phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Hiện nay,

Lịch sử là bộ môn không được coi trọng, bị hiểu nhầm là môn học thuộc lòng nhàm chán. Vì vậy trong quá trình học tập, một bộ phận HS thường không chú tâm và không tích cực học tập.

Để phát huy tính chủ động, tích cực của HS khi học tập lịch sử, GV cần chú trọng tổ chức các hoạt động học tập kết hợp giữa các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, qua đó giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng để hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Việc giúp HS tiếp cận các nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kỹ năng, từng bước hình thành, phát triển năng lực giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển....

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kỹ năng được chuyển hóa thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Chính vì vậy, khi dạy học các Chuyên đề lịch sử 10, GV hãy để HS được làm, được trải nghiệm, được sáng tạo, được tạo ra các sản phẩm. Từ đó NL, đặc biệt là NL VDKTKN được phát triển.

2.2.4. Kết hợp linh hoạt, hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật dạy học

Trong DHLS nhằm phát triển NL, nhất là NL VDKTKN, việc lựa chọn PPDH, kỹ thuật dạy học phù hợp là yêu cầu đặc biệt quan trọng. Có thể nói, trong dạy học nói chung, DHLS nói riêng không có phương pháp, kỹ thuật dạy học nào là vạn năng. Mỗi PPDH đều có ưu điểm và hạn chế nhất định. Do đó, GV phải hiểu, vận dụng linh hoạt hệ thống các phương pháp, kỹ thuật dạy học, đặc biệt là các phương pháp, kỹ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát triển NL VDKTKN.

Các PPDH, kỹ thuật dạy học cần đảm bảo HS phải là chủ thể của hoạt động học, là người chủ động tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề. Có thể vận dụng phối hợp linh hoạt PPDH, kỹ thuật dạy học theo hướng tìm tòi khám phá, kết hợp với PPDH và KTDH tích cực, hiện đại có ưu thế trong việc phát triển NL của HS.

2.2.5. Đảm bảo quá trình rèn luyện lâu dài, thường xuyên

Phát triển năng lực VDKTKN cho HS trong DHLS đòi hỏi một quá trình rèn luyện lâu dài, thường xuyên với sự nỗ lực hợp tác cao của GV và HS. Để rèn luyện phát triển năng lực VDKTKN cho HS trong DHLS là công việc lâu dài, khó khăn đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của GV và HS. Hiệu quả của việc rèn luyện và phát triển năng lực VDKTKN cho HS chỉ thực sự đạt được khi các em tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp, ở nhà và học tập trải nghiệm. Muốn thực hiện tốt điều đó, GV cần thể hiện tốt vai trò hướng dẫn, điều khiển giúp HS xác định mục đích VDKTKN trong học tập và trong cuộc sống. Đồng thời, phải có kế hoạch rèn luyện lâu dài, từng bước, từ mức độ thấp đến mức độ cao, từ đơn giản đến phức tạp. Trải qua một quá trình như vậy, hệ thống năng lực VDKTKN mới được rèn luyện và phát triển.

2.3. Một số biện pháp phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh trong dạy học Các chuyên đề học tập môn Lịch sử, lớp 10 (Chương trình 2018) tại trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy, tỉnh Ninh Bình

2.3.1. Vận dụng dạy học theo dự án

2.3.1.1. Khái niệm và vai trò

* Khái niệm:

Trong tiếng Anh, thuật ngữ dự án là “project”, có nghĩa một đề án, dự án hay một kế hoạch cần được thực hiện trong điều kiện thời gian, phương tiện tài chính, nhân lực, vật lực nhất định nhằm đạt mục tiêu đề ra. Khái niệm dự án không chỉ với ý nghĩa là các dự án phát triển giáo dục mà còn được sử dụng như một phương pháp hay hình thức dạy học tích cực. Một số tác giả cho rằng, dạy học theo dự án là một hình thức điển hình của dạy học định hướng hành động, trong đó “*người học tự lực thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Làm việc nhóm là hình thức làm việc cơ bản của dạy học theo dự án*” [5; 162].

Còn tác giả Vũ Quang Hiền, Hoàng Thanh Tú lại cho rằng “*dạy học theo dự án được hiểu là cách thức GV tổ chức cho HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp có tính chất thực tiễn cao hoặc gắn liền giữa lý thuyết và thực hành, HS là người tự lập kế hoạch, chủ động thực hiện, sáng tạo ra các sản phẩm nhất định và đánh giá kết quả đạt được*” [24; 137]

Dạy học dự án là hình thức dạy học (PPDH theo nghĩa rộng) mà trong đó, HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, thực tiễn. HS thực hiện nhiệm vụ với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập [62; 24].

Từ những quan niệm trên, chúng tôi cho rằng, *dạy học theo dự án là PPDH tích cực theo định hướng phát triển NL HS, là hình thức điển hình của dạy học định hướng hành động, trong đó người học thực hiện nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, thực tiễn, gắn tư duy với hành động, gắn nhà trường với xã hội. Đây là cách dạy học nhằm kích thích động cơ, hứng thú của HS để tạo ra các sản phẩm học tập. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ xác định mục đích, lập kế hoạch, thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả. Làm việc nhóm là hình thức làm việc cơ bản của dạy học dự án.*

* Vai trò:

Dạy học theo dự án có ưu thế đối với phát triển NL chung của HS nói chung, NL VDKTKN đã học trong bộ môn Lịch sử nói riêng. Cụ thể:

Thứ nhất, dạy học theo dự án là phương cách hiệu quả để gắn những nội dung kiến thức với thực tiễn cuộc sống, gắn lý thuyết với thực hành. Trong quá trình thực hiện dự án, HS có cơ hội vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn, thực hiện “học đi đôi với hành”. Để thực hiện được các dự án, đòi hỏi HS phải biết chọn lọc và khám phá điều kiện trong đời sống thực tiễn để đối chiếu với kiến thức để hoàn thành sản phẩm phù hợp. Theo đó, tạo động cơ và hứng thú học tập, phát huy được tính tự lực, dám chịu trách nhiệm và sự sáng tạo của người học.

Thứ hai, trong PPDH theo dự án HS phải chủ động, độc lập thực hiện các nhiệm vụ học tập phức hợp, liên quan đến nhiều lĩnh vực kiến thức, gắn kiến thức nhà trường với những vấn đề thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, đòi hỏi HS phải biết huy động tổng hợp kiến thức và vận dụng các thao tác tư duy để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Thứ ba, dạy học theo dự án là sự phối hợp hoạt động học tập giữa các thành viên trong một nhóm và kết quả học tập được đánh giá thông qua các sản phẩm học tập nên đòi hỏi HS phải có tinh thần tự giác, NL giao tiếp và hợp tác để chủ động đề xuất kế hoạch và giải quyết các nhiệm vụ học tập. Đó là môi trường học tập lý tưởng để HS phát triển các NL cá nhân, NL xã hội và NL môn học, trong đó có NL VDKTKN trong môn LS.

Thứ tư, các tình huống đưa ra trong dự án gắn liền với thực tiễn cuộc sống, HS được đóng các vai trò khác nhau trong cuộc sống để thực hiện nhiệm vụ học tập. Do vậy, không chỉ tạo hứng thú cho HS mà còn phát triển khả năng thích ứng, khả năng tự đương đầu giải quyết những vấn đề thực tế.

Thứ năm, “học tập lịch sử là HS được học về những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ, hiểu về quá khứ để định hướng hành động trong hiện tại và tương lai. Do vậy, qua việc thực hiện các dự án HS thấy được mối liên hệ giữa quá khứ với cuộc sống hiện tại, ứng dụng được những kiến thức đã học vào cuộc sống” [22; 144]. Đây chính là một biểu hiện của NL VDKTKN của HS trong DHLS.

2.3.1.2. Gợi ý một số nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập lịch sử 10 có thể thiết kế và tổ chức bài học theo phương thức dạy học dự án

Chuyên đề	Nội dung	Gợi ý nội dung xây dựng các dự án học tập
Các lĩnh vực của sử học	Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực	- Xây dựng các dự án tìm hiểu một số cách trình bày lịch sử qua một số bộ sử. Ví dụ: Tên dự án “Nhà sử học nhỏ tuổi”
	Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	- Tìm hiểu các lĩnh vực của sử học: xây dựng dự án cho HS đi tham quan các làng nghề truyền thống.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	Di sản văn hoá - Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá - Một số di sản văn hoá tiêu biểu	- Xây dựng các dự án học tập trải nghiệm di sản. - Tìm hiểu di sản văn hoá vật thể/ phi vật thể. Thiên nhiên/ phức hợp. - Tìm hiểu các cổ đô xưa.
Nhà nước và Pháp luật trong lịch sử Việt Nam	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam trước 1858	- Tìm hiểu về mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam. - Tìm hiểu về nội dung của Quốc triều hình luật - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Vai trò của Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Tìm hiểu các bản hiến pháp Việt Nam từ 1946- nay.

2.3.1.3. Nguyên tắc và quy trình tiến hành dạy học theo dự án trong môn lịch sử

* Nguyên tắc

Trong các chuyên đề học tập Lịch sử 10 thuộc chương trình giáo dục 2018 có nhiều nội dung kiến thức có thể sử dụng PPDH theo dự án. Để xây dựng thành công các dự án học tập, cần lưu ý một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Phải bám sát nội dung kiến thức cơ bản và mục tiêu chương trình, tạo điều kiện để HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn và phù hợp trình độ HS.
- Là những vấn đề phức hợp, đòi hỏi HS phải tích hợp kiến thức các môn học trong quá trình thực hiện dự án.
- Phải phù hợp với trình độ nhận thức và thu hút được sự quan tâm của HS.
- Phải có nguồn tư liệu phong phú và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, tạo điều kiện để HS khai thác, sử dụng, tạo ra những sản phẩm học tập tốt.

* Quy trình

Để thực hiện dạy học theo dự án trong dạy học nói chung, trong DHLS để phát triển NL vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học cho HS, có nhiều cách khác nhau. Việc triển khai dự án phụ thuộc vào điều kiện dạy học cũng như sự sáng tạo của người GV. Tuy nhiên, về quy trình, theo chúng tôi cần thực hiện các bước cơ bản sau:

Bước 1: Chuẩn bị dự án

- Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng

phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

- Lập kế hoạch thực hiện dự án: GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Bước 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin. Các nhóm thường xuyên cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu. GV cũng cần tạo điều kiện cho việc làm chủ hoạt động học tập của HS và nhóm HS, quan tâm đến phương pháp học của HS... và khuyến khích HS tạo ra một sản phẩm cụ thể, có chất lượng.

Bước 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

Ví dụ minh họa

Các chuyên đề học lập Lịch sử 10 (chương trình 2018) đều là những nội dung chuyên sâu, đòi hỏi HS phải những phẩm chất và NL nhất định để có thể khám phá những kiến thức mới. Do đó, nội dung của 3 chuyên đề đều rất phù hợp với hình thức dạy học dự án- hình thức dạy học mà trong đó, HS có điều kiện phát huy các NL, phẩm chất của bản thân trong học tập nhất là NL vận dụng kiến thức-kĩ năng.

Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi xin đề xuất một kế hoạch dạy học theo hình thức dạy học dự án thuộc chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam”: **“Dân ca Quan họ - nét đẹp của văn hoá truyền thống Việt Nam”** .
Quy trình thiết kế và tổ chức dạy học dự án này như sau :

Bước 1: Chuẩn bị dự án

- Chọn dự án: “Dân ca Quan họ - nét đẹp của văn hoá truyền thống Việt Nam”..Dự án được triển khai ngay khi dạy xong bài “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá” nhằm chuẩn bị cho bài học tiếp theo: Di sản văn hoá phi vật thể.

- Xác định mục tiêu của dự án:

+ Về NL: NL chung và NL lịch sử (Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử; cách sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử về Dân ca Quan họ; xác định được vị trí phân bố của loại hình di sản Dân ca Quan họ trên cả nước; trình bày được những nét khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của Dân ca Quan họ; phân biệt được Dân ca Quan họ với các loại hình nghệ thuật truyền thống khác; đánh giá được giá trị của Dân ca Quan họ trong văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc. + Đặc biệt là NL VDKTKN đã học vào thực tiễn: liên hệ được thực trạng của Dân ca Quan họ trong đời sống hiện đại; đề xuất một số giải pháp để bảo tồn và phát huy di sản Dân ca Quan họ trong đời sống hiện đại.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết về các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của dân tộc; Yêu nước:Có thái độ trân trọng đối với những di sản văn hóa của dân tộc; Lòng tự hào dân tộc sâu sắc trước những giá trị văn hóa truyền thống; Trách nhiệm: Có ý thức trong khi làm việc nhóm, ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam.

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án:

Phân công chuẩn bị theo nhóm:

+ Nhóm 1: Sưu tầm hình ảnh, thuyết minh về lịch sử hình thành của Dân ca Quan họ.

+ Nhóm 2: Sưu tầm hình ảnh, thuyết minh về không gian văn hoá Dân ca Quan họ.

+ Nhóm 3: Sưu tầm hình ảnh, thuyết minh giá trị của Dân ca quan họ với nghệ thuật truyền thống

+ Nhóm 4: Biểu diễn một làn điệu quan họ thuyết minh về giá trị của làn điệu đó.

- Thời gian cho các nhóm thuyết minh là 5 phút

- Lập kế hoạch thực hiện dự án:

+ GV: đưa ra yêu cầu, định hướng nội dung, mốc thời gian (dự án được thực hiện sau khi học hết tiết 1: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá). Các nhóm sẽ báo cáo vào tiết 2 của Bài “Di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu”.

Để hoàn thành tốt dự án, GV định hướng nguồn tài liệu tham khảo, giúp HS xác định và tìm kiếm thông tin hiệu quả, đảm bảo tính khoa học như:

1. <http://landieuquanhobacninh.blogspot.com/2016/10/lich-su-nguon-goc-quan-ho-bac-ninh.html>

2. <http://dsvh.gov.vn/Upload/files/Tap%20chi%20DSVH/So%2030/3008-Dan%20ca%20Quan%20ho%20Bac%20Ninh%20di%20san%20van%20hoa%20phi%20vat%20the%20dai%20dien%20cua%20nhan%20loai.pdf>

3. Sách Dân ca quan họ Bắc Ninh, Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Tác giả: Nguyễn Chí Bền - Bùi Quang Thanh).

+ HS nhận nhiệm vụ, phân công nhóm trưởng, thư kí, xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên, dự kiến phương pháp, thời gian thực hiện nhiệm vụ.

+ GV và HS xây dựng tiêu chí đánh giá dự án (Bảng đánh giá ở giáo án chi tiết- Phụ lục 2).

Bước 2: Thực hiện dự án:

- HS tiến hành thực hiện nhiệm vụ đã phân công theo kế hoạch. HS làm việc ngoài giờ, báo cáo tiến trình, kết quả cho GV thông qua trao đổi ngoài giờ học, trên trang thông tin của dự án (có thể là Zalo; Messenger).

- GV giúp đỡ các nhóm thông qua việc đưa ra các câu hỏi gợi ý.

- Các nhóm tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa theo gợi ý của GV, hoàn thiện sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo dự án và đánh giá dự án:

- Ở dự án này chúng tôi định hướng HS hoàn thành dự án của nhóm dưới dạng các ấn phẩm tranh ảnh để tổ chức cuộc triển lãm tranh.

- Đánh giá:

+ HS: Chia sẻ về quá trình thực hiện dự án; nhận xét về sản phẩm của nhóm mình và các nhóm khác; Cho điểm các nhóm theo phiếu đánh giá.

+ GV: Tóm tắt lại dự án; Đánh giá quá trình triển khai và thực hiện dự án; Tổ chức trao đổi, đàm thoại với cả lớp để rút ra một số kết luận của dự án (Yêu cầu cần đạt).

Qua ví dụ trên cho thấy, dạy học dự án là PPDH rất hiệu quả trong việc phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN cho HS. Thông qua việc phân tích kế hoạch dạy học theo dự án *Dân ca Quan họ- nét đẹp của văn hoá truyền thống Việt Nam*”, chúng tôi nhận thấy, với kế hoạch này, ngoài những nội dung kiến thức, HS còn có cơ hội phát triển các NL như tự học, tự nghiên cứu (biết tự tìm hiểu, phát hiện kiến thức, sưu tầm và khai thác tư liệu); kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn; giải quyết vấn đề sáng tạo... Đây chính là các biểu hiện của NL VDKTKN trong DHL. Nếu liên tục được rèn luyện một cách có hệ thống sẽ giúp HS phát triển được NL và phẩm chất quan trọng, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục hiện nay.

Cụ thể:

Tiểu dự án	NL phát triển qua Dự án “Dân ca Quan họ- nét đẹp của văn hoá truyền thống Việt Nam”,
Nhóm 1: Suu tầm hình ảnh, thuyết minh về lịch sử hình thành của Dân ca Quan họ.	- NL tự học, tự nghiên cứu: HS đã sưu tầm tư liệu, tập hợp được thông tin, hình ảnh về quá trình hình thành của Dân ca Quan họ. - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình
Nhóm 2: Suu tầm hình ảnh, thuyết minh về không gian văn hoá của DCQH	- NL thực hành: HS đã xác định được vị trí phân bố của Dân ca Quan họ trên lược đồ; đặc trưng về hình thức trình diễn, trang phục, âm thực của Quan họ. - NL VDKTKN: Chỉ ra được điểm đặc trưng để phân biệt loại hình Dân ca quan họ với các di sản văn hoá phi vật thể khác. - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình
Nhóm 3: Suu tầm hình ảnh, thuyết minh giá trị của Dân ca quan họ với nghệ thuật truyền thống	- NL VDKTKN để giải quyết vấn đề thực tiễn (Giá trị của Quan họ); NL giải quyết vấn đề sáng tạo;... - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình
Tiểu dự án 4: Biểu diễn một làn điệu quan họ và thuyết minh về giá trị của làn điệu	- NL VDKTKN: HS trải nghiệm trở thành một liên anh, liên chị. - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình.

2.3.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm

2.3.2.1. Khái niệm, vai trò của HĐTN trong DHL

* Khái niệm:

Theo từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê thì “hoạt động” là “*tiến hành những việc làm có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm một mục đích chung, trong một lĩnh vực nhất định*” [43; 699]. Trải nghiệm được định nghĩa: “*trải là đã từng trải qua, từng biết đến, còn nghiệm có nghĩa là kinh qua thực tế nhận thấy điều nào đó là đúng*” [41; 1577].

Trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018), HĐTN là được định nghĩa là “*hoạt động giáo dục, trong đó HS dựa trên sự huy động tổng hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội*” [12; 28].

Với khái niệm HĐTN trong môn Lịch sử, tác giả Nguyễn Thị Thanh Thuý quan điểm như sau: “*HĐTN trong môn LS là một cách thức dạy học gắn với các hoạt động thực hành, thực tế; có thể được tổ chức trong các giờ học nội khóa hoặc ngoại khóa (trong lớp học, trường học hay các địa điểm phù hợp). Trong đó, HS*

phải vận dụng vốn kiến thức LS (các sự kiện, hiện tượng, các khái niệm, các nhận định, đánh giá LS...) để phân tích, khái quát hóa thành kiến thức của bản thân và vận dụng để giải quyết vấn đề thực tiễn sao cho phù hợp với nội dung môn học”. [53; 47]

Từ các quan niệm về HĐTN nói trên, có thể nhận thấy trong DHLS, các hoạt động học tập từ hoạt động lắng nghe tích cực, quan sát tranh ảnh, biểu đồ, lược đồ... cho đến các hoạt động thảo luận, tranh luận, hoạt động thực hành (vẽ biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, làm bài tập LS, tổ chức trò chơi LS, đóng vai...), thực tế (tham quan...) đều là các HĐTN. Tuy nhiên, các hoạt động đó chỉ trở thành HĐTN khi được thực hiện bởi chính người học. Như vậy, trải nghiệm thực chất là hoạt động tổ chức cho người học được quan sát, làm thử, làm thử giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát, làm qua và kết quả của nó.

Trên cơ sở các quan niệm về HĐTN nói trên, theo chúng tôi, HĐTN trong môn Lịch sử là quá trình GV tổ chức cho HS tích cực, chủ động trong quá trình nhận thức trên cơ sở vận dụng kiến thức trong SGK kết hợp với kinh nghiệm của bản thân và kiến thức từ thực tiễn để giải quyết nhiệm vụ học tập một cách sáng tạo và phù hợp. Qua đó, bồi dưỡng phẩm chất nhân cách tốt đẹp và phát triển các NL chung, NL bộ môn, đặc biệt là NL VDKTKN đã học vào việc chiếm lĩnh kiến thức mới, cũng như đánh giá thực tiễn cuộc sống.

*** Vai trò:**

- Tổ chức HĐTN trong DHLS giúp HS tự chiếm lĩnh được kiến thức LS. Thông qua các HĐTN như ghi chép, thảo luận, tranh luận, đóng vai, tham quan..., HS phải tự làm, tự suy nghĩ, lựa chọn kiến thức để học tập. Trên cơ sở, HS lí giải được bản chất của sự kiện, hiện tượng LS, rút ra quy luật và bài học LS.

- Tổ chức HĐTN trong DHLS tạo điều kiện cho HS vận dụng và phát triển nhiều kỹ năng quan trọng, từ kỹ năng bộ môn đến các kỹ năng sống nói chung: quan sát, tìm hiểu, thu thập tư liệu, giải quyết vấn đề, làm việc hợp tác, thực hành bộ môn, thuyết trình một vấn đề LS...

- Tổ chức HĐTN cho HS trong DHLS ở trường phổ thông là một biện pháp thực hiện nguyên lí “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”. Trải nghiệm sẽ tạo cơ hội cho HS huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học, các lĩnh vực giáo dục khác nhau để có thể trải nghiệm thực tiễn trong nhà trường, gia đình và xã hội. Đồng thời giúp các em có cơ hội để tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng và hoạt động hướng nghiệp.

- Chính sự đa dạng trong trải nghiệm sẽ mang lại cho người học vốn sống, vốn kinh nghiệm phong phú mà người dạy không thể cung cấp qua bài giảng đơn thuần. Qua trải nghiệm, các em trưởng thành cả về trình độ và nhận thức, vốn sống.

Bản thân HS sẽ rút ra được kinh nghiệm sống cho mình, biết vận dụng các kiến thức lịch sử để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- HĐTN trong DHLS tạo cơ hội cho người học được bộc lộ và phát huy những tiềm năng, thế mạnh, sở trường của bản thân. HS được sáng tạo tối đa khi tham gia các HĐTN (đóng vai, đóng kịch LS, thuyết trình...). Từ đây, những kiến thức, kĩ năng, thái độ, NL, phẩm chất của HS được bộc lộ trực tiếp. HĐTN có ưu thế giúp HS có cơ hội tạo dựng sự tự tin, phát huy các điểm mạnh, khắc phục những hạn chế của bản thân.

- Việc tổ chức dạy học thông qua trải nghiệm còn có vai trò gắn kết các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: cha mẹ HS, tổ nhóm chuyên môn, bộ phận đoàn đội, những tổ chức, cơ quan, ban quản lý di tích... Tùy thuộc từng nội dung để xác định các lực lượng tham gia, phối hợp, có vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp.

2.3.2.2. Một số nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập lịch sử 10 có thể tổ chức học tập qua trải nghiệm

Hình thức DHLS có thể tổ chức HĐTN cho HS là rất phong phú (bài nội khoá trên lớp, kết hợp giữa hoạt động nội khoá và ngoại khoá, các hoạt động ngoại khoá LS). Các chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chương trình 2018), hoàn toàn phù hợp để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS. Tuy nhiên, để phát triển NL vận dụng kiến thức kĩ năng, căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình, chúng tôi nghiên cứu và lựa chọn đề xuất một số nội dung có thể tổ chức HĐTN cho HS trong DHLS như sau:

STT	Chuyên đề	Gợi ý hình thức tổ chức HĐTN cho HS
1	Các lĩnh vực của sử học	Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn tìm hiểu về các lĩnh vực của sử học” - Câu lạc bộ sử học. - Tổ chức diễn đàn sử học. - Tổ chức cho HS tham gia trải nghiệm tại một số làng chuyên làm nghề thủ công.
2	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	- Tham quan học tập trải nghiệm tại các di sản văn hoá vật thể/ thiên nhiên/ phức hợp.... - Tái hiện không gian di sản văn hoá phi vật thể: Quan họ Bắc Ninh, Nhã Nhạc cung đình Huế, ... - Tổ chức triển lãm tranh, thiết kế poster quảng bá du lịch qua di sản. - Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch thuyết minh về di sản. - Hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường di sản

3	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	- Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu các bản hiến pháp Việt Nam từ 1946- nay”. - Tham quan Bảo tàng Lịch sử/ Bảo tàng cách mạng. - Tổ chức triển lãm ảnh về thành tựu công cuộc đổi mới. - Tổ chức cuộc thi viết về quê hương sau đổi mới.
---	--	---

Trên đây chỉ là một số đề xuất về nội dung có thể khai thác để tổ chức HĐTN cho HS. Trên thực tế, việc xây dựng và sử dụng các biện pháp như thế nào còn tùy thuộc vào mục tiêu bài học, mục đích của GV và đối tượng HS tham gia.

2.3.2.3. Nguyên tắc, quy trình xây dựng kế hoạch và triển khai một kế hoạch học tập qua trải nghiệm

*** Nguyên tắc tổ chức dạy học trải nghiệm**

- Thứ nhất, HĐTN đảm bảo tính khoa học, vừa sức: Việc lựa chọn nội dung và phương pháp tiến hành cũng như hình thức trải nghiệm sáng tạo cho HS phải gắn liền với nội dung DHLS. Đồng thời GV phải tính đến khả năng nhận thức, NL thực hành của HS, tránh việc đặt ra nhiệm vụ học tập quá cao học quá thấp.

- Thứ hai, đảm bảo tính giáo dục: GV cần thiết kế để đảm bảo HĐTN có tính giáo dục, tránh biến hoạt động này thành giờ tham quan đơn thuần hoặc làm xơ cứng việc trải nghiệm.

- Thứ ba, đảm bảo phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của HS: Khi xây dựng quy trình tổ chức HĐTN cho HS, GV phải chú trọng thiết kế các hoạt động học tập nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, phát triển các NL thực hành, vận dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Thứ tư, đảm bảo độ an toàn và khả thi: HĐTN nhất là trải nghiệm thực tế ngoài giờ lên lớp có thể phát sinh những tình huống bất ngờ. Do đó, khi lập kế hoạch, thiết kế hoạt động, GV cần tính đến các yếu tố an toàn về sức khỏe, tính mạng, tài sản...

*** Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm**

Để tổ chức HĐTN nhằm phát triển NL vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học cho HS đạt hiệu quả, GV cần hướng dẫn HS thực hiện:

- *Bước 1: Lập kế hoạch trải nghiệm:* Căn cứ vào mục tiêu của môn học, nội dung sách giáo khoa, phân phối chương trình, ưu thế của địa phương, nhu cầu, hứng thú của HS mà GV xác định chủ đề trải nghiệm cho phù hợp.

- *Bước 2: Thiết kế kế hoạch HĐTN:*

+ Xác định chủ đề, mục tiêu, địa điểm, thời gian, công tác chuẩn bị, các hoạt động...). Trong đó, việc xác định/đặt tên chủ đề rất cần thiết vì nó định hướng cho GV xác định mục tiêu, nội dung và hình thức, cách thức tổ chức HĐTN hiệu quả.

+ Xác định mục tiêu của HĐTN phải phản ánh các mức độ và yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ và định hướng phát triển NL chung và NL chuyên biệt của HS.

+ Xác định nội dung kiến thức và đề xuất hình thức, phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học và cách thức tổ chức HĐTN phù hợp với nội dung. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của HĐTN. Vì vậy, đòi hỏi GV phải đầu tư công sức, tìm tòi, sáng tạo để xây dựng kế hoạch trải nghiệm khoa học và khả thi.

+ Chú trọng công tác chuẩn bị trong HĐTN:

Về phía GV, cần thông báo kế hoạch cho HS, phân công nhiệm vụ, yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng học tập, nêu rõ mục đích, quy định, dự kiến các phương tiện, điều kiện cần thiết để hoạt động; dự kiến cụ thể về thời gian, địa điểm, những tình huống có thể phát sinh để chủ động xử lý bốn là định hướng sản phẩm đầu ra cho HS.

Về phía HS, các em thực hiện công việc tiếp nhận nhiệm vụ trải nghiệm từ GV. Sau khi tiếp nhận nhiệm vụ, HS có thể nêu ý kiến phản hồi về nhiệm vụ (nếu băn khoăn, thắc mắc) để GV giải thích rõ nhiệm vụ, yêu cầu trước khi bắt đầu trải nghiệm.

- *Bước 3: Tổ chức HĐTN:*

+ Bước này nhằm biến ý tưởng trải nghiệm trên văn bản, giáo án thành hiện thực, nhằm kiểm nghiệm tính hiệu quả và khả thi của kế hoạch trải nghiệm do GV đề xuất.

+ Trong bước này, để tổ chức HĐTN hiệu quả, GV cần chú ý thực hiện tốt vai trò của người hướng dẫn, hỗ trợ HS. Ví dụ: Khi HS trải nghiệm, GV phải là người bao quát, kịp thời điều chỉnh, hướng HS vào các HĐTN; tạo điều kiện cho các nhóm (hoặc cá nhân) HS đều được tham gia trải nghiệm; ghi nhận những kết quả, ý tưởng mà HS tạo ra; sử dụng những câu hỏi gợi mở hỗ trợ HS trong quá trình trải nghiệm và xử lý kết quả trải nghiệm.

+ Về phía HS, các em phải thu thập nguồn học liệu (thông tin, dữ liệu, sự kiện, hiện tượng LS...) từ vốn kiến thức, kinh nghiệm của bản thân, từ thầy cô, sách vở và các kênh thông tin khác để giải quyết nhiệm vụ trải nghiệm. Từ đây, HS tiến hành xử lý các thông tin qua hoạt động tri giác, hình dung, tưởng tượng, tư duy ...

+ Để thực hiện thành công buổi trải nghiệm cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV trực tiếp phụ trách với HS và lực lượng tham gia hỗ trợ (Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý di tích, GV bộ môn, phụ huynh HS...).

- *Bước 4: Đánh giá HĐTN:*

+ Đánh giá của HS: Ở bước này, HS có nhiệm vụ quan sát, đối chiếu giữa kết quả của mình với các thành viên trong lớp hoặc giữa nhóm mình với các nhóm. Trên cơ sở đó, HS tự tổng hợp những vấn đề cốt lõi (từ nhiệm vụ trải nghiệm) để

hình thành kiến thức mới. HS vận dụng những kết quả trải nghiệm vào giải quyết nhiệm vụ hoặc vấn đề học tập gắn liền với thực tiễn. Thông qua vận dụng, HS tự nhận thức kết quả học tập, mức độ thành công hay thiếu sót của mình, từ đó tự điều chỉnh, rèn luyện để hoàn thiện hơn.

+ Đánh giá của GV: Bên cạnh việc đánh giá về kiến thức, GV cần chú ý đến thái độ, cảm xúc của HS. Việc đánh giá kết quả của HĐTN được tiến hành bằng nhiều hình thức phong phú và hấp dẫn. Chẳng hạn, quay video về di tích; phát biểu cảm tưởng ngay tại nơi trải nghiệm; viết bài thu hoạch về điểm ấn tượng nhất đối với HS trong buổi trải nghiệm; bài học giá trị nhất đối với HS khi tham gia buổi trải nghiệm. Kết quả làm việc của HS phải được tuyên dương, khen thưởng kịp thời để động viên, khích lệ tinh thần học tập của HS. Đây làm cơ sở để rút ra bài học kinh nghiệm cho những lần tổ chức sau tốt hơn.

*** Ví dụ về HĐTN ngoại khoá:**

Để minh hoạ cho ưu thế phát triển NL VDKTKN trong HĐTN, chúng tôi đưa ra ví dụ về quy trình thực hiện HĐTN ngoại khoá: *Khám phá di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long* cho HS lớp 10 trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ VỊNH HẠ LONG CÙNG SỬ K63 LVT Bước 1: Lập kế hoạch trải nghiệm tại Vịnh Hạ Long: - Ngay từ đầu năm học, GV môn Lịch sử đề xuất với tổ chuyên môn và Ban giám hiệu nhà trường kế hoạch về buổi trải nghiệm tại Vịnh Hạ Long cho HS lớp 10 chuyên Sử. - Cách thức tiến hành: tham quan thực tế. - Kinh phí cho buổi trải nghiệm: huy động từ phụ huynh. - Thời gian: Vào dịp nghỉ lễ năm học 2022: 30/4- 01/05/2022. Bước 2: Thiết kế kế hoạch HĐTN: * Xác định mục tiêu của HĐTN: - Về NL: HĐTN tại di sản Vịnh Hạ Long góp phần vào việc phát triển các NL chung và NL chuyên biệt + NL vận dụng kiến thức kĩ năng: khả năng sưu tầm và xử lí thông tin, khả năng đánh giá hiện trạng các di sản; giá trị của di sản; khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, khả năng đề ra các giải pháp mới để nâng cao công tác bảo tồn và quản lí di sản,.... - Về phẩm chất: bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, lòng tự hào và tình yêu trước những danh lam thắng cảnh của đất nước; nâng cao ý thức, trách nhiệm về việc bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản ở Việt Nam nói chung của HS trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy. * Chuẩn bị của GV và HS cho HĐTN:	
Chuẩn bị của GV	Chuẩn bị của HS

- Trước buổi tham quan 2 tuần: + GV phối hợp với phụ huynh làm việc với công ty du lịch để họ làm việc trước với Ban quản lí di sản Vịnh Hạ Long; trình bày rõ mục đích, yêu cầu của buổi tham quan tại di tích để có kế hoạch phối hợp, tạo điều kiện cho buổi tham quan đạt kết quả tốt. + Tìm hiểu những tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung chương trình học tập sẽ hướng dẫn HS tham quan. + Chuẩn bị bài tập cho HS làm sau buổi tham quan. - Trước buổi tham quan 2 ngày: + Phổ biến mục đích, yêu cầu của buổi tham quan, những nhiệm vụ HS phải làm khi tham quan, thời gian, địa điểm cụ thể. + Giao bài tập cho HS thực hiện sau buổi tham quan: - Nhóm 1: Video về hành trình khám phá Hạ Long cùng K63 LVT - Nhóm 2: Bảo tàng Quảng Ninh- dưới góc nhìn của một HS chuyên Sử - Nhóm 3: Vịnh Hạ Long – dưới góc nhìn của một khách tham quan. - Nhóm 4: Cảm nhận của em sau một chuyến đi trải nghiệm tập thể. - Hình thức làm bài tập: HS nộp bài dưới dạng bài thu hoạch theo từng nhóm: sản phẩm có thể là video, ppt hoặc word có hình ảnh minh họa. - Tiêu chí đánh giá sản phẩm (Phụ lục 2)	- Về kiến thức: + Ôn tập lại những kiến thức cơ bản của chuyên đề Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam. + Tìm hiểu một số thông tin về di tích Vịnh Hạ Long thông qua các kênh tài liệu tham khảo, tranh ảnh về đảo, hang động, di tích, sinh học,... - Về cơ sở vật chất: + HS chuẩn bị đầy đủ các vật dụng tư trang cá nhân cho hoạt động tham quan: giấy bút hoặc máy ghi âm, ghi hình, máy ảnh,... + Trang phục phù hợp. - Về thái độ: Có tinh thần nghiêm túc, tích cực khi tham gia buổi tham quan ngoại khoá. - Sau khi tham quan, hoàn thành các bài tập mà GV yêu cầu.
- Bước 3: Tiến hành HĐTN: + GV căn cứ vào kế hoạch đã xây dựng, tổ chức hoạt động tham quan trải nghiệm an toàn, hiệu quả. + Thời gian: Theo lịch trình của công ty du lịch, GV thông báo cho HS thời gian dự kiến diễn ra HĐTN * Tiến trình HĐTN	


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH ẨM LẠC VIỆT
AU LAC VIET TRAVEL
 Địa chỉ: Số 59 Phạm Hồng Thái – phường Văn Giang – Thành phố Ninh Bình.
 Tel: 84(0303) 898391 / Mobile: 0912832097 – 0912404397
 Email: Aulacviettravels@gmail.com

NINH BÌNH - VỊNH HẠ LONG - CÔNG VIÊN NƯỚC - BẢO TÀNG QUẢNG NINH
 (2 ngày - 1 đêm bằng ô tô + tàu thủy)



Hải sản được Unesco công nhận là di sản thiên nhiên Thế Giới (1994 và 2000), vịnh Hạ Long là một thắng cảnh không thể bỏ qua được trong chuyến du lịch khám phá kì quan di sản Thế Giới. Chương trình du lịch này giúp du khách khám phá toàn cảnh vịnh Hạ Long với những hang động đẹp nhất (hang Sừng Sốt, động Thiên Cung, hang Trinh Nữ, động Má Cung...) cụm đảo đẹp nhất (Lan Hạ, Ba Trại Đảo), làng nổi nổi nấp (Bồ Châu, Cồn Vọt...) Quý khách được thưởng thức những món ăn đặc sản của vùng biển Hạ Long... Đến với tuyến Du lịch này cùng với sự nhiệt tình trong phục vụ, với phương châm "đặt lợi ích của khách hàng lên trên hết" chắc chắn sẽ làm hài lòng Quý khách.

Lịch trình chi tiết:

NGÀY 1: NINH BÌNH - BẢO TÀNG QUẢNG NINH - CÔNG VIÊN NƯỚC - GALA DINNER

- 5h00 Xe của công ty Du lịch **Ẩm Lạc Việt** đón Quý khách tại điểm hẹn lên đường đi **Quảng Ninh**.
- Quý khách ăn sáng trên đường với món Phở bò Nam Định
- 9h30 Đến **Quảng Ninh**, Quý khách tham quan **Bảo tàng Quảng Ninh** được xem là một công trình văn hóa hoàn hảo và là điểm nhấn bên vịnh của một vùng danh thắng nổi tiếng. Đây cũng là cụm kiến trúc đồ sộ có giá trị đầu tư lớn nhất trên 900 tỉ (đồng) và là nhà bảo tàng chính thức lớn đầu tiên được xây dựng tại tỉnh **Quảng Ninh**.
- 11h30 Quý khách về nhà hàng ăn trưa



Au Lac Viet travel – sát cánh cùng bạn trên mọi nẻo đường


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH ẨM LẠC VIỆT
AU LAC VIET TRAVEL
 Địa chỉ: Số 59 Phạm Hồng Thái – phường Văn Giang – Thành phố Ninh Bình.
 Tel: 84(0303) 898391 / Mobile: 0912832097 – 0912404397
 Email: Aulacviettravels@gmail.com

VỊNH HẠ LONG - NINH BÌNH

và nhận phòng khách sạn nghỉ ngơi



- 14h30 Quý khách vui chơi tại **công viên nước Hạ Long**. Quý khách thỏa sức đắm mình trong làn nước xanh mát tại bể tạo sóng trong những ngày hè oi bức hay thử thách lòng dũng cảm cùng các đường trượt nước. Đến với công viên nước **Typhoon Water Park** đã hòa mình vào những trò chơi như **Tử thách mòng xà**, **Sóng thần**, **Cơn bão nhiệt đới**, **Tia chớp không lồ**...
- 17h30 Quý khách về lại khách sạn nghỉ ngơi và ăn tối

Au Lac Viet travel – sát cánh cùng bạn trên mọi nẻo đường

*** Bước 4: Đánh giá HĐTN:**

Sau buổi tham quan, GV tập trung HS để nhận xét buổi tham quan, dặn dò các nhóm trao đổi, thảo luận để hoàn thiện bài thu hoạch.

Sản phẩm của HĐTN Khám phá Vịnh Hạ Long cùng SSK63 Lương Văn Tuy cùng tiêu chí đánh giá sản phẩm được thể hiện ở phụ lục 2.1.

Qua HĐTN *Khám phá Vịnh Hạ Long* có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển NL, PC cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN.

- Khi được đến với Vịnh Hạ Long sau khi đã học xong chuyên đề “*Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam*” đã giúp HS gắn kiến thức đã học vào thực tiễn, trực tiếp được trải nghiệm tận mắt những kiến thức mình học qua sách vở, tạo nên sự hứng thú vô cùng của các em HS.

- Tổ chức HĐTN tại Hạ Long 2 ngày 1 đêm, chúng tôi nhận thấy HS được rèn luyện kĩ năng cơ bản, có cả kĩ năng thực hành bộ môn và kĩ năng sống: kĩ năng chung sống và hợp tác với tập thể, kĩ năng quan sát, kĩ năng thu thập thông tin, hình ảnh trong suốt hành trình, kĩ năng đánh giá dựa trên các nguồn tư liệu hình ảnh....Trên cơ sở đó, các NL chung và NL đặc thù, đặc biệt là NL VDKTKN được phát triển.

- Tham gia hoạt động tham quan học tập, HS đã bộc lộ những cảm xúc chân thực.

- Thông qua sản phẩm học tập HĐTN, HS được trải nghiệm dưới nhiều góc độ như khách du lịch, sáng tạo trong việc tạo ra các sản phẩm.

2. 3.3. Sử dụng hệ thống bài tập lịch sử

2.3.3.1. Khái niệm, vai trò của bài tập lịch sử

*** Khái niệm:**

- Bài tập:

Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2002) định nghĩa: “Bài tập là bài giao cho HS làm để vận dụng những điều đã học được”.[44]

Có thể hiểu về khái niệm bài tập như sau: bài tập gồm có dữ kiện và yêu cầu (dưới dạng câu hỏi), đặt HS trước nhiệm vụ nhận thức vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề mà ngay tại thời điểm đó HS chưa biết lời giải. Để đạt mục đích này, HS phải dựa trên cơ sở những dữ kiện đã cho và dựa vào những tri thức, kỹ năng sẵn có để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc giải quyết bài tập giúp HS lĩnh hội kiến thức mới, phát triển NL nhận thức, NL tư duy và NL VDKTKN. Để giải quyết bài tập, HS phải căn cứ vào dữ kiện cho trước và kiến thức đã học để tìm ra câu trả lời.

Theo Lê Thanh Oai, Bài tập thực tiễn là dạng bài tập xuất phát từ các tình huống thực tiễn, được giao cho HS thực hiện để vận dụng những điều đã học nhằm hình thành kiến thức mới hoặc củng cố, hoàn thiện, nâng cao kiến thức đã học, đồng thời phát triển NL người học. Sử dụng bài tập thực tiễn có thể gắn kiến thức môn học với các hiện tượng trong đời sống. Để giải quyết các bài tập thực tiễn, HS cần vận dụng các kiến thức đã học và các kỹ năng như đọc tài liệu, quan sát tranh hình, phân tích, so sánh, tổng hợp vấn đề, phản biện,...[42]

- Bài tập lịch sử:

Tùy vào quan điểm của từng nhà nghiên cứu, bài tập lịch sử được chia thành nhiều loại khác nhau. Có nhiều cách phân loại bài tập dựa trên các tiêu chí khác nhau, mỗi cách phân loại đều có các ưu, nhược điểm riêng. Trong các tài liệu nghiên cứu hiện nay có các cơ sở để phân loại bài tập phổ biến như sau:

- Dựa vào nhiệm vụ dạy học của bộ môn, có bài tập hình thành kiến thức mới, bài tập củng cố, hệ thống kiến thức cũ, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, bài tập thực hành.

- Dựa vào mức độ nhận thức của HS có: bài tập tái hiện, bài tập nhận thức, bài tập yêu cầu phân tích, tổng hợp...

- Dựa vào nội dung DHLS có: bài tập xác định không gian, thời gian xảy ra sự kiện, bài tập xác định bản chất của sự kiện lịch sử, bài tập nêu lên mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, bài tập tìm hiểu nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, bài học lịch sử...

- Dựa vào NL HS có thể xây dựng bài tập theo các dạng: bài tập tái hiện, bài tập vận dụng, bài tập giải quyết vấn đề, bài tập gắn với bối cảnh, tình huống thực tiễn (bài tập mở).

Tuy có sự khác nhau trong cách giải thích khái niệm nhưng các tác giả đều thống nhất về một số yêu cầu cần có của bài tập lịch sử:

- Bài tập phải chứa đựng tình huống có vấn đề, đặt HS trước khó khăn, mâu thuẫn giữa điều đã biết và chưa biết, xuất hiện nhu cầu tìm hiểu vấn đề.

- Bài tập đòi hỏi HS phải giải quyết một cách độc lập, tư duy độc lập dựa trên kiến thức đã có hoặc những kiến thức mà GV cung cấp nhưng đó không phải là câu trả lời.

- Kết quả của việc sử dụng bài tập dẫn đến hiểu biết mới, lĩnh hội kiến thức mới của HS, đi sâu vào bản chất của sự kiện, hiện tượng và phát triển các kỹ năng.

** Vai trò của bài tập lịch sử đối với việc phát triển NL vận dụng kiến thức kỹ năng:*

Bài tập là một yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển NL *VDKTKN* cho HS:

+ Thông qua việc làm bài tập NL so sánh, phân tích, khái quát hóa các vấn đề lịch sử, NL vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra sẽ được tăng cường

+ Việc sử dụng bài tập lịch sử trong quá trình dạy và học bộ môn đặc biệt là các bài tập giúp phát triển NL vận dụng kiến thức còn giúp thay đổi cách thức, phương pháp tiến hành giờ dạy. Từ đó làm tăng tính hấp dẫn cho bài học, thu hút sự chú ý của HS, giúp các em học tập môn lịch sử một cách say mê, tích cực và chủ động hơn, hình thành khả năng tự học lâu dài cho các em.

+ Sử dụng bài tập phát triển NL vận dụng kiến thức đưa các bài học lịch sử đến gần với thực tế tránh lối học gao, kinh viện khiến môn lịch sử trở nên sơ cứng như một môn học đóng kín bởi các hiện tượng, sự kiện trong quá khứ. Nếu vận dụng khéo léo sẽ giúp môn học trở nên sinh động, mang hơi thở của cuộc sống hiện đại vì vậy sẽ gần gũi và hữu ích hơn.

+ Bài tập vận dụng kiến thức nếu được sử dụng hợp lý sẽ giúp các em hình thành và phát triển NL vận dụng kiến thức vào đời sống một yêu cầu cao nhất mà quá trình dạy học hướng tới.

+ Bài tập kích thích HS hứng thú, yêu thích môn học hơn, đồng thời hình thành và phát triển lòng say mê NCKH. Bài tập được sử dụng ứng với các PPDH đa dạng, vì vậy trở thành công cụ tổ chức các loại bài học khác nhau nhằm phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập của HS. [21]

Như vậy việc sử dụng bài tập lịch sử để phát triển NL vận dụng kiến thức cho HS là một trong nhiều yếu tố của quá trình đổi mới PPDH môn lịch sử. Phương pháp này có thể giúp nâng cao NL *VDKTKN* cho HS giúp HS có kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo phát huy tối đa NL bản thân trong học tập cũng như trong thực tế đời sống.

2.3.3.2. Gợi ý một số dạng bài tập phù hợp nhằm phát triển NL VDKTKN cho HS khi dạy các chuyên đề học tập lịch sử 10

Để phát triển NL vận dụng kiến thức kĩ năng, bài tập đòi hỏi HS không chỉ ghi nhớ sự kiện lịch sử, kiến thức đã học mà đòi hỏi HS phải đi sâu vào bản chất các sự kiện đó để có thể đánh giá, nhận xét, rút ra bài học lịch sử và khả năng kết nối quá khứ với hiện tại. Dạng bài tập này đánh giá được NL tư duy của HS, khả năng lập luận, lí giải vấn đề, tìm tòi và sáng tạo. Để có thể giải quyết các bài tập thuộc nhóm này, HS cần phải sử dụng các thao tác của tư duy như: so sánh, đối chiếu, phân tích, chứng minh, khái quát, tổng hợp, đặt vấn đề, phát hiện vấn đề... Chính những kĩ năng này được rèn luyện thường xuyên giúp HS phát triển NL NL VDKTKN đã học.

*** Bài tập trắc nghiệm:**

Là dạng bài tập rất phổ biến từ sau khi thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá đến nay. Các câu hỏi trắc nghiệm thường được đặt ra ở đầu hoặc cuối mỗi bài học hay chủ đề để củng cố kiến thức đã học, vận dụng những kiến thức đã học để liên hệ với kiến thức mới sẽ học; đồng thời cũng là dạng bài tập để kiểm tra các mức độ tư duy, vận dụng, liên hệ, mở rộng kiến thức của HS.

Những năm gần đây, trắc nghiệm được tiến hành thường xuyên ở các kỳ thi, kiểm tra các cấp để đánh giá kết quả học tập, giảng dạy đối với một phần của môn học, toàn bộ môn học, hay với cả một cấp học; hoặc để tuyển chọn HS có NL nhất định vào học một khoá học. Các câu hỏi trắc nghiệm thường được thiết kế theo các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao...vv.

Để phát triển NL vận dụng kiến thức kĩ năng cho HS, thì GV phải thiết kế các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao.

Câu hỏi trắc nghiệm ở mức độ vận dụng là dạng câu hỏi đòi hỏi HS phải biết vận dụng, xâu chuỗi, tổng hợp kiến thức để lí giải, phân tích đặc điểm, tính chất của các sự kiện, hiện tượng lịch sử; biết so sánh những điểm giống và khác nhau, mối liên hệ giữa các sự kiện, hiện tượng; biết đánh giá về nhân vật, sự kiện, hiện tượng, biết rút ra những bài học kinh nghiệm về sự kiện có thể vận dụng vào bối cảnh cuộc sống hiện tại...

Ví dụ:

Câu 1: Một trong những điểm tiến bộ của Quốc triều hình luật thời Lê sơ so với Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn là

- A. thể hiện rõ tính chuyên chế của nhà nước quân chủ.
- B. bảo vệ quyền lợi của vua và quý tộc.
- C. đề cao chủ quyền quốc gia.
- D. chú ý đến vai trò và quyền lợi phụ nữ.

Câu 2: Hoàng Việt luật lệ của nhà Nguyễn đã

- A. mô phỏng hoàn toàn luật của nhà Thanh.
- B. xoá bỏ hoàn toàn những điểm tiến bộ của bộ Quốc triều hình luật.

C. có những nét mới, tiến bộ so với luật nhà Thanh.

D. không có tính kế thừa bộ Quốc triều hình luật.

Câu 3: Một trong những điểm chung của bộ Quốc triều hình luật của Đại Việt thời Lê và Hiến pháp 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. mang tính nhân đạo sâu sắc.

B. nhằm bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị.

C. được đưa ra trong bối cảnh đất nước khủng hoảng sâu sắc.

D. đề cao quyền lợi tối thượng của người đứng đầu đất nước.

Câu 4: Ý nào sau đây không phản ánh đúng vai trò của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà giai đoạn 1945-1954

A. Lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp kháng chiến- kiến quốc

B. Diệt giặc đói, đốt, khó khăn về tài chính.

C. Xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây dựng cơ sở cho chế độ xã hội chủ nghĩa

D. Hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc.

Câu 5: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã đánh dấu

A. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

D. mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

Việc hoàn thành các bài tập trắc nghiệm ở mức độ vận dụng trong quá trình học tập các chuyên đề lịch sử giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức. Đồng thời, cho thấy HS đã biết VDKTKN để trả lời nhanh các câu hỏi khó phản ánh bản chất, đặc điểm, tính chất, mối liên hệ và rút ra được bài học kinh nghiệm từ các sự kiện, hiện tượng lịch sử. Luyện tập với các bài tập khó trong một thời gian ngắn cũng là một biện pháp để HS đánh giá chính NL học tập của bản thân, từ đó tiếp tục tạo động lực, kích thích sự hứng thú, tư duy, hình thành kĩ năng và NL vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết các nhiệm vụ học tập và xử lí các tình huống trong cuộc sống cho HS.

*** Bài tập tự luận:**

“Bài tập tự luận là dạng bài tập đòi hỏi HS không chỉ có kiến thức mà còn là khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Nó không thể chỉ dựa trên trí nhớ về những thông tin, kiến thức đã biết, mà đòi hỏi các em sử dụng những thông tin đó theo một trật tự logic chặt chẽ nhằm trình bày vấn đề đầy đủ. Nó đòi hỏi khả năng tư duy, bộc lộ mức độ thành thạo kỹ năng lập luận và sử dụng ngôn ngữ. Nó biểu lộ những gì người học thấm thấu qua quá trình học, chứ không chỉ là những

kiến thức mà HS nhớ được... Quá trình nhận thức này chính là điều chúng ta muốn HS được trải nghiệm để mài sắc khả năng tư duy, vận dụng, lập luận, trình bày, thể hiện quan điểm cá nhân về một vấn đề.” [28; 136]

Để hình thành và phát triển NL VDKTKN lịch sử cho HS trong quá trình học tập các chuyên đề lịch sử, chúng ta có thể vận dụng dạng bài tập *bài tập nhận thức, VDKTKN lịch sử, trong đó* yêu cầu HS giải thích, lập luận, phân tích chứng minh, bày tỏ ý kiến về một quan điểm, một nhận định, so sánh điểm giống và khác nhau giữa một sự vật sự kiện, nhân vật, hay một vấn đề lịch sử; rút ra được bản chất, quy luật, bài học, tính kế thừa và phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử... Từ thực tiễn DHLS, chúng tôi thấy một số dạng bài tập vận dụng phù hợp với đối tượng HS chuyên như:

Khi dạy chuyên đề “Nhà nước và pháp luật trong Lịch sử Việt Nam”, để phát triển NL VDKTKN đã học, GV có thể sử dụng một số dạng bài tập như sau:

- *Dạng bài tập xác định bản chất của sự kiện, hiện tượng:*

Ví dụ:
1. Đọc các tư liệu sau:
Tư liệu 1: “Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được tổ chức. Lần đầu tiên người dân Việt Nam được trực tiếp phát huy quyền làm chủ của mình, tự do lựa chọn và bầu ra những đại biểu xứng đáng thay mặt cho mình gánh vác đất nước.” Tư liệu 2: “Điều thứ nhất. Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 1946, 1959, 1980, 1992, NXB Thống kê, Hà Nội, 2007, tr.6). Tư liệu 3: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” (Hồ Chí Minh)
2. Thông qua tư liệu 1,2,3, hãy trả lời các câu hỏi sau:
1. Sự kiện nào chứng tỏ: Lần đầu tiên người dân Việt Nam được trực tiếp phát huy quyền làm chủ của mình?

2. Dựa vào tư liệu, em hãy làm rõ bản chất của chế độ “Dân chủ cộng hoà”.
3. Hãy chỉ ra một số đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
4. Liên hệ: Hãy chỉ ra các biểu hiện chứng tỏ, bản thân em đã và đang thực hiện quyền làm chủ đất nước.

- *Dạng bài tập so sánh để rút ra điểm giống và khác nhau, tính đặc thù của sự kiện, hiện tượng lịch sử.*

Đây là dạng bài tập đòi hỏi HS phải có sự hiểu biết sâu sắc về sự kiện lịch sử, nhìn thấy bản chất sự kiện, biết vận dụng kiến thức đã học để liên kết, so sánh, đối chiếu với một sự kiện lịch sử khác để đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử một cách chính xác khách quan hơn.

Ví dụ:		
Về các mô hình nhà nước quân chủ ở Việt Nam, em hãy:		
a. Hoàn thành bảng thống kê sau:		
Tổ chức bộ máy nhà nước	Thời gian	Đặc điểm
b. So sánh điểm giống và khác nhau giữa các mô hình nhà nước quân chủ ở Việt Nam thời Lí- Trần, Lê sơ và thời Nguyễn.		

- *Dạng bài tập phát triển khả năng đánh giá, nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm:*

Ví dụ:
Có quan điểm cho rằng: bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ có nhiều điểm tiên bộ, nên được tham khảo và áp dụng trong việc quản lí xã hội ngày nay. Em có đồng ý với với quan điểm đó không? Vì sao

- *Dạng bài tập phát triển NL kết nối quá khứ với hiện tại:*

Ví dụ:
1. Suu tầm tư liệu về quê em (phường, xã) về thời kì trước và sau năm 1986: tư liệu hình ảnh, tư liệu viết, câu chuyện kể (tư liệu truyền miệng): - Đời sống kinh tế: - Đời sống văn hoá – xã hội: 2. Trên cơ sở sự thay đổi của quê hương mình trước và sau hơn 1986, hãy lí giải

nguyên nhân vì sao có sự khác biệt giữa hai giai đoạn đó?

3. Từ đó, hãy rút ra những vai trò của Nhà nước CHXHCN Việt Nam đối với công cuộc đổi mới đất nước?

Để giải quyết bài tập thực tiễn này, HS cần vận dụng kiến thức liên quan: Bối cảnh lịch sử, thành tựu của quê hương trước và sau đổi mới... Các kỹ năng cần vận dụng bao gồm đọc tư liệu, phân tích tư liệu, thu thập và xử lý thông tin, đề xuất giải pháp, lựa chọn cách trình bày sản phẩm

- Dạng bài tập phát triển NL vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

Ví dụ:
1. Đọc đoạn tư liệu sau:
“Trải qua hơn 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình.” Năm 2020, Việt Nam có quan hệ hữu nghị hợp tác với 189 quốc gia, trong đó có 17 nước đối tác chiến lược và 13 đối tác toàn diện; có quan hệ kinh tế với hơn 230 nền kinh tế, đã kí 15 hiệp định thương mại tự do (FTA). Việt Nam đảm nhận vai trò là Chủ tịch ASEAN, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.” (<i>Lịch sử 10, trang 48, bộ Cánh Diều</i>)
2. Qua đoạn tư liệu, em hãy:
- Nêu những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế.
- Chỉ ra những nguyên nhân đưa đến những thành tựu đó?
- Đánh giá vai trò của nước CHXHCN Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế?

- Dạng bài tập phát triển NL tự học:

Tổ chức hoạt động tự học lịch sử góp phần phát triển cho HS NL nhận thức, NL thực hành và các kỹ năng, kỹ xảo. Thông qua hoạt động tự học, GV đã hình thành và phát triển ở HS các NL nhận thức (tri giác, tưởng tượng, trí nhớ, tư duy,...); NL thực hành (chế tạo, sử dụng các đồ dùng trực quan...); các kỹ năng, kỹ xảo như phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử; kỹ năng hình thành kiến thức; kỹ năng xử lý thông tin, sưu tầm, sử dụng tài liệu tham khảo...

Ví dụ:

Khi học về các bộ luật tiêu biểu của Việt Nam thời phong kiến, các bản Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, GV giao cho HS thực hiện bài tập dự án như sau:

Trên cơ sở sưu tầm tư liệu về bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ, các bản hiến pháp 1946 và 2013, em hãy:

1. Chỉ ra những điều khoản liên quan đến quyền lợi của trẻ em trong các bộ luật và hiến pháp đó.
2. Chỉ ra những điểm kế thừa và phát triển của các bản Hiến pháp của Việt Nam từ các bộ luật thời phong kiến về những điều khoản liên quan đến quyền lợi của trẻ em.
3. Từ đó, đánh giá những ưu điểm trong các điều khoản bảo vệ quyền lợi trẻ em của bản Hiến pháp 2013.
4. Đề xuất những biện pháp góp phần tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật của người dân, đặc biệt là quyền trẻ em.

Với dạng bài tập này, HS sẽ trở thành những “nhà sử học nhí”, tự khám phá, chiếm lĩnh kiến thức. Đây là một dạng nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, trong đó HS cần đưa ra sản phẩm nhận thức và sản phẩm vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Để thực hiện dạng bài tập dự án này, HS cần vận dụng kiến thức về lịch sử Việt Nam ở thế kỉ XV và thế kỉ XIX; về tư tưởng và luật pháp Việt Nam thời phong kiến; các bản hiến pháp hiện đại, ý thức chấp hành pháp luật của những người xung quanh. Bên cạnh đó, HS phải vận dụng các kĩ năng như thu thập, xử lí thông tin, điều tra, khảo sát, viết báo cáo, thuyết trình, hợp tác, giải quyết vấn đề,...

- Dạng bài tập tranh luận, phản biện:

Ví dụ:

Bàn về bộ Hoàng Việt luật lệ, có ý kiến cho rằng:

Ý kiến 1: Hoàng Việt luật lệ thời Gia Long gần như mô phỏng luật nhà Thanh, loại bỏ những điểm tiến bộ của luật Hồng Đức, chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi của vua và quý tộc.

Ý kiến 2: Hoàng Việt luật lệ thời Gia Long có nhiều điểm mới so với luật nhà Thanh, kế thừa những điểm tiến bộ của luật Hồng Đức, có giá trị trong đời sống xã hội hiện đại.”

Em có đồng ý với ý kiến nào? Hãy tìm những nguồn tài liệu để chứng minh cho quan điểm của mình và có đánh giá đúng đắn, khách quan về bộ Hoàng Việt luật lệ.

Để có thể giải quyết bài tập tranh luận này, để đưa ra được quan điểm của mình về vấn đề tranh luận, HS phải vận dụng kiến thức về lịch sử Việt Nam ở thế kỉ XV, XIX, về hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ, về Luật của nhà Thanh. Các kĩ năng được vận dụng là kĩ năng sưu tầm và làm việc với tư liệu, xử lí thông tin, so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp, kĩ năng lập luận, thuyết trình. Khi

tranh luận, GV khuyến khích HS sử dụng tư liệu gốc khi đưa ra dẫn chứng. Đồng thời, GV phải giữ vai trò chủ đạo, hướng HS vào trọng tâm của cuộc tranh luận, hướng tới mục tiêu dạy học. Khi tranh luận đã đạt được mục tiêu là giúp HS có cái nhìn công bằng, khách quan về bộ luật Hoàng Việt luật lệ thì GV chủ động dừng tranh luận để tổng kết đề gợi mở cho HS những suy nghĩ sâu sắc, kết nối với hiện tại: Hoàng Việt luật lệ có sự kế thừa Quốc triều hình luật. Tuy có tham khảo luật của nhà Thanh nhưng vẫn có một số điểm mới. Một số điều khoản trong Hoàng Việt luật lệ vẫn có giá trị trong đời sống xã hội hiện đại.

*** Bài tập thực hành**

Bài tập thực hành lịch sử nhằm giúp HS rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn, đồng thời qua các hoạt động thực hành, HS nâng cao kỹ năng phân tích, giải thích, trình bày kết quả thực hành, đưa ra được nhận xét kết quả thực hành. Nhóm bài tập này gồm những dạng sau đây

- Bài tập thực hành về xây dựng, sử dụng đồ dùng trực quan như bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ... bao gồm vẽ, trình bày, giải thích, nhận xét, xác định địa danh, ghi kí hiệu; xây dựng các loại bảng biểu (bảng biên niên, bảng so sánh, bảng thống kê...). tranh ảnh, hiện vật.

Ví dụ: Trên lược đồ Việt Nam, xác định và ghi chú vị trí phân bố của các di sản thiên nhiên/ di sản phức hợp tiêu biểu và rút ra nhận xét về sự phân bố đó (Chuyên đề: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá của Việt Nam).

- Bài tập thực hành về sưu tầm hiện vật, tranh ảnh, tài liệu về các nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử. Ví dụ, khi học chuyên đề : Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá của Việt Nam, GV có thể yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh, tư liệu ghi hình, để làm rõ hơn giá trị của các di sản văn hoá ở Việt Nam.

- Bài tập thực hành về lập hồ sơ học tập, như Hồ sơ về nhân vật : Lê Thánh Tông, Chủ tịch Hồ Chí Minh,...vv.

2.3.3.3. Nguyên tắc, quy trình sử dụng bài tập vận dụng kiến thức kỹ năng

*** Những nguyên tắc khi sử dụng bài tập lịch sử:**

Khi sử dụng các bài tập này cần chú ý các yêu cầu sau:

Thứ nhất: Sử dụng bài tập phải phù hợp với mục đích dạy học chung và từng bài học cụ thể nói riêng. Tuy rằng phương pháp sử dụng bài tập phát triển NL VDKTKN là ưu việt nhưng không có nghĩa là bài học nào cũng phải sử dụng. Chúng ta cần xem xét ở từng bài học cụ thể kết hợp với việc sử dụng nhiều phương pháp, nhiều kiểu bài tập khác.

Thứ hai: Bài tập phải được sử dụng thường xuyên, liên tục. Bài tập được sử dụng thường xuyên, liên tục, giúp HS hình thành, củng cố rèn luyện các kỹ năng tốt hơn. Từ đó, có thể phát huy tối đa NL VDKTKN cho HS.

Thứ ba: Bài tập phải được sử dụng dưới mọi hình thức: dạy trên lớp, hoạt động ngoại khóa, làm bài kiểm tra, làm bài tập ở nhà.

Thứ tư: Sử dụng bài tập lịch sử phải gây hứng thú học tập, kích thích sự suy nghĩ, tìm tòi của HS. Bài tập cần được sử dụng linh hoạt, dưới nhiều hứng thú, đánh giá của GV về bài tập của HS đòi hỏi phải chuẩn xác, khách quan, nghiêm khắc nhưng cũng phải động viên, khích lệ được những nỗ lực, cố gắng và tiến bộ của HS.

** Sử dụng bài tập trong các hoạt động học tập*

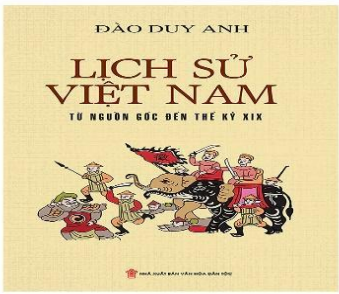
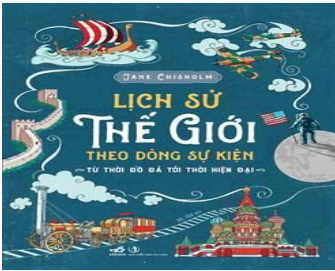
Để phát triển NL VDKTKN đã học, GV có thể sử dụng bài tập để rèn luyện cho HS qua các bước của quá trình dạy học như:

- *Sử dụng bài tập lịch sử khi tổ chức hoạt động khởi động:*

Mở đầu bài học (hay mở đầu một chủ đề, chuyên đề học tập) là khâu đầu tiên của quá trình dạy học, là bước quan trọng giúp HS tập trung chú ý vào nội dung bài học, tạo hứng thú học tập cho HS. Sử dụng bài tập tạo ra tình huống có vấn đề, đặt HS trước một khó khăn, một mâu thuẫn giữa biết và chưa biết, buộc HS phải tích cực hoạt động, tích cực tư duy để tìm ra câu trả lời. Việc tạo tình huống vào đầu giờ học phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ bài học, phù hợp với trình độ nhận thức của HS; đồng thời cũng phải nêu ra được những nhiệm vụ cụ thể để HS thực hiện

Ví dụ: Khi dạy Chuyên đề “Các lĩnh vực của sử học” (Lịch sử 10- Chương trình 2018), GV có thể sử dụng bài tập sau để tổ chức hoạt động khởi động: Cho HS quan sát một số hình ảnh:



5	6
	

1. Dựa vào các hình ảnh trên, hãy chỉ ra đâu là những tác phẩm phản ánh nội dung lịch sử?
2. Nội dung phản ánh lịch sử trong các tác phẩm này có gì khác nhau?
(Gợi ý: Giải thích theo cặp hình ảnh: 1-2; 3-4; 5-6)

Bài tập trên đã đặt HS trước một vấn đề “các cách trình bày lịch sử”. Để có câu trả lời chính xác, đầy đủ, HS buộc phải đi sâu vào nội dung bài học, chú ý tìm kiếm thông tin, phân tích các ví dụ để tìm câu trả lời. Đồng thời, bài tập trên cũng góp phần vào việc định hướng HS giải quyết những nhiệm vụ nhận thức của bài học, đó là nắm được các cách trình bày lịch sử, ý nghĩa của sự phân chia lịch sử theo các lĩnh vực. Tìm ra điểm khác biệt giữa các cách phân chia lịch sử. Trong quá trình làm bài tập, HS phải dựa trên các nguồn tư liệu, xử lý thông tin để rút ra kết luận. Việc giải quyết các bài tập sẽ giúp HS hoàn thiện những kỹ năng: thu thập và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề, VDKTKN đã học,...

- Sử dụng bài tập lịch sử khi tổ chức hoạt động hình thành kiến thức mới:

Trong dạy học phát triển NL, để giúp HS lĩnh hội kiến thức mới, GV có thể sử dụng bài tập để tổ chức các hoạt động nhóm, chú trọng phát triển các NL như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, VDKTKN,...cho HS. Trong quá trình làm bài tập, HS sẽ huy động kiến thức và kỹ năng mà bản thân đã có để phân tích dữ liệu, thông tin cho trước, sau đó tiến hành thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Thông qua đó, người học đã tích cực tự chủ, tự chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển các NL, đặc biệt là NL VDKTKN đã học.

Ví dụ: Khi dạy Nội dung “Di sản thiên nhiên và Di sản phức hợp tiêu biểu” ở Việt Nam thuộc chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam”, GV có thể sử dụng bài tập cho HS trao đổi thảo luận như sau:

1. Hãy lập bảng thống kê các di sản thiên nhiên và di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam mà em biết.

2. Thông qua một ví dụ cụ thể, giải thích vì sao các di sản được phân loại là di sản thiên nhiên/ di sản phức hợp.
3. Hãy lựa chọn và giới thiệu một di sản phức hợp tiêu biểu của Việt Nam.

Với dạng bài tập này, cá nhân HS phải vận dụng kiến thức về di sản, di sản thiên nhiên, di sản phức hợp. HS phải nắm vững khái niệm, cách phân biệt và giá trị của các loại di sản. Các kỹ năng được vận dụng là kỹ năng sưu tầm và làm việc với tư liệu, xử lý thông tin, so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp, kỹ năng lập luận, thuyết trình. Trên cơ sở những nhận thức cá nhân, HS tiến hành trao đổi, thảo luận trong nhóm để thống nhất những vấn đề cần giải quyết. Qua bài tập này, HS phân biệt được các loại di sản; thấy được giá trị của từng loại di sản. Từ đó ý thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công việc bảo vệ và giữ gìn các di sản văn hoá của dân tộc.

- Sử dụng bài tập lịch sử để tổ chức hoạt động luyện tập, củng cố kiến thức:

Để củng cố bài học trên lớp, GV có thể sử dụng bài tập để củng cố, khắc sâu kiến thức, kiểm tra tình hình lĩnh hội kiến thức của HS trong suốt giờ học.

Ví dụ: Sau khi dạy xong nội dung “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá” thuộc Chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam”, GV có kiểm tra hoạt động nhận thức của HS bằng bài tập sau:

Bài tập 1: a. Hãy lựa chọn và nối các Cột A và B sao cho thích hợp để hoàn thiện bảng thể hiện vai trò của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá:

A		B
Hệ thống chính trị		Là chủ thể, giữ vai trò then chốt trong công tác bảo tồn di sản văn hoá
Doanh nghiệp		Trực tiếp tham gia bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá
Cộng đồng dân cư		Huy động nguồn vốn cho công tác bảo tồn di sản văn hoá
Công dân		Tạo ra khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho công tác bảo tồn di sản văn hoá.

b. Đọc thông tin hình 2.8: Di tích Đình Ngò (Hà Nam)(SGK trang 25 Bộ Cánh Diều), hãy làm rõ: Trong việc bảo tồn và phát huy di tích Đình Ngò, vai trò của các tổ chức, cá nhân được thể hiện như thế nào?

Với bài tập này, HS vận dụng kiến thức vừa học trong bài, củng cố lại kiến thức cơ bản về vai trò của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá. Đồng thời, trên cơ sở lý thuyết, HS phải vận dụng kiến thức đó để

giải quyết vấn đề khi áp dụng vào một trường hợp thực tiễn là di tích Đình Ngò. Hoàn thành bài tập này, HS phải huy động kiến thức, VDKTKN để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn.

- *Sử dụng bài tập lịch sử khi kiểm tra, đánh giá:*

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển NL. Kiểm tra, đánh giá theo NL hướng tới việc đánh giá sự tiến bộ của người học so với chính bản thân họ trong những giai đoạn khác nhau. Sử dụng bài tập lịch sử trong kiểm tra đánh giá giúp HS phát huy tối đa khả năng diễn đạt, khả năng trình bày và sử dụng ngôn ngữ, phát triển NL nhận thức, tư duy, đặc biệt là NL VDKTKN đã học.

Ví dụ:

Cho bảng tư liệu sau đây:		
Tiêu chí	Quốc triều hình luật	Bộ luật Hình sự 2015
Vấn đề tra khảo người phạm tội	-Điều 8 (chương Xử án): Những người đáng được nghị xét giảm tội, như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, hay bị phế tật, nếu phạm tội thì không được tra tấn, chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà định tội; nếu (quan hình ngục) làm trái điều này, thì coi như phạm tội cố ý buộc tội người. Trong luật có điều được phép ẩn giấu cho nhau, như người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và người bệnh nặng, thì không được gọi ra làm chứng, nếu trái luật này thì bị biếm một tư Điều 50 (chương Xử án): Ngục giám vô cớ hành hạ đánh đập tù nhân bị thương, thì xử tội theo luật đánh người bị thương. Nếu bớt xén bớt áo quần và cơm, đồ ăn thì chiếu số ăn bớt mà khép vào tội ăn	- Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự . 1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm; (...) n) Người phạm tội là phụ nữ có thai; o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên; p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; r) Người phạm tội tự thú; - Điều 373 (Tội dùng nhục hình) + Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

	trộm. Nếu vì sự đánh đập và ăn bớt, đến nỗi tù phạm bị chết, thì bị khép vào tội đồ hay lưu	a) Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; b) Làm người bị nhục hình tự sát. + Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân [9].
--	---	---

Đọc tư liệu và trả lời các câu hỏi:

1. Đọc tư liệu về Chương Xử án của Luật Hồng Đức và đưa ra đánh giá của bản thân về nội dung này trong Luật Hồng Đức.
2. Đọc tư liệu điều 51, bộ luật Hình sự 2015, hãy chỉ ra điểm chung về nội dung Xử án của 2 bộ luật Hồng Đức và Luật Hình sự 2015.
3. Thông qua việc đọc tư liệu và hiểu biết của bản thân, hãy viết một bài luận ngắn gọn khoảng 300 chữ về giá trị nhân đạo trong luật pháp Việt Nam.

Để giải quyết bài tập trên, HS không chỉ vận dụng kiến thức đã học, những hiểu biết của bản thân mà còn phải tìm hiểu Bộ luật hình sự năm 2015, phân tích những nội dung tương đồng giữa 2 bộ luật *Quốc triều hình luật* ở thế kỷ XV và Bộ luật Hình sự 2015 ở thế kỷ XXI để đánh giá, rút ra nhận xét về giá trị, ý nghĩa vượt thời đại của *Quốc triều hình luật*. Đồng thời chỉ ra được những bài học kinh nghiệm từ bộ Quốc triều hình luật đã được vận dụng trong các bộ luật đương đại, đặc biệt là Luật hình sự 2015. Giải quyết được vấn đề của bài tập trên nêu ra, HS không những nắm vững kiến thức của bài học mà còn thấy được mối liên hệ kế thừa, phát triển giữa các sự kiện, thấy được tính ưu việt của *Quốc triều hình luật* trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Đặc biệt, HS rút ra được tính kế thừa, nhân đạo của luật pháp Việt Nam. Từ đó, cho phép HS được trình bày suy nghĩ của bản thân về luật pháp Việt Nam qua các thời kì, về giá trị nhân đạo trong luật pháp Việt Nam và ý nghĩa của nó đối với đời sống cũng như bản sắc dân tộc Việt Nam.

Như vậy, chúng ta thấy, bài tập là một phần không thể thiếu đối với HS trong quá trình học tập các chuyên đề để hướng tới phát triển các NL, phẩm chất cho HS. Bài tập không chỉ được sử dụng trong suốt quá trình học tập mà hệ thống bài tập còn giúp định hướng HS trong quá trình tự học; giúp GV có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của mỗi HS, có cơ sở để phân loại mức độ và khả năng học tập của HS, từ đó có sự điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy, đảm bảo được yêu cầu phát triển NL.

2.3.4. Hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học

2.3.4.1. *Khái niệm, vai trò của hoạt động NCKH trong DHLS ở trường THPT*

*** Khái niệm:**

- Theo từ điển tiếng Việt (2002), khoa học là hệ thống tri thức tích lũy trong quá trình lịch sử và được thực tiễn chứng minh, phản ánh những quy luật khách quan của thế giới bên ngoài cũng như hoạt động tinh thần của con người, giúp con người có khả năng cải tạo thế giới.[44]

Còn “*nghiên cứu là xem xét, tìm hiểu kỹ lưỡng để nắm vững vấn đề, giải quyết vấn đề hay để rút ra những hiểu biết mới*” [44; 679]

- NCKH:

Theo tác giả Tôn Thị Ngọc Xuân, “*NCKH là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc phát hiện ra bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới hoặc là sáng tạo các phương pháp mới, phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới*”[63; 13].

Theo tác giả Lê Thị Hương “*NCKH là hoạt động phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới, hoặc là sáng tạo phương pháp mới và kỹ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người, giúp nâng cao sự hiểu biết của con người về những vấn đề cụ thể mà thực tiễn đòi hỏi cần phải được giải quyết*” [31; 132]

Như vậy, từ các quan điểm của các tác giả, chúng tôi nhận thấy NCKH là hành động tìm hiểu, nghiên cứu, quan sát, thực nghiệm... dựa trên những dữ liệu, tài liệu, thông tin thu thập được để phát hiện ra bản chất, quy luật chung của sự vật, hiện tượng, tìm ra những kiến thức mới hoặc những ứng dụng mới, mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn. Những người tham gia NCKH phải có những kiến thức nhất định về lĩnh vực mình nghiên cứu; có phương pháp nghiên cứu phù hợp.

- *Phát triển NLNCKH cho HS:*

Theo tác giả Vũ Lệ Hoa, “*Phát triển NLNCKH cho HS thông qua dạy học là GV tổ chức các hoạt động học tập cho người học nhằm hình thành và phát triển ở người học nhu cầu, kỹ năng nhận thức khám phá tri thức mới, vận dụng tri thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề của thực tiễn với lòng say mê thiết kế, sáng chế tìm tòi cái mới... trên cơ sở đó thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học*” [25; 28]

*** Thực trạng việc tổ chức hoạt động NCKH của HS THPT**

- Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (ViSEF):

Tháng 11-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành “Quy chế thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông”. Từ năm 2013 đến nay, cuộc thi được tổ chức thường niên, nhằm khuyến khích HS tham gia tìm hiểu nghiên cứu khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng các kiến thức trên lớp vào thực tiễn cuộc sống; đồng thời tạo ra một sân chơi hữu ích cho HS có cơ hội trải nghiệm, sáng tạo,... Cũng từ sân chơi này, HS có cơ hội định

hướng tương lai cho bản thân. Cuộc thi nhằm thúc đẩy việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học; đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập; phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh..

Cuộc thi thu hút được sự quan tâm đông đảo của các bậc phụ huynh, các nhà khoa học tham gia giúp đỡ về khoa học, định hướng phương pháp nghiên cứu, tạo động lực mạnh mẽ cho các em HS học tập, nghiên cứu..

Sau khi Bộ GD&ĐT chính thức đưa cuộc thi ViSEF vào tổ chức hằng năm thì hoạt động NCKH của học sinh trung học trong phạm vi cả nước liên tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các cuộc thi KHKT cấp tỉnh diễn ra đều đặn ở các tỉnh thành, số lượng và chất lượng các dự án tham gia ngày càng tăng.

Để tạo tiền đề cho cuộc thi KHKT cấp tỉnh và cấp Bộ, tại các trường THPT hằng năm đều phát động cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường để chọn ra các dự án tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh. Đây là sân chơi bổ ích, phù hợp cho những HS mới tập làm quen với NCKH, đang tìm tòi, định hướng vấn đề nghiên cứu.

Quy mô các cuộc thi cấp trường, cấp tỉnh, cấp Bộ ngày càng lớn chứng tỏ hoạt động NCKH đã trở thành một phong trào được tiến hành thường xuyên trong các cơ sở giáo dục.

Đối với môn Lịch sử, tuy số lượng các dự án không nhiều bằng các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật nhưng hoạt động NCKH trong DHLS cũng được đẩy mạnh. Những dự án NCKH thuộc môn Lịch sử có thể xếp vào nội dung Khoa học xã hội và hành vi hoặc khoa học Môi trường và Trái Đất.

*** Vai trò của hoạt động NCKH trong DHLS ở trường THPT**

NCKH là một trong những biện pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng GD-ĐT trong nhà trường, hướng tới thực hiện mục tiêu dạy học phát triển NL cho HS. NL NCKH là biểu hiện cao nhất của NL VDKTKN để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong dạy học nói chung và DHLS nói riêng.

Đối với giáo viên, tổ chức, hướng dẫn HS NCKH góp phần đổi mới hình thức tổ chức dạy học; đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh; thúc đẩy giáo viên tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học.

Đối với HS phổ thông, tham gia NCKH ở trường THPT bước đầu giúp các em tập tiếp cận và tập giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong cuộc sống dựa trên nền tảng kiến thức và kỹ năng đã có.

Tham gia NCKH không chỉ giúp HS mở rộng và đào sâu tri thức, vận dụng những kiến thức đã học mà còn cho các em HS được trải nghiệm trở thành một nhà

ngiên cứu; đồng thời phát triển tư duy khoa học, NL khai thác tài liệu, NL thuyết trình, phản biện...

Phát triển NL NCKH cho HS trong DHLS ở trường THPT chính là trang bị cho HS phương pháp nghiên cứu các vấn đề lịch sử; trao cho HS chìa khoá để thực hiện việc tự học và tự học lịch sử suốt đời,... Đây chính là một trong những mục tiêu hàng đầu của giáo dục nói chung và DHLS nói riêng.

Tổ chức và hướng dẫn HS NCKH được đánh giá là phương pháp hiệu quả phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN cho HS. Khi tiến hành NCKH, cùng với sự hướng dẫn của GV, HS sẽ có điều kiện để tiếp cận với các đề tài khoa học, bắt đầu định hình được cách thức, quy trình để thực hiện một công trình NCKH. Không chỉ vậy, hoạt động NCKH còn góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo; khả năng tư duy độc lập, tự học hỏi của HS. Đối với mỗi HS, những kĩ năng này không chỉ quan trọng trong quãng thời gian học tập mà còn theo sát các em trong suốt thời gian làm việc sau này.

2.3.4.2. Định hướng một số nội dung có thể tổ chức cho học sinh nghiên cứu qua khoa học khi dạy học các chuyên đề Lịch sử 10

Các chuyên đề lịch sử 10 bao gồm những nội dung chủ yếu về: Các lĩnh vực của sử học; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam. Nhìn chung, nội dung các chuyên đề học tập có điều kiện tốt để phát triển cho HS NL NCKH. Ở đây, chúng tôi xin đề xuất một số nội dung có thể định hướng HS NCKH trong dạy học các chuyên đề lịch sử 10:

Chủ đề	Định hướng một số nội dung NCKH
Các lĩnh vực của sử học	- Tìm hiểu, nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy- Ninh Bình. - Tìm hiểu lịch sử một làng nghề truyền thống ở địa phương. - Tìm hiểu lịch sử một dòng họ khoa bảng ở địa phương.
Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	- Quảng bá di sản văn hoá Việt Nam trên nền tảng công nghệ. - HS THPT với việc phát huy giá trị di sản văn hoá ở địa phương. - Bảo tồn và phát huy “không gian văn hoá cổ đô” - Di sản với công tác phát triển du lịch - nhìn từ trường hợp cụ thể Quần thể danh thắng Tràng An- Ninh Bình.
Nhà nước và pháp luật trong Lịch sử	- Tìm hiểu về mô hình nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay.

	- Tìm hiểu về Quyền trẻ em trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ quyền trẻ em. - Một số biện pháp nâng cao ý thức pháp luật của HS THPT trong việc chấp hành Luật an toàn giao thông. - Phòng chống bạo lực học đường ở trường THPT
--	--

2.3.4.3. Những yêu cầu và quy trình khi tổ chức và hướng dẫn HS thực hiện một đề tài NCKH trong DHLS ở trường THPT

* Yêu cầu

Khi tổ chức và hướng dẫn HS thực hiện một đề tài NCKH cần tuân theo các nguyên tắc sau:

- *Xác định đề tài NCKH phải dựa trên những mục tiêu học tập*: đề tài không chỉ bó hẹp trong phạm vi của một buổi học, một bài học... mà cần được mở rộng ra trong cả một chủ đề, một môn học và thậm chí trong nhiều môn học nhưng vẫn đảm bảo phạm vi xây dựng dự án thuộc chương trình học.

- *Xây dựng đề tài NCKH phải đảm bảo sự phù hợp giữa lý thuyết với thực hành và giữa lý luận với thực tiễn*:

Trong đề tài NCKH do GV tổ chức để HS thực hiện phải là một cơ hội tốt để HS được tự mình khám phá ra tri thức, giúp cho HS được vận dụng những kiến thức, những kinh nghiệm, những kỹ năng vào thực tiễn. Những đề tài này phải là cơ hội để cho HS được tìm hiểu, được nghiên cứu, được giải quyết những vấn đề mang tính xã hội và tính thời đại. Với mục đích phát triển NL NCKH, GV cần lựa chọn những nội dung, những chủ đề gắn liền với thực tiễn cuộc sống của HS, giúp HS có thêm hứng thú giải quyết được những vấn đề thiết thực với cuộc sống hàng ngày. GV cần lựa chọn những nội dung, những chủ đề gắn với thực hành. Sau mỗi đề tài, những sản phẩm do HS tạo ra không phải chỉ có những sản phẩm mang tính lý thuyết mà cần có cả những sản phẩm thực hành.

- *Đề tài NCKH được thiết kế phải đảm bảo tính khả thi*:

Để đảm bảo đề tài NCKH có tính khả thi, GV cần phải quan tâm đến nội dung của mỗi đề tài và quỹ thời gian để triển khai tổ chức đề tài sao cho phù hợp. Kế hoạch triển khai càng chi tiết, càng cụ thể sẽ giúp cho HS có thể hình dung được trước những công việc cần phải làm và sớm triển khai được những hoạt động để thực hiện đề tài đó. Trong xây dựng kế hoạch triển khai đề tài, phải thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm cần đạt, những công việc cần thực hiện, và thời gian cần để hoàn thành từng công việc..

- *Phải đảm bảo quy trình thực hiện một đề tài NCKH*:

Để thực hiện một đề tài NCKH cho HS THPT trong DHLS, yêu cầu người GV phải giúp HS sớm nắm vững quy trình thực hiện một đề tài NCKH để tích cực

chủ động thực hiện, tự mình tìm tòi và chủ động trao đổi và hợp tác với GV về các kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết cho việc tổ chức thực hiện một đề tài khoa học và từ đó hình thành được phong cách làm việc khoa học.

*** Quy trình tổ chức cho HS NCKH trong DHLS ở trường THPT:**

Dựa trên cơ sở khoa học và quy trình phát triển NL NCKH cho HS, căn cứ vào đặc điểm của HS trường THPT Chuyên Lương Văn Tuy, tham khảo quy trình của tác giả Phạm Thị Kim Ngân ở môn Hoá học [39; 96], chúng tôi đề xuất hai quy trình sau:

Quy trình thực hiện một đề tài NCKH của HS

Bước 1: Định hướng nghiên cứu và xác định tên đề tài

- GV đưa ra định hướng tìm tòi nghiên cứu cho HS.
- HS thảo luận hình thành ý tưởng nghiên cứu và xác định sơ bộ tên đề tài nghiên cứu (Tên đề tài có thể là dựa trên những gợi ý mang tính chất định hướng của GV, HS hoặc nhóm HS thống nhất đặt tên).

Bước 2: Nêu câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và chính xác hoá tên đề tài nghiên cứu.

- Nêu một số kết quả nghiên cứu có liên quan: HS nghiên cứu tổng quan.
 - Đề xuất câu hỏi nghiên cứu:
 - Xây dựng giả thuyết cho vấn đề cần nghiên cứu.
- Bước 3: Lập kế hoạch tìm tòi nghiên cứu*
- Thu thập thông tin có liên quan, nghiên cứu tổng quan.
 - Đề xuất phương án thực nghiệm gồm:
 - + Tiến hành cái gì, như thế nào, vì sao phải làm như vậy, làm vậy có tác dụng gì.

- + Dự kiến: công cụ, cách tiến hành, thu thập thông tin và xử lý thông tin.
- + Phân công nhiệm vụ: Thời gian, nhiệm vụ, người được phân công, phương tiện, dự kiến kết quả,...

+ Hình thành đề cương nghiên cứu

- Báo cáo kết quả trước lớp: Hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu

Sản phẩm của bước 3 này là đề cương nghiên cứu và kế hoạch nghiên cứu.

Bước 4: Thực hiện phương án thực nghiệm nghiên cứu theo kế hoạch:

- GV theo dõi sát sao quá trình thực nghiệm nghiên cứu của HS, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên giữa HS các nhóm nghiên cứu với trưởng nhóm và trưởng nhóm với GV để có thể góp ý, điều chỉnh kịp thời.

Bước 5: Thu thập dữ liệu và phân tích kết quả:

- Thu thập thông tin: Số liệu thực nghiệm, tranh ảnh, video,...
- Phân tích, xử lý số liệu TN, thông tin
- Kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu

Bước 6: Viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo mẫu

- Tổng hợp kết quả NCKH: nhấn mạnh cái mới thu hoạch được sau quá trình NCKH

- Viết báo cáo theo cấu trúc đã lập.

Bước 7: Trình bày kết quả nghiên cứu của HS

- HS Trình bày kết quả nghiên cứu

- GV đánh giá kết quả nghiên cứu và NL NCKH của HS

Quy trình thiết kế, hướng dẫn HS NCKH của GV:

- Bước 1: Xác định mục tiêu, lựa chọn chủ đề nghiên cứu:

GV cần xác định mục tiêu chính của đề tài sao cho thống nhất với tên của đề tài. Nội dung trong đề tài hiển thị mục tiêu về kiến thức, kỹ năng hay thái độ mà HS cần phải đạt được sau khi thực hiện đề tài. GV phải đánh giá được sản phẩm đầu ra của đề tài

- Bước 2: Lựa chọn tổ hợp PP tổ chức cho HS NCKH: GV còn tiếp tục giúp HS làm quen với các phương pháp NCKH phù hợp với từng bước trong quy trình, bao gồm các nhóm phương pháp phù hợp với nội dung của đề tài NCKH: *PP tìm kiếm thông tin, PP điều tra phỏng vấn, PP thực nghiệm, ...*

- Bước 3: Dự kiến nguồn tài liệu

Nguồn tài liệu là địa chỉ để cung cấp tri thức đáng tin cậy cho hoạt động học tập của HS. Có thể là:

+ Tài liệu trực tuyến trên website: GV cần hướng các em tìm hiểu ở các website có uy tín hay chính thức của các cơ sở nghiệm thu các đề tài, tài liệu có liên quan.

+ Sách tham khảo, tạp chí, bài báo... đã được kiểm định và phê duyệt.

+ Các cơ sở có các tài liệu chuyên ngành: để tiếp cận các tài liệu, GV cần có sự liên hệ để tạo điều kiện cho HS có thể tiếp cận các tài liệu cần thiết cho thực hiện đề tài, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của HS cũng như khuyến khích được HS quan tâm đến những vấn đề liên quan ngoài phạm vi nội dung học tập.

- Bước 4: Thiết kế các hoạt động của HS theo hướng PT NL NCKH

+ Mọi dự án nghiên cứu cần phải có quy trình và kế hoạch (kế hoạch tổng thể và từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu). Dự kiến kế hoạch hoạt động của GV, HS càng chu đáo thì quá trình triển khai càng thuận lợi.

+ Khi thiết kế các hoạt động, GV cần căn cứ vào nội dung của dự án nghiên cứu để thiết kế các hoạt động tương ứng cho HS, đó là lập kế hoạch các hoạt động cần triển khai, triển khai như thế nào, vào thời gian nào, ở đâu, ai sẽ cùng tham gia ở dạng khung kế hoạch, mục đích là giúp HS tự chủ trong học tập, xác định những công việc cần làm, đặt thời gian biểu, phương tiện, kinh phí, địa điểm, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm. Thông qua khung kế hoạch, GV thiết

kể các nhiệm vụ cho HS để khi HS thực hiện xong các hoạt động thì các mục tiêu học tập đồng thời cũng đạt được.

Sau mỗi hoạt động, GV có thể dự kiến sản phẩm cần đạt để định hướng HS/

- *Bước 5: Tổ chức đánh giá*

Để đánh giá được sự phát triển NL NCKH của HS, GV cần xây dựng những tiêu chí/ bộ công cụ phù hợp để đánh giá kết quả thực hiện đề tài NCKH của HS. Công việc này đặt ra ngay từ lúc HS bắt đầu lập kế hoạch dự án cho tới khi hoàn thành dự án. Căn cứ vào hoạt động và sản phẩm dự án học tập để xây dựng tiêu chí đánh giá tương ứng. Mỗi tiêu chí đánh giá cần phải cân nhắc mức độ đạt được của từng HS/nhóm HS ứng với thang điểm. Việc đánh giá phải công bằng, chính xác và được ghi nhận bằng điểm số cùng với nhận xét. Nên kết hợp nhiều hình thức đánh giá, cụ thể là:

Đánh giá	Hình thức đánh giá/ Đặc điểm
· Kỹ năng (chiếm 70/100 điểm do GV đánh giá nhóm)	- Đánh giá quá trình: HS sẽ giao nộp sản phẩm trong suốt quá trình thực hiện đề tài NCKH theo từng mốc thời gian quy định - Tiêu chí đánh giá căn cứ vào những biểu hiện chất lượng của sản phẩm và mức độ hoàn thành sản
· Kiến thức (chiếm 15/100 điểm do GV đánh giá cá nhân)	- Đánh giá kết thúc - Căn cứ vào kết quả trả lời câu hỏi nội dung của đề tài NCKH
· Thái độ hoạt động nhóm (chiếm 15/100 điểm do các thành viên nhóm đánh giá lẫn nhau).	- Đánh giá quá trình hoạt động theo nhóm.

Đây là thang đánh giá tôi cho là phù hợp với đối tượng là HS THPT. Bởi vì đối với các em HS THPT, mục tiêu khi phát triển NL NCKH tập trung chủ yếu vào việc cho các em làm quen với quy trình và kỹ năng NCKH; phương pháp nghiên cứu, quá trình tiến hành nghiên cứu vấn đề (phát hiện vấn đề, xây dựng đề cương, tổ chức thực hiện, phương pháp thực hiện, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, viết báo cáo, trình bày báo cáo) mà chưa thể yêu cầu cao vào kết quả nghiên cứu/ sản phẩm cuối cùng như công trình nghiên cứu của các chuyên gia, các nhà khoa học.

2.3.4.4. *Ví dụ minh họa*

Để làm rõ hơn quy trình Tổ chức, hướng dẫn HS NCKH trong DHLS ở trường PT, tôi xin được giới thiệu một ví dụ minh họa:

ĐỀ TÀI: HS THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY “KHÔNG GIAN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ”

Bước 1: Xác định mục tiêu của đề tài NCKH

1. Về Năng lực

*** NL chuyên biệt**

- Tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được các tư liệu về di sản Cố đô Hoa Lư.

- Nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Giải thích được các khái niệm liên quan đến đề tài: di sản; di sản văn hoá; không gian văn hoá; giá trị của di sản văn hoá.

+ Làm rõ được trách nhiệm và mối liên hệ giữa các tổ chức cá nhân trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá.

- VDKTKN đã học:

+ Thông qua đề tài nghiên cứu đã phát triển khả năng kết nối quá khứ với hiện tại: những giá trị của không gian văn hoá cố đô Hoa Lư trong thời đại ngày nay.

+ Thông qua hoạt động khảo sát, đánh giá thực trạng giá trị văn hóa lịch sử của cố đô Hoa Lư; nghiên cứu, đề xuất các biện pháp giáo dục ý thức bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử của 2 triều đại Đinh-Lê cho HS THPT trên địa bàn toàn tỉnh Ninh Bình

+ Phát triển NL NCKH: NL tiếp cận và xử lý thông tin, NL sáng tạo; NL tự nghiên cứu, NL giải quyết vấn đề sáng tạo.

*** NL chung**

- Tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, sử dụng tư liệu về không gian văn hoá cố đô Hoa Lư.

- Giao tiếp và hợp tác được hình thành thông qua làm việc nhóm, hợp tác tạo ra sản phẩm học tập chung.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày sản phẩm nghiên cứu

2. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc sách báo, tìm tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau về chủ đề bảo tồn và phát huy di sản văn hoá- trường hợp cụ thể là Cố đô Hoa Lư.

- Yêu nước, Nhân ái: Có thái độ trân trọng, tự hào vì những giá trị của các di sản văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam.

- Trách nhiệm: Có ý thức trong khi làm việc nhóm; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá

Bước 2: Lựa chọn tổ hợp PP tổ chức cho HS NCKH:

- *Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận.* Nghiên cứu tài liệu, sách báo để khái quát các vấn đề về nhận thức, lí luận về giáo dục ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử 2 triều đại Đinh- Tiền Lê cho học sinh THPT.

- *Nhóm hương pháp nghiên cứu thực tiễn*: PP tìm kiếm thông tin, PP điều tra phỏng vấn, PP quan sát,...

Bước 3: Dự kiến nguồn tài liệu

- Tài liệu trực tuyến trên website:

+ <https://www.dulichninhbinh.com.vn/>

+ <http://trangdanhthang.vn/tin-tuc/co-do-hoa-lu-19>

+ <http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-va-kien-truc-nghe-thuat-co-do-hoa-lu->

- Tài liệu tham khảo: GV định hướng cho HS một số TL như sau:

+ Ban tuyên giáo tỉnh ủy Ninh Bình (2007): *Ninh Bình 1856 năm lịch sử và phát triển*, Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội.

+ Báo cáo những đợt khảo sát thành Hoa Lư (16-30/7/1969) của Viện bảo tàng lịch sử và Trung tâm văn hóa Ninh Bình.

+ Đặng Công Nga (1988), *Trụ đá ở Hoa Lư - Những phát hiện mới của khảo cổ học*

+ Đặng Công Nga (2002), *Kinh đô Hoa Lư thời Đinh –Tiền Lê*, Sở văn hóa thông tin Ninh Bình

+ Nguyễn Văn Trò (1998), *Cố đô Hoa Lư*, Nxb Văn hóa dân tộc.

Bước 4: Thiết kế các hoạt động của HS theo hướng PT NL NCKH

Hoạt động 1: Định hướng và hỗ trợ HS xác định sơ bộ đề tài nghiên cứu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Kể tên những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Ninh Bình? - Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá là trách nhiệm của những ai? - GV định hướng: bảo tồn và phát huy di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư	- Thảo luận nhóm, tổng hợp ý kiến, trả lời câu hỏi. - Nhóm HS đại diện trả lời - Xác định bước đầu đề tài nghiên cứu

Hoạt động 2: Định hướng và hỗ trợ HS nêu câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, chính xác hoá tên đề tài nghiên cứu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Từ những kiến thức đã học ở chuyên đề Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá ở Việt Nam, tổ chức hướng dẫn HS nêu câu hỏi nghiên cứu. - Phân tích, chốt các câu hỏi phù hợp để dùng cho nghiên cứu	- Thảo luận xây dựng câu hỏi nghiên cứu. - Đại diện nhóm HS báo cáo câu hỏi nghiên cứu nhóm mình đưa ra - Thảo luận, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu- đề xuất giả thuyết nghiên cứu

- Tổ chức cho HS đề xuất các câu trả lời các câu hỏi nghiên cứu: giả thuyết nghiên cứu	- Xác định hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu
--	---

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS lập kế hoạch nghiên cứu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Hướng dẫn HS tìm hiểu một số vấn đề có liên quan và lập kế hoạch. - Tổ chức cho nhóm HS thảo luận, lập kế hoạch nghiên cứu. - GV cung cấp mẫu báo cáo cho HS: tên đề tài, mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, phương pháp thực nghiệm, kết quả nghiên cứu, kết luận. - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả kế hoạch tìm tòi nghiên cứu	* Lập kế hoạch tìm tòi nghiên cứu: - Thu thập thông tin có liên quan: tài liệu, tranh ảnh, video từ các nguồn. - Đề xuất phương án thực nghiệm + Thiết kế các bảng hỏi, câu hỏi phỏng vấn, điều tra. + Tiến hành khảo sát, điều tra, xử lí. - Phân công nhiệm vụ: thời gian, nhiệm vụ, người được phân công, phương tiện, dự kiến kết quả,... - Xây dựng đề cương nghiên cứu * Hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu

Bước 4: Theo dõi việc HS thực hiện hoạt động nghiên cứu theo kế hoạch đã lập (Nhóm HS thực hiện kế hoạch trong khoảng 1 tháng)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Theo dõi sát sao, giúp đỡ khi cần, định hướng hỗ trợ HS. - Nhấn mạnh sự chính xác, trung thực và khách quan trong quá trình nghiên cứu	* Tiến hành điều tra, thực nghiệm theo đúng kế hoạch. Cụ thể: - Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các kiến thức về “Bảo tồn và phát huy không gian văn hóa Cổ đô Hoa Lư thời đại cách mạng 4.0”. - Phỏng vấn, thống kê mức độ nhận thức của HS về “Bảo tồn và phát huy không gian văn hóa Cổ đô Hoa Lư thời đại cách mạng 4.0”. - Nghiên cứu, phân tích, phối kết hợp các kiến thức liên môn để giải quyết vấn đề. - Thiết kế chương trình tọa đàm: “Tự hào mảnh đất cổ đô Hoa Lư” tham gia các hoạt động ngoại khóa: Chung tay

	bảo vệ di tích cổ đô Hoa Lư, quét dọn Khu di tích. - Thành lập câu lạc bộ “Không gian văn hóa cổ đô Hoa Lư” và hoàn thiện dự án.
--	---

Hoạt động 5: Thu thập dữ liệu và phân tích, tổng hợp kết quả:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Định hướng cho HS cách thu thập thông tin, số liệu thực nghiệm. - Hướng dẫn HS sắp xếp thông tin thu thập được, xử lý bằng bảng biểu, sơ đồ. - Giúp HS định hướng thu thập, xử lý số liệu TN để trả lời câu hỏi nghiên cứu và kiểm chứng giả thiết khoa học đề ra	- Sắp xếp các thông tin thu thập được, xử lý bằng bảng biểu, sơ đồ. - Sắp xếp tranh ảnh, video theo một trình tự logic khoa học nhằm mục đích báo cáo kết quả. - Xử lý số liệu TN, trả lời câu hỏi nghiên cứu và kiểm chứng giả thuyết khoa học đã đề ra. - Phân tích kết quả và rút ra kết luận khoa học

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo mẫu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Định hướng cho HS trong việc rút ra kết luận khoa học. - Theo dõi tiến trình viết báo cáo của HS	- Thảo luận, phân tích kết quả, rút ra kết luận khoa học. - Xây dựng kế hoạch trình bày kết quả. - Hoàn thiện báo cáo nghiên cứu, làm ppt, sơ đồ tư duy,...

Hoạt động 7: Đánh giá kết quả nghiên cứu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Ban giám khảo lắng nghe, đặt câu hỏi, tổ chức thảo luận về báo cáo của các nhóm	- Lựa chọn hình thức báo cáo phù hợp. - Trưng bày sản phẩm ở khu vực nhóm.
GV hoàn thiện: 1. Bảng kiểm quan sát các tiêu chí đánh giá NL NCKH 2. Phiếu đánh giá sản phẩm nghiên cứu	HS hoàn thiện: 1. Phiếu hỏi HS 2. Đề kiểm tra đánh giá NL.

II. MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HOẠ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HS

Sản phẩm của nhóm HS khối Chuyên sử của trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

1. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu	Giả thuyết nghiên cứu
CHNC1: HS THPT ở Ninh Bình có quan tâm nhiều đến công tác bảo tồn giá trị văn hoá cổ đô Hoa Lư không?	HS THPT ở Ninh Bình hiện nay quan tâm chưa đúng mức nhiều đến công tác bảo tồn giá trị văn hoá cổ đô Hoa Lư
CHNC2: Có thể giáo dục ý thức bảo tồn giá trị văn hóa cổ đô Hoa Lư cho HS THPT không?	Có thể giáo dục ý thức bảo tồn giá trị văn hóa cổ đô Hoa Lư cho HS THPT.
CHNC3: Các công cụ công nghệ có tác dụng giáo dục ý thức bảo tồn giá trị văn hoá cổ đô Hoa Lư cho HS THPT ở Ninh Bình không?	Các công cụ công nghệ có tác dụng giáo dục ý thức bảo tồn giá trị văn hoá cổ đô Hoa Lư cho HS THPT ở Ninh Bình.
CHNC4: Các giải pháp đề ra nhằm nâng cao ý thức bảo tồn giá trị văn hoá cổ đô Hoa Lư có khả thi không?	Các giải pháp mới này dễ tiếp cận với đối tượng là HS, phù hợp với tâm lí lứa tuổi, dễ được tuyên truyền, quảng bá nên mang tính khả thi

2. Đề xuất các biện pháp

- Tổ chức các HĐTN cộng đồng để HS tham gia





HS LVT Chung tay bảo vệ Khu di tích cổ đô Hoa Lư

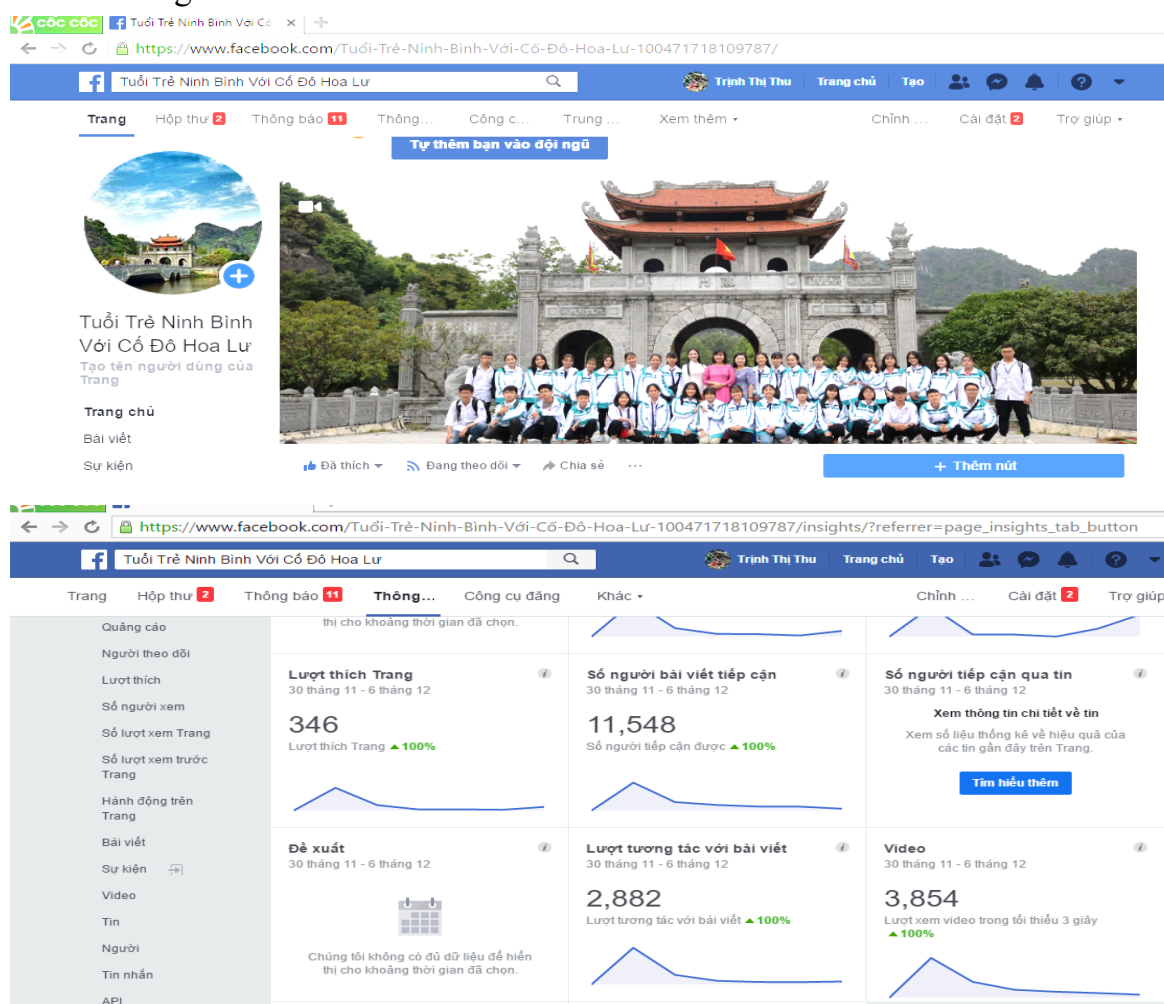
- Buổi tọa đàm " *Tự hào mảnh đất cổ đô Hoa Lư*" giữa GV dạy lịch sử và HS THPT chuyên Lương Văn Tụy...



- Thành lập trang Fanpage: (link: Facebook Tuổi trẻ Ninh Bình với Cổ đô Hoa Lư)

Thiết lập trang Web "*Tuổi trẻ Ninh Bình với Cổ đô Hoa Lư*", nhằm nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử của cổ đô Hoa Lư. Đặc biệt dù mới được 1 tuần nhưng fanpage đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều các bạn

HS, sinh viên và người dân tỉnh Ninh Bình: số người tiếp cận bài viết đã lên đến hơn 11.500 người.



III. Đánh giá:

Qua ví dụ minh họa về tổ chức hướng dẫn HS NCKH với đề tài “HS Lương Văn Tuy với công tác bảo tồn và phát huy không gian văn hoá cố đô Hoa Lư”, chúng tôi nhận thấy:

Tổ chức, hướng dẫn HS tham gia NCKH là một biện pháp tối ưu nhằm phát triển NL, đặc biệt là NL VDKTKN. Qua việc tham gia vào quá trình thực hiện đề tài, HS đã đạt được các mục tiêu đề ra từ ban đầu về NL và phẩm chất.

Đặc biệt là phát triển toàn diện NL VDKTKN của môn Lịch sử. Biểu hiện:

- Thông qua việc thực hiện đề tài nghiên cứu, HS đã phát triển khả năng kết nối quá khứ với hiện tại: không gian văn hoá cố đô Hoa Lư trong lịch sử và những giá trị trong thời đại ngày nay.
- Thông qua hoạt động khảo sát, đánh giá thực trạng giá trị văn hóa lịch sử của cố đô Hoa Lư; HS đã đề xuất được một số biện pháp có tính khả thi nhằm giáo dục ý

thức bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử của 2 triều đại Đinh-Lê cho HS THPT Lương Văn Tụy nói riêng và HS trên địa bàn toàn tỉnh Ninh Bình nói chung.

- Phát triển NL NCKH: NL tiếp cận và xử lý thông tin, NL sáng tạo; NL tự nghiên cứu, NL giải quyết vấn đề sáng tạo.

2.4. Thử nghiệm sư phạm

2.4.1. Mục đích thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành TNSP với mục đích đánh giá sự phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp phát triển NL VDKTKN cho HS khi dạy học các chuyên đề Lịch sử 10, Chương trình 2018. Từ đó, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn của dạy học phát triển NL VDKTKN trong DHLS đối với đối tượng HS THPT, đặc biệt là HS ở các trường THPT Chuyên.

- Thực hiện TNSP giúp chúng tôi rút ra bài học và đề xuất một số giải pháp để cải thiện chất lượng giảng dạy môn học, góp phần phát huy tối đa NL và phẩm chất người học trong DHLS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy- Ninh Bình.

2.4.2. Đối tượng thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành thử nghiệm với HS lớp 10 trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy- Ninh Bình và xây dựng bài học theo Chương trình Giáo dục môn Lịch sử năm 2018.

- Lớp TNSP: 10 chuyên Sử.

- Đặc điểm đối tượng thử nghiệm: Lớp có 35 HS, có sự phân hóa trong học tập, ý thức kỉ luật tốt, được tác giả trực tiếp giảng dạy.

2.4.3. Nội dung thử nghiệm

* **Nội dung thử nghiệm:** Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng của DH phát triển NL VDKTKN, các chuyên đề lịch sử 10 chương trình 2018, Chúng tôi chọn thử nghiệm nội dung *Khám phá Quần thể danh thắng Tràng An* thuộc chuyên đề “*Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam*” (Chương trình 2018).

Biện pháp	Nội dung	Số tiết- Địa điểm
DH dự án kết hợp DH trải nghiệm	Di sản văn hoá phức hợp: Khám phá Quần thể danh thắng Tràng An- Ninh Bình	2 tiết trên lớp 1 buổi ở thực địa

*** Phương pháp thử nghiệm:**

- Chọn thiết kế nghiên cứu trên cùng một đối tượng duy nhất để đánh giá NL VDKTKN của HS, đánh giá trước và sau tác động (thông qua bài kiểm tra, phiếu hỏi).

- Dạy học TN với các kế hoạch bài học đã xây dựng.

2.4.4. Tiến trình thử nghiệm

Quá trình TNSP được tiến hành như sau:

Bước 1: Chuẩn bị TNSP: GV trao đổi, thống nhất với Ban Giám hiệu, Tổ chuyên môn về hoạt động thử nghiệm; lựa chọn đối tượng thử nghiệm và phổ biến về mục đích, cách thức tiến hành thử nghiệm với HS; xác định thời gian, không gian tiến hành thử nghiệm (tháng 2 năm 2022); xây dựng kế hoạch TNSP.

Bước 2: Tiến hành tìm hiểu, phân loại đối tượng thử nghiệm theo dựa trên các nguồn thông tin: kết quả học tập, phỏng vấn trực tiếp, quan sát hành vi HS...

Kết quả điều tra mức độ nhận thức của HS dựa vào kết quả bài kiểm tra kiến thức nền trước TNSP được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 9. Tổng hợp kết quả điều tra mức độ nhận thức của HS lớp 10 Sử, THPT Chuyên Lương Văn Tụy trước thử nghiệm

Mức độ nhận thức	Yếu		Trung bình		Khá		Giỏi		Tổng	
	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)
Kết quả	0	0	0	0	12	34.2	23	65.8	35	100

Bước 3: Thiết kế tài liệu học tập, lập kế hoạch bài dạy, tổ chức thử nghiệm:

- Thiết kế tài liệu học tập:

+ Chúng tôi tiến hành TNSP trong điều kiện SGK và SGV lớp 10 chương trình 2018 chưa được công bố và đưa vào giảng dạy. Căn cứ vào tính mở của Chương trình 2018, giao quyền chủ động cho địa phương, nhà trường, chúng tôi đã bám sát theo nội dung chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam” thuộc Chương trình môn Lịch sử 2018 để biên soạn tài liệu học tập.

+ Tài liệu học tập phục vụ cho thử nghiệm được xây dựng trên cơ sở tham khảo sách Lịch sử địa phương Ninh Bình; Các di sản Việt Nam, với các nguồn tư liệu, tài liệu lịch sử khác. Các nguồn tài liệu học tập được sử dụng phù hợp với NL HS lớp chuyên Sử: không có HS yếu, trung bình. NL HS được xác định là từ khá đến giỏi; tạo điều kiện để HS có thể khai thác và học tập theo thể mạnh, sự hứng thú của bản thân.

- Lập kế hoạch bài dạy: Trong kế hoạch bài dạy, tác giả chú ý thiết kế các mục tiêu học tập theo định hướng phát triển NL chung, NL chuyên biệt bộ môn Lịch sử và phẩm chất người học, đặc biệt là các hoạt động hướng đến phát triển NL VDKTKN cho HS. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại được ưu tiên thử

nghiệm (dạy học dự án, dạy học trải nghiệm...) nhằm phát huy hiệu quả trong việc phát triển NL VDKTKN cho HS.

- Tổ chức giảng dạy thử nghiệm: Kế hoạch dạy thử nghiệm được tiến hành dưới hình thức một dự án học tập trải nghiệm, thực hiện trong thời gian 2 tuần bao gồm:

+ Địa điểm: Cả trên lớp học và tại thực địa

+ Cụ thể: gồm 2 tiết trên lớp học và 1 buổi học tại thực địa.

- Dạy đúng theo tiến trình của các KHDH (Phụ lục 2); sử dụng các PPDH tích cực như DHDA, DH trải nghiệm, DH theo nhóm; sử dụng bài tập và định hướng NCKH phối hợp sử dụng bài tập định hướng phát triển NLVDKTKN, nội dung DH có sự gắn kết giữa kiến thức cơ bản với thực hành, thực tiễn nhằm phát triển NL VDKTKN vào thực tiễn cho HS.

- Tổ chức đánh giá HS: Hoạt động đánh giá HS được tiến hành trong suốt thời gian thực hiện dự án.

Bước 4: Tổng hợp, đánh giá kết quả thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành tổng hợp kết quả TNSP dựa trên 4 tiêu chí tương ứng với các công cụ đánh giá như sau:

+ Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu học tập của HS: sử dụng kết quả phiếu nghiệm thu hợp đồng học tập của HS.

+ Đánh giá sự tiến bộ về mức độ nhận thức của HS: sử dụng bài kiểm tra 15 phút tiến hành sau giảng dạy thử nghiệm.

+ Đánh giá sự hứng thú, yêu thích của HS sau thử nghiệm: sử dụng phiếu khảo sát mức độ hài lòng của HS sau thử nghiệm.

Dựa trên phân tích, đánh giá kết quả thử nghiệm trên 2 phương diện định lượng và định tính, chúng tôi rút ra kết luận của đề tài và đề xuất một số khuyến nghị cần thiết.

2.4.5. Đánh giá kết quả thử nghiệm

2.4.5.1. Kết quả đánh giá định tính

Việc phát triển NL VDKTKN cho HS phải trải qua quá trình rèn luyện thường xuyên, liên tục. Thông qua việc theo dõi, kiểm tra việc hình thành các kỹ năng cơ bản của NL VDKTKN, chúng tôi mới có thể đưa ra kết quả chính xác nhất. Trong khuôn khổ của luận văn, thời gian thực nghiệm ngắn nên chúng tôi mới chỉ đánh giá được bước đầu sự chuyển biến trong thái độ cũng như khả năng nhận thức của HS lớp 10 chuyên Sử- trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

Chúng tôi đánh giá định tính kết quả TNSP thông qua hoạt động phỏng vấn GV và HS sau tiết học. Chúng tôi nhận được những phản hồi tích cực như sau:

Cô Nguyễn Hoàng Vân- tổ trưởng tổ Sử- Địa – trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy cho ý kiến sau khi dự giờ TN: “Đánh giá cao hiệu quả của vận dụng dạy

học dự án để tổ chức HĐTN trong việc tích cực hóa hoạt động học tập và phát triển NLVDKTKN cho HS. HS lớp rất hứng thú, tích cực, học tập sôi nổi. Khả năng phát hiện vấn đề, phân tích vấn đề có sự tiến bộ rõ rệt. Nhiều HS đã biết khai thác, huy động kiến thức kỹ năng để giải thích các vấn đề, ứng dụng thực tiễn. HS tự tin trong thuyết minh, trao đổi với các bạn và GV. HS có cơ hội bộc lộ và rèn luyện các kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, ... và phát huy được tính sáng tạo trong việc đề xuất các biện pháp bảo tồn giá trị di sản Tràng An”.

Cô Đinh Thị Thanh Dung nhận xét “DH dự án và DH trải nghiệm đã phát huy hiệu quả rất tốt khi sử dụng kết hợp với BT định hướng phát triển NL, giúp hình thành và phát triển NLVDKTKN để giải quyết các vấn đề trong học tập, thực hành, thực tiễn. Giúp việc học của HS trở nên ý nghĩa và hứng thú hơn, HS sẽ thêm yêu thích môn Lịch sử.”

Về phía HS, hầu hết HS được hỏi đều cảm thấy rất thích thú, hào hứng với các giờ học TN, bởi ở đó các em được hoạt động, được trao đổi, được trình bày ý kiến, được học tại thực địa, được tự tay thiết kế, trình bày sản phẩm của mình, được bộc lộ và phát triển các kỹ năng, sự sáng tạo của mình. Các em HS cũng thấy rằng các kiến thức mà mình học rất có ý nghĩa, rất thiết thực, chúng gắn liền với thực tiễn của cuộc sống, vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị của những di sản của quê hương.

Bảng 10. Tổng hợp mức độ hài lòng của HS lớp 10 Sử, THPT Chuyên Lương Văn Tụy sau quá trình thử nghiệm

Tiêu chí	Số	Điểm							
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Kết quả	35	21	60	12	32.2	2	5.7	0	0,0

Qua quá trình thử nghiệm, bước đầu đã khẳng định được tính khả thi của đề tài. Nếu được áp dụng thực hiện, chắc chắn sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Lịch sử ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

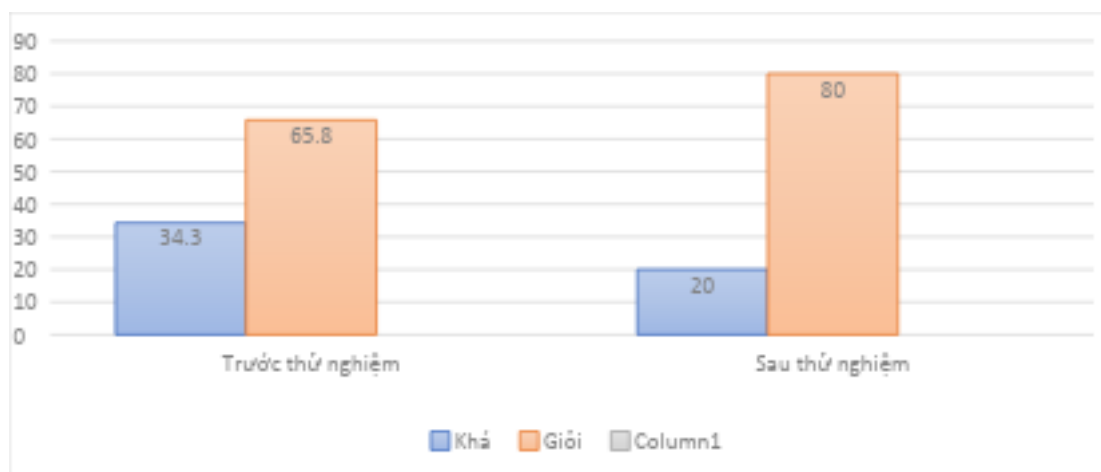
2.4.5.2. Kết quả đánh giá định lượng

Sau tiến trình TNSP, kết quả thử nghiệm được tổng hợp như sau:

Bảng 11. Tổng hợp kết quả kiểm tra sau tiết dạy thử nghiệm của HS lớp 10 Sử THPT Chuyên Lương Văn Tụy

Mức độ	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi	Tổng
--------	-----	------------	-----	------	------

nhận thức	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)
Kết quả	0	0	0	0	7	20	14	80	35	100



Biểu đồ 6: So sánh kết quả kiểm tra trước và sau TNSP

Bảng 12. Tổng hợp kết quả đánh giá sản phẩm học tập nhóm của HS lớp 10 Sử, THPT Chuyên Lương Văn Tụy

Tiêu chí	Trung bình		Khá		Tốt		Xuất sắc		Tổng	
	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)
Kết quả	0	0	3	8	12	34.2	20	57	35	100

Bảng 13: Tổng hợp mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo kết quả nghiệm thu hợp đồng học tập của HS lớp 10 Sử, THPT Chuyên Lương Văn Tụy

Tiêu chí	Số	Thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ		Thực hiện được phần lớn nhiệm vụ		Thực hiện được một phần nhiệm vụ		Chưa thực hiện	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Kết quả	30	25	71.4	10	28.7	0	0,0	0	0,0

Kết quả đánh giá định lượng sau quá trình TNSP phản ánh mức độ nhận thức của HS khi được dạy học theo định hướng phát triển NL VDKTKN có sự tiến bộ so với trước khi tiến hành thử nghiệm. Số lượng HS đạt điểm Giỏi tăng lên chiếm tỉ lệ cao (80%); kết quả đánh giá sản phẩm học tập nhóm của HS có đến 91.2% HS đạt mức độ Tốt và Xuất sắc. Quá trình theo dõi tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS dựa vào kết quả nghiệm thu hợp đồng của HS cũng phản ánh 100% HS trong lớp đều tham gia vào các hoạt động học tập được GV tiến hành, trong đó đa số đều hoàn thành tốt và đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

Tiểu kết chương II

Trong chương 2, chúng tôi đã phân tích mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình 3 chuyên đề học tập Lịch sử 10 (chương trình 2018), làm rõ cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp để phát triển NLVDKTKN cho HS ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy.

Đồng thời đề xuất 4 biện pháp phát triển NLVDKTKN cho HS trong DH các chuyên đề Lịch sử 10 ((chương trình 2018).

- Biện pháp 1: Vận dụng dạy học dự án để phát triển NLVDKTKN.
- Biện pháp 2: Học tập lịch sử qua HĐTĐ
- Biện pháp 3: Sử dụng Bài tập lịch sử phát triển NL
- Biện pháp 4: Định hướng phát triển NL NCKH cho HS.

Các biện pháp đề xuất ở trên được chúng tôi vận dụng tiến hành dạy thử nghiệm tại trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy- Ninh Bình.

Những biện pháp đề xuất cùng quá trình thử nghiệm bước đầu đạt kết quả cao đã khẳng định tính ứng dụng hiệu quả của đề tài. Kết quả thực nghiệm cho thấy chất lượng dạy học ở lớp thử nghiệm khá cao. HS chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập. Tuy nhiên bên cạnh kết quả đã đạt được, đề tài vẫn còn những tồn tại: phạm vi điều tra thực trạng việc phát triển NL VDKTKN đã học cho HS lớp 10 và phần TNSP mới chỉ dừng lại ở trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy. Nội dung các chuyên đề học tập Lịch sử 10 chưa được đưa vào triển khai trong thực tế. Do đó, luận văn mới chỉ dừng lại ở hoạt động thử nghiệm và đánh giá trên cơ sở thử nghiệm ở một lớp. Điều đó có thể dẫn đến một số nhận định chưa hoàn toàn khách quan trong phần đánh giá thực trạng. Những hạn chế trên đây của đề tài có thể sẽ là những gợi ý cho các tác giả khác tiếp tục nghiên cứu về phát triển NL VDKTKN đã học cho HS trong dạy học môn Lịch sử chương trình 2018 ở các trường THPT Chuyên trên phạm vi cả nước.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ cơ sở lí luận, thực tiễn và quá trình TNSP, chúng tôi rút ra một số kết luận khái quát về dạy học phát triển NL VDKTKN cho HS ở trường THPT như sau:

Mục tiêu giáo dục ở nhà trường phổ thông là đào tạo những con người phát triển toàn diện, hài hoà, năng động, sáng tạo. Dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu cấp thiết, tất yếu của giáo dục hiện nay, trong đó có môn Lịch sử.

Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học cũng như kiểm tra đánh giá đóng vai trò then chốt, là cốt lõi của quá trình đổi mới, nhằm chuyển từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực và phẩm chất HS.

Bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông góp phần phát triển ở HS các năng lực chung và phát triển các năng lực chuyên biệt. Trong đó, năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học là mục tiêu cao nhất trong các mức độ năng lực đặc thù. Vì vậy, chú trọng vận dụng các biện pháp dạy học tích cực nhằm phát triển NL VDKTKN cho HS là yêu cầu cấp thiết để thích ứng sự phát triển của giáo dục hiện nay.

Trong các nhà trường THPT Chuyên hiện nay, các giáo viên dạy môn Lịch sử về cơ bản đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt, đồng đều, có tinh thần trách nhiệm và luôn có ý thức đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng bộ môn. Tuy nhiên thực trạng ở nhiều nơi còn cho thấy quá trình đổi mới diễn ra còn cục bộ, thiếu thống nhất, nhiều giáo viên còn lúng túng về sử dụng các phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh trong môn Lịch sử, đặc biệt là NL VDKTKN. Do đó, rất cần thiết có sự định hướng, tập huấn, trang bị cho giáo viên những vấn đề cơ bản về lí luận, qui trình cũng như cách vận dụng linh hoạt, sáng tạo hệ thống phương pháp để đạt mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất HS.

Để phát triển NL cho HS, đặc biệt là NL VDKTKN trong DHLS cần một quá trình lâu dài với sự nỗ lực đổi mới từ cả GV lẫn HS. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất một số biện pháp phát triển NL VDKTKN đã học cho HS trong dạy học Các chuyên đề Lịch sử 10 ở trường THPT như: vận dụng dạy học dự án, tổ chức HĐTN, sử dụng bài tập và phát triển NL NCKH. Đây đều là những biện pháp hiệu quả nhằm phát triển NL VDKTKN cho HS nhất là HS chuyên. Tuy nhiên trên cả lí luận và thực tiễn cho thấy không có một phương pháp nào là “chìa khóa vạn năng”, GV cần có sự kết hợp linh hoạt các biện pháp, phương pháp, kĩ thuật dạy học để đạt hiệu quả tối ưu, từ đó phát triển NL và PC cho HS.

2. Khuyến nghị

Từ quá trình nghiên cứu và thực hiện nội dung luận văn, tác giả có một số khuyến nghị sau:

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo: triển khai đổi mới sử dụng các phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực HS, thực hiện mục tiêu trong chương trình và SGK mới. Thường xuyên bồi dưỡng về phương pháp, kĩ thuật dạy học để nâng cao năng lực giáo viên, có thể vận dụng ngay vào thực tiễn khi triển các các nội dung của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Đối với Ban Giám hiệu các trường THPT: xây dựng chương trình giáo dục phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích tư duy đổi mới sáng tạo trong cơ quan. Bên cạnh đó cần tạo môi trường thuận lợi nhất là đáp ứng đầy đủ yêu cầu cơ sở vật chất, kĩ thuật để GV có điều kiện tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

- Đối với GV: nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, trang bị cơ sở lí luận về dạy học phát triển năng lực. GV lịch sử ở phổ thông cần tích cực đổi mới cách sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học để nâng cao chất lượng bộ môn đáp ứng được chương trình và SGK mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT:

1. Alêcxêep M. (1976), *Phát triển tư duy HS*, NXB Giáo dục, Hà Nội
2. Vũ Thị Anh (2017), *Phát triển NL giải quyết vấn đề cho HS trong DHLS ở trường THPT*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 3, tr.182- 184.
3. Đinh Quang Báo, Phùng Thị Mai Hoà (2020), “Quy trình thiết kế và sử dụng bài tập thực tiễn nhằm phát triển NL vận dụng kiến thức HS trong dạy học chương “chuyển hoá vật chất và năng lượng” (Sinh học 11)”, *Tạp chí Giáo dục*, số 477, tr. 46-51.
4. Đặng Quốc Bảo, Phạm Minh Mục (2015), “Năng lực và phát triển năng lực cho học sinh”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 117, tr.8- 25.
5. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2016), *Lí luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thế Bình (2011), “Tạo hứng thú tự học bộ môn lịch sử cho HS”, *Tạp chí Giáo dục*, số 258, tr.36-37.
7. Nguyễn Thị Thế Bình (2014), *Phát triển kĩ năng tự học Lịch sử cho HS*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
8. Hoàng Hòa Bình (2015), “Năng lực và cấu trúc của Năng lực”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 117, tr.4-7.
9. Nguyễn Thị Thế Bình - Nguyễn Thị Trang (2016), “Sử dụng tư liệu gốc để phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 376 (Kì 2), tr.33-35.
10. Nguyễn Thị Thế Bình - Lâm Thị Hiền (2018), “Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 4311 (Kì 1), tr.32-35.
11. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Kỷ yếu hội thảo: Tổ chức HĐTN sáng tạo cho HS phổ thông và mô hình trường phổ thông gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương*, Hà Nội, tr.56-60
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông 2018* theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2018.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử* theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2018.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên về phát triển chương trình, tài liệu dạy học môn chuyên cấp trung học phổ thông*.

15. Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (1995), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Côi (2009), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Côi (2013), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, xb Đại học Sư phạm Hà Nội.
18. Chu Thị Dàng (2015), *Thiết kế và sử dụng bài tập theo hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1930 đến 1954, trường trung học phổ thông*, Luận văn Thạc sĩ sư phạm lịch sử, Trường Đại học Giáo dục.
19. Đặng Thị Thuỳ Dung (2019), *Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên khoa Lịch sử trường đại học sư phạm Hà Nội 2 qua mô hình lớp học đảo ngược (Vận dụng vào dạy học phần thực hành sư phạm 1)*, Luận văn Thạc sĩ khoa học giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Dung (2022), *Phát triển vận dụng kiến thức kỹ năng cho học sinh thông qua dạy học phần Halogen - Hoá học 10*, Luận văn Thạc sĩ sư phạm hoá học, trường Đại học Giáo dục.
21. Trần Thị Thuỳ Dung (2021), “Thiết kế và sử dụng bài tập lịch sử nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học lịch sử”, *Tạp chí khoa học - Đại học Đồng Nai*, số 20, tr.59-70.
22. N.G. Đai-ri (1973), *Chuẩn bị bài học lịch sử như thế nào?*, NXB Giáo Dục, Hà Nội
23. Trần Khánh Đức (2015), “Năng lực và Năng lực học tập”, *Tạp chí Giáo dục* số 357, tr.19-21.
24. Vũ Quang Hiền, Hoàng Thanh Tú (2014), *Phương pháp dạy học môn Lịch Sử ở trường trung học phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm.
25. Vũ Lệ Hoa (2014), “Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học sinh trong dạy học các môn học ở trường phổ thông”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 101, tr.28 - 30.
26. Nguyễn Văn Hồng, Vũ Thị Thanh Thuý (2019), “Định hướng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học phần “Sinh thái học” (Sinh học 12)”, *Tạp chí Giáo dục*, số 425, kì 1, tr.54 - 56.
27. Phan Thị Thanh Hội - Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), “Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS trong dạy học phần Sinh học Vi sinh vật - Sinh học 10”, *Tạp chí Giáo dục*, số 432, tr.52-56
28. Lê Thị Huyền (2021), *Thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến nay theo hướng phát triển năng lực học sinh chuyên Sử*

trường THPT thành phố Hà Nội, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

29. Phan Thị Thanh Huyền (2020), *Sử dụng di tích lịch sử quốc gia đặc biệt tại Hà Nội trong dạy học lịch sử Việt Nam ở trường trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

30. Hà Thị Lan Hương, (2021), *Tổ chức dạy học hoá học theo tiếp cận tích hợp nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh trung học cơ sở*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

31. Lê Thị Hương, (2020) “Thực trạng nghiên cứu khoa học của học sinh các trường trung học cơ sở thành phố Tây Ninh”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số đặc biệt, tháng 12/2020; tr.132-137.

32. Đặng Thành Hưng (2012), “Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 48.

33. Nguyễn Công Khanh (chủ biên) - Đào Thị Oanh (2016), *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*, Nxb. Đại học Sư phạm.

34. Vũ Thị Kim Lan (2019), *Tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam lớp 10 theo hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh ở trường THPT Nguyễn Đức Thuận tỉnh Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ sư phạm lịch sử, Trường Đại học Giáo dục.

35. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2008), *Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.

36. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (2010), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi, *Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

37. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2012), *Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 2*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

38. Đoàn Nguyệt Linh (2015), “Thiết kế bài tập về nhà nhằm rèn luyện năng lực tự học cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục* số 361, tr.36-37.

39. Phạm Thị Kim Ngân (2018), *Phát triển năng lực tìm tòi nghiên cứu khoa học cho học sinh THPT thông qua dạy học hoá học*, Luận án tiến sĩ hoá học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

40. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ban hành ngày 04/11/2013 của Chính phủ tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”.

41. Nguyễn Văn Ninh (2017), “Vận dụng phương pháp thảo luận tranh luận để phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam (1802 - 1884) ở trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 7, tr.193-196.

42. Lê Thanh Oai, Phan Thị Thanh Hội (2019), “Sử dụng bài tập để rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho học sinh trong dạy học sinh học trung học phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 452 kì 2, tr.57-60.
43. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
44. Hoàng Phê (2002), *Từ Điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
45. Dương Quỳnh Phương, Đỗ Văn Hảo (2019), “Di sản và vấn đề giáo dục di sản cho học sinh trung học phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tập 55, tr.68-73.
46. Nguyễn Thị Quý (2020), Luận án Tiến sĩ: *Tổ chức dạy học các chủ đề môn Lịch sử lớp 10 ở trường trung học phổ thông* (Theo chương trình 2018), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
47. Bùi Hương Quỳnh (2017), *Xây dựng và sử dụng đề tài khoa học để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh chuyên sinh trung học phổ thông*, Luận văn thạc sĩ giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
48. Nguyễn Thị Tâm (2020), *Tổ chức hoạt động ngoại khoá trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông Thanh Hà- Hải Dương (Nhân kỉ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam)*, Luận văn Thạc sĩ sư phạm lịch sử, trường Đại học giáo dục.
49. Cao Thị Thặng, Phạm Thị Kim Ngân (2016), “Một số đề xuất bước đầu về phát triển năng lực tìm tòi nghiên cứu khoa học cho HS thông qua dạy học hoá học ở trường THPT”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 127, tr.13-15.
50. Kim Thị Lệ Thu (2017), *Phát triển năng lực tự học cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thiện Thành- tỉnh Trà Vinh qua dạy học các chủ đề Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
51. Khổng Thị Thu (2015), *Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam (Thế kỉ XV đến giữa thế kỉ XIX) ở trường trung học phổ thông - chương trình chuẩn*, Luận văn Thạc sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
52. Lê Thị Thu (2021), Luận án tiến sĩ: *Vận dụng phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm phát triển năng lực học sinh* (Qua thực nghiệm chương trình lớp 10), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
53. Nguyễn Thị Thanh Thuý (2019), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam ở trường trung học cơ sở tại Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
54. Vũ Thị Thanh Thuý, Nguyễn Văn Hồng (2019), “Quy trình xây dựng dự án học tập theo định hướng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trung học phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 464, kì 2, tr.60-64.

55. Hoàng Thị Thủy (2020), *Sử dụng di sản văn hóa cổ đô Hoa Lư trong dạy học lịch sử địa phương ở lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ sư phạm Lịch sử, Đại học Giáo dục.

56. Trần Thái Toàn (2020), *Phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS trong dạy học sinh học cấp trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

57. Phạm Hồng Tung, Trần Thị Vinh, Nguyễn Thị Thu Thủy (2019), *Hướng dẫn dạy học Môn Lịch sử Theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, Nxb. Đại học Sư phạm.

58. Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng (2016), “Xác định hệ thống năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, 395(1), tr.25-27.

59. Vũ Ánh Tuyết (2011), “Tầm quan trọng của việc sử dụng bài tập trong dạy học lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 (Lịch sử 12, ban Cơ bản)”, *Tạp chí Giáo dục* số 262, kì 2, tr.45-46.

60. Trần Thị Quỳnh Trang, Đinh Thị Kim Thoa, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Các vấn đề mới trong khoa học giáo dục: tiếp cận liên ngành và xuyên ngành*, trang 368

61. Lê Đình Trung - Phan Thị Thanh Hội (2016) *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm.

62. Nghiêm Đình Vỳ, Trần Thị Vinh (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử trung học phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm.

63. Tôn Thị Ngọc Xuân (2019), *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học Chương “Sinh trưởng và phát triển” (Sinh học 11)*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH:

64. Ministry of Education, Science and Technology, Korea (2008), *The school curriculum of the republic of Korea*.

TÀI LIỆU INTERNET

65. Mike Denos và Roland Case, *Teaching About Historical Thinking* (Dạy về tư duy lịch sử). (<http://historicalthinking.ca/historical-thinking-concepts>)

66. Quốc hội (2015), “Bộ luật hình sự”, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx>)

67. Viện Sử học Việt Nam (Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí dịch) (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh
(<https://cdndanluat.thuvienphapluat.vn/Quoctrieuhinhluat.pdf>)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

Phụ lục 1.1. PHIẾU THAM KHẢO Ý KIẾN CỦA GV VỀ THỰC TIỄN VIỆC SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN NL VDKTKN CHO HS TRONG DHLS Ở TRƯỜNG THPT

Kính thưa quý thầy cô!

Hiện nay chúng tôi đang nghiên cứu đề tài “Phát triển NL VDKTKN cho HS trong dạy học các chuyên đề Lịch sử 10 (Chương trình 2018)”. Mục đích của đề tài là xây dựng cơ sở lí luận, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLS nói chung và các chuyên đề lịch sử 10 (Chương trình 2018) nói riêng.

Để có cơ sở đánh giá và đề xuất được biện pháp phát triển NL VDKTKN trong DHLS ở trường THPT, kính mong Thầy (Cô) vui lòng giúp tôi hoàn thành phiếu khảo sát dưới đây:

Xin quý thầy cô cho biết:

Họ và tên:.....

Thâm niên công tác: năm.

Trình độ (Đại học, Thạc sĩ):

Nơi công tác:.....

Để có những thông tin phục vụ đề tài, tôi rất mong nhận được ý kiến của Thầy (cô) về một số vấn đề sau đây bằng cách đánh dấu vào ô lựa chọn ý kiến. Nếu có ý kiến khác, xin thầy(cô) bổ sung vào phần để trống.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của thầy (cô)

PHIẾU HỎI 1: PHIẾU HỎI VỀ NL VẬN DỤNG KIẾN THỨC KĨ NĂNG TRONG DHLS

Câu hỏi 1. Theo Thầy (Cô) những nguyên nhân nào khiến cho chất lượng bộ môn Lịch sử đang giảm sút?

Nguyên nhân	Ý kiến
HS không thích môn sử.	
Môn lịch sử khô khan, khó nhớ, khó học	
Nội dung và PPDH còn hạn chế.	

Phương tiện dạy học hạn chế.	
Xã hội không coi trọng môn sử.	
Định hướng nghề nghiệp hạn chế	

Câu 2: Thầy (cô) tán thành với quan điểm nào sau đây về “NL”?

Quan điểm về NL	Ý kiến
NL là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của việc học tập và cuộc sống.	
NL là một thuộc tính tích hợp của nhân cách, là tổ hợp các đặc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động xác định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả tốt đẹp”.	
NL là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận hành (chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống.	
NL là một tích hợp các kỹ năng cho phép nhận biết một tình huống và có sự đáp ứng tình huống đó tương đối tự nhiên và thích hợp.	
Ý kiến khác	

Câu hỏi 3. Thầy (cô) có nhận thức thế nào về sự cần thiết của việc phát triển NL cho HS trong môn Lịch sử ở trường THPT?

Phát triển NL	Ý kiến
Rất cần thiết.	
Cần thiết	
Bình thường	
Không cần thiết	

Câu hỏi 3. Thầy (cô) chú trọng phát triển những NL đặc thù nào cho HS trong DHLS ở trường THPT?

Phát triển NL	Ý kiến
----------------------	---------------

Tìm hiểu lịch sử.	
Nhận thức và tư duy lịch sử.	
VĐKTKN.	

Câu hỏi 4. Thầy (cô) quan điểm thế nào về khái niệm NL VĐKTKN cho HS trong môn Lịch sử ở trường THPT?

NL VĐKTKN	Ý kiến
- Là khả năng vận dụng được kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi, bài tập.	
- Là khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập.	
- Là khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.	
- Là khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết một số vấn đề trong học tập, NCKH và một số tình huống cụ thể trong thực tiễn.	

Câu hỏi 5. Trong DHLS, thầy (cô) sử dụng các biện pháp để phát triển NL VĐKTKN cho HS với tần suất như thế nào?

	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa sử dụng
Sử dụng bài tập nhận thức				
Dạy học giải quyết vấn đề				
Dạy học theo nhóm				
Dạy học thuyết trình				
Tổ chức dạy học dự án				
Tổ chức hoạt động nhóm				
Sử dụng phương pháp đóng vai				
Dạy học trải nghiệm				
Tổ chức NCKH				

Các biện pháp khác:

Câu 6: Theo thầy (cô), mức độ hiệu quả của việc học tập theo định hướng phát triển NL VDKTKN lịch sử đối với HS là

	Mức độ			
	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Ít hiệu quả	Không hiệu quả
Sử dụng bài tập nhận thức				
Dạy học giải quyết vấn đề				
Dạy học theo nhóm				
Dạy học thuyết trình				
Tổ chức dạy học dự án				
Tổ chức hoạt động nhóm				
Sử dụng phương pháp đóng vai				
Dạy học trải nghiệm				
Tổ chức NCKH				

Câu hỏi 7: Thầy (Cô) thường gặp phải những khó khăn gì khi sử dụng các biện pháp phát triển NL VDKTKN cho HS trong DHLS ở trường THPT?

Khó khăn	Ý kiến
GV chưa hiểu rõ về NL VDKTKN để thiết kế hoạt động phù hợp.	
Nhiều em HS luôn coi lịch sử là “môn phụ” nên không thích học, dù GV có cải tiến, đổi mới phương pháp	
Trình độ của HS thấp nên không phát triển NL VDKTKN trong quá trình học tập.	
Thời gian bị giới hạn nên đôi khi không thực hiện được hết ý tưởng tổ chức hoạt động cho HS để phát triển NL VDKTKN.	
Thiếu kinh phí khi tổ chức các HĐTN ngoại khoá	
Ý kiến khác	

PHỤ LỤC 1.2

PHIẾU THAM KHẢO Ý KIẾN HS (trước thực nghiệm)

Các em HS thân mến!

Hiện nay cô đang nghiên cứu đề tài “Phát triển NL VDKTKN cho HS trong dạy học các chuyên đề Lịch sử 10 (Chương trình 2018)”.

Để giúp cô có cơ sở đánh giá và đề xuất được biện pháp phát triển NL VDKTKN trong DHLS ở trường THPT, mong các em vui lòng giúp tôi hoàn thành phiếu khảo sát dưới đây:

I. THÔNG TIN VỀ BẢN THÂN:

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Trường:.....

Email”.....

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT Ý KIẾN:

Với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng DHLS ở trường THPT các em hãy vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu(X) vào ô vuông () trước nhưng lựa chọn mà em cho là đúng:

Câu 1: Em có thích học Lịch sử không?

- ☐ Rất thích.
☐ Thích
☐ Bình thường.
☐ Không thích.

Câu 2: Theo em, HS THPT có cần thiết phải học Lịch sử không?

- ☐ Có.
☐ Không

Câu hỏi 3. Mục đích khi học Lịch sử của em là gì?

Nguyên nhân	Ý kiến
Để có thể lên lớp	
Để hiểu biết hơn về lịch sử dân tộc, truyền thống của quê hương, đất nước.	
Để có thể vận dụng những kiến thức này vào giải quyết các vấn đề học tập và cuộc sống	
Ý kiến khác	

Câu 4: Theo em, lịch sử có phải là một môn khoa học gắn liền với thực tiễn không?

- ☐ Hoàn toàn có.
☐ Có một chút.
☐ Hoàn toàn không.

Câu 5. Em quan tâm đến đời sống kinh tế - chính trị - xã hội đất nước, địa phương không?

- ☐ Rất quan tâm.
☐ Quan tâm.
☐ Ít quan tâm.
☐ Không quan tâm.

Câu 6: Trong giờ học lịch sử, GV thường tổ chức các hoạt động học như thế nào?

Hoạt động dạy học	Mức độ			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
GV giảng bài, HS ở dưới ghi chép				
GV cho HS quan sát video, tranh ảnh, hoạt động nhóm trong giờ học				
GV đưa ra các tình huống có vấn đề và yêu cầu HS VDKTKN đã học để giải quyết				
GV làm bài tập nhận thức theo các mức độ khó tăng dần				
GV cho HS đi trải nghiệm tại các di sản văn hoá				
GV cho HS tự nghiên cứu SGK, tư liệu tham khảo				
GV tổ chức các dự án học tập				
GV gợi ý các vấn đề NCKH				

Câu 7: Em tự nhận thấy mình rèn luyện được những kĩ năng nào khi học môn lịch sử (HS có thể chọn nhiều đáp án)

Kĩ năng	Ý kiến
Kĩ năng thuyết trình	
Kĩ năng hợp tác	
Kĩ năng giải quyết vấn đề trong học tập	
Kĩ năng thực hành lịch sử	
Kĩ năng tự học	
Kĩ năng rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống	
Kĩ năng NCKH	
Kĩ năng khác	

Câu 9: Em có mong muốn gì khi học môn Lịch sử ở trường phổ thông?

.....

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 1.3. PHIẾU PHẢN HỒI Ý KIẾN HS SAU GIỜ HỌC

Xin em vui lòng cho biết các thông tin sau:

- Họ và tên:.....
- Lớp.....
- Trường THPT..... Tỉnh/TP.....

Câu 1: Cảm xúc của em về tiết học Lịch sử hôm nay

Rất hứng thú ☐ Hứng thú ☐ Không hứng thú ☐

Câu 2: Hãy chọn mốc để tự đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức bài học hôm nay của em theo thang điểm 10

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Câu 3: Trong giờ học này em được phát triển NL nào của bản thân? (HS được chọn nhiều đáp án)

STT	NL	Ý kiến
1	NL tự học	
2	NL giải quyết vấn đề	
3	NL sáng tạo	
4	NL giao tiếp	
5	NL hợp tác theo nhóm	
6	NL sử dụng công nghệ thông tin	
7	NL sử dụng ngôn ngữ	
8	NL tìm hiểu lịch sử	
9	NL nhận thức và tư duy lịch sử	
10	NL VDKTKN đã học vào thực tiễn	

Câu 4: Em tự nhận thấy mình rèn luyện được những kỹ năng nào trong giờ học hôm nay? (HS có thể chọn nhiều đáp án)

Kỹ năng	Ý kiến
Kỹ năng thuyết trình	
Kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập	
Kỹ năng thực hành lịch sử	
Kỹ năng rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống	
Kỹ năng NCKH	
Kỹ năng khác	

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ
PHỤ LỤC 2.1. KẾ HOẠCH BÀI DẠY TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

CHUYÊN ĐỀ: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM

BÀI HỌC: DI SẢN PHỨC HỢP TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM -
QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN- NINH BÌNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Biết và sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin và thảo luận về các giá trị, di tích tiêu biểu của Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình.
- Giao tiếp và hợp tác thông qua trao đổi, thảo luận nhóm để tìm hiểu một số giá trị tiêu biểu của Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình.

b. Năng lực lịch sử:

- Nhận diện, khai thác và sử dụng tư liệu hình ảnh, lược đồ, tranh ảnh, ... để tìm hiểu về Quần thể danh thắng Tràng An- Ninh Bình qua các chặng đường lịch sử, qua đó góp phần phát triển NL tìm hiểu lịch sử.
- Phân tích được một số giá trị tiêu biểu của Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình, góp phần phát triển NL nhận thức và tư duy lịch sử.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của khu di tích danh thắng Tràng An – Ninh Bình.
- VDKTKN đã học để đánh giá đúng thực trạng Quần thể danh thắng Tràng An, từ đó đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản này.
- Nâng cao NL tự học, tự nghiên cứu, cũng như NL giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và đời sống.

c. Về năng lực vận dụng kiến thức liên môn

Trong chuyên đề, HS có NL vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống đặt ra, cụ thể:

- Địa lý:

- + Tìm hiểu vùng Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại Quần thể danh thắng Tràng An: biết đặc điểm tự nhiên (địa hình, thủy văn, sinh vật...). Đặc điểm kinh tế xã hội: bao gồm chủ yếu là Dân cư, văn hóa..Phân tích rõ ý nghĩa của Di sản đối

với bảo vệ cảnh quan tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội và gìn giữ môi trường. Đề xuất các giải pháp khai thác và phát triển bền vững Di sản.

- Tiếng Anh: Vận dụng kiến thức Tiếng Anh được học trong trường phổ thông để quảng bá hình ảnh Di sản Tràng An đến bạn bè quốc tế (gồm các nội dung: chào hỏi, tiếng anh phổ thông, tiếng Anh du lịch..)

- Sinh học: Tìm hiểu đa dạng sinh học, vấn đề bảo tồn tự nhiên trong khu hang động sinh thái Tràng An.

2. Phẩm chất

- Yêu nước: thông qua tìm hiểu về Quần thể danh thắng Tràng An - Ninh Bình, thấy được giá trị lớn lao của DSVH đối với văn hóa dân tộc.

- Nhân ái: tự hào, ngưỡng mộ di sản thiên nhiên và di sản văn hóa thế giới Tràng An – Ninh Bình.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm để tìm hiểu về các giá trị tiêu biểu của di sản Tràng An – Ninh Bình, trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh.

II. PPDH

Áp dụng tổng hợp, linh hoạt các phương pháp chủ yếu sau đây:

- + Phương pháp dự án.

- + PPDH theo nhóm.

- + Phương pháp đóng vai.

- + Phương pháp nghiên cứu điển hình.

- + Phương pháp giải quyết vấn đề.

III. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

- Lên ý tưởng và xây dựng kế hoạch chi tiết cho dự án, dự trù kinh phí thực hiện.

- Bản kế hoạch phân công, tổ chức nhiệm vụ cho HS, bản nội quy tham gia HĐTN tại thực địa

- Cung cấp tài liệu tham khảo:

- + Tài liệu giáo dục địa phương về Địa lý, Lịch sử, Giáo dục công dân...

- + Thuyết minh chung quy hoạch dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Tràng An, Sở Du lịch Ninh bình 2006

- + Tạp chí Thế giới Di sản, số 9/2008 Số chuyên đề phối hợp giữa Tạp chí Thế giới Di sản và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Ninh Bình

- + Báo cáo Tổng hợp quy hoạch phát triển khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, Sở Du lịch Ninh bình, 1995

- + Nguyễn Xuân Thảo, Lã Đăng Bật “Xây dựng thành phố Hoa Lư du lịch” UBND tỉnh Ninh Bình, 2004

- + Đĩa VCD phim tư liệu: “Khảo sát hang động Thiên Trường”, 2004 của Doanh Nghiệp Xuân Trường, phim “Hành trình Di sản Tràng An”, “Khám phá danh thắng Tràng An” “Danh thắng làng Tràng An”...
- Liên hệ thực tế cho học sinh đến tìm tài liệu tại Ban quản lý khu Danh thắng Tràng An, Liên hệ đón khách du lịch quốc tế tại Khách sạn Thanh Bình, phường Tân Thành, TP Ninh Bình..
- Phiếu học tập, hợp đồng thực hiện dự án và các bảng biểu, phiếu đánh giá:
- + Trước khi bắt đầu dự án: phiếu điều tra người học, nhật ký nhóm, hợp đồng học tập.
- + Trong khi thực hiện dự án: phiếu học tập định hướng, biên bản làm việc nhóm, phiếu đánh giá cá nhân trong hoạt động nhóm; phiếu đánh giá báo cáo.
- + Kết thúc dự án: phiếu ghi nhận thông tin, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, báo cáo tổng kết.

2. Chuẩn bị của HS

- Chuẩn bị kỹ lưỡng về kiến thức các môn học có liên quan để vận dụng trong dự án gồm: , Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Sinh học,...
- Tiếp cận tài liệu tham khảo GV gợi ý hướng dẫn.
- Các trang web: khamphadislan.com , vi.wikipedia.org, dulichninhbinh.info, www.hoc-tieng-anh.com.
- Chuẩn bị về sức khỏe, luyện các kỹ năng, NL giao tiếp xã hội, tinh thần thái độ học tập nghiêm túc.
- Các dụng cụ quay phim, chụp hình, ghi âm, sổ tay, bút,...

3. KẾ HOẠCH CHUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thời gian	GV	HS	Địa điểm – Phương pháp
Tuần 1: Số tiết: 01,	- Giới thiệu dự án - Chia nhóm HS - Giao nhiệm vụ học tập - Hướng dẫn cách thức hoạt động nhóm. - Hướng dẫn cách thức tìm tài liệu.	- Nhận nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ trong nhóm. - Các nhóm bắt đầu làm việc: tìm tài liệu, lên dàn ý khái quát cho nội dung	Tại lớp, học: Hoạt động nhóm
Tuần 2: Số tiết: 01, Thực địa : 01 buổi chiều	- Góp ý, điều chỉnh cần thiết - Yêu cầu các nhóm báo cáo thử, rút kinh nghiệm.	- Báo cáo thử, chỉnh sửa, hoàn thiện dự án.	- Tại Quần thể danh thắng Tràng An – Ninh Bình. - Tại lớp

	- Tiếp tục hướng dẫn HS hoàn thành ấn phẩm tạp chí và bản trình chiếu PPT (Cho nhóm 1, 2) - Hướng dẫn kỹ năng học trên thực địa (Cho nhóm 3). - Hướng dẫn HS nhóm 4 hoàn thiện ý tưởng cuộc thi. - Liên hệ thời gian, địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và điều hành thực địa. Rút kinh nghiệm sau thực địa. (Cho cả 4 nhóm)	- Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn trên thực địa (Nhóm 3) - Tiếp tục thu thập số liệu, kiến thức thực tế cho ấn phẩm tạp chí và bản trình chiếu PPT (Cho nhóm 1, 2) - Nhóm 4 hoàn thiện cuộc thi.	- Hoạt động nhóm, cá nhân
	- Công bố kết quả dự án. - Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm	- Trình bày báo cáo trước lớp. - Tổng kết dự án	

IV. TIẾN TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Dự án triển khai trong 2 tuần

HOẠT ĐỘNG 1: XÂY DỰNG TÊN, CẤU TRÚC DỰ ÁN, PHÂN NHÓM VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM

1. Mục tiêu

- Xây dựng được các tiêu chủ đề cần tìm hiểu.
- Thành lập được các nhóm theo sở thích.
- Phổ biến nhiệm vụ cho các nhóm.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

2. Thời gian: ngay khi dạy xong tiết 1 bài “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá”

3. Cách thức tổ chức hoạt động:

- Xác định tên dự án:

GV và HS trao đổi và thống nhất dự án sẽ thực hiện: “*Khám phá Quần thể danh thắng Tràng An- Ninh Bình*”

- GV và HS thảo luận để xác định các chủ đề nhỏ của dự án:

Chủ đề 1: Các di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

Chủ đề 2: Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại khu danh thắng Tràng An – Ninh Bình.

Chủ đề 3: Thuyết minh di sản bằng Tiếng Anh.

Chủ đề 4: Thiết kế cuộc thi tìm hiểu Lịch sử về Quần thể danh thắng Tràng An.

- Thành lập nhóm:

GV phát phiếu thăm dò sở thích của HS (Phụ lục 1.). HS điền vào phiếu. GV công bố, phân nhóm theo sở thích. Các nhóm bầu nhóm trưởng và thư kí (GV có thể điều chỉnh các HS khác nhau để đảm bảo mức độ đồng đều giữa các nhóm).

- GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

Nhóm	Nội dung nhiệm vụ
Nhóm Phóng viên	Thiết kế ấn phẩm tạp chí giới thiệu về các di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.
Nhóm Tuyên truyền viên	Tìm hiểu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại khu danh thắng Tràng An – Ninh Bình.
Nhóm Hướng dẫn viên	Quảng bá Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại khu danh thắng Tràng An cho khách du lịch quốc tế bất kì bằng Tiếng Anh.
Nhóm Lập trình viên	Thiết kế cuộc thi tìm hiểu Lịch sử về Quần thể danh thắng Tràng An trên nền tảng công nghệ.

- GV phát phiếu định hướng học tập (Phụ lục 2) để định hướng những vấn đề HS cần làm rõ trong quá trình thu thập và xử lý thông tin, gợi ý cho HS một số tài liệu tham khảo; một số biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ.

- Kí hợp đồng học tập (phụ lục 3).

4. Sản phẩm:

- Thành lập được 4 nhóm HS, mỗi nhóm có 8-9 bạn (sĩ số lớp là 35). Các nhóm đã bầu được nhóm trưởng, thư kí.

- Các nhóm đã tham gia kí kết hợp đồng học tập với GV và xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN (HS LÀM Ở NHÀ)

1. Mục tiêu: HS làm việc cá nhân và nhóm:

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác thông qua làm việc nhóm: Các nhóm dưới sự định hướng của GV sẽ tiến hành thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm.

- NL tự chủ, tự học; NL tìm hiểu lịch sử: cá nhân HS sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, video có liên quan đến nhiệm vụ của dự án

- Phân tích và xử lý thông tin, tổng hợp kết quả của các thành viên trong nhóm

b. Thời gian: Tuần 1-2

c. Tổ chức thực hiện:

- HS làm việc ngoài giờ, báo cáo tiến trình, kết quả cho GV thông qua trao đổi ngoài giờ học, trên trang thông tin của dự án (có thể là Zalo; Messenger).
- GV yêu cầu HS báo cáo tiến độ, nêu các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhóm.
- GV giúp đỡ các nhóm thông qua việc đưa ra các câu hỏi gợi ý.
- Các nhóm tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa theo gợi ý của GV, hoàn thiện sản phẩm. GV sẽ đóng vai trò là chuyên gia độc lập để tư vấn, góp ý thêm cho các nhóm về chất lượng sản phẩm mà HS làm ra trước khi trưng bày.
- + Nhóm Báo chí: GV có thể góp ý về ý tưởng, văn phong của ấn phẩm.
- + Nhóm Tuyên truyền: GV sẽ thẩm định lại về mặt nội dung, tư vấn thêm cho các em cách chọn lọc thông tin đưa lên PPT.
- + Nhóm Du lịch: GV sẽ góp ý thêm về mặt kịch bản cho nhóm khi xây dựng bài thuyết minh trong vai hướng dẫn viên du lịch.
- + Nhóm Công nghệ: GV góp ý về tính khả thi của các đề xuất cuộc thi mà HS đưa ra

HOẠT ĐỘNG 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Tuần 2: Số tiết: 01 tại lớp học, Thực địa 01 buổi tại khu danh thắng Tràng An.

1. Mục tiêu

- HS báo cáo được sản phẩm của các nhóm.
- Biết tự đánh giá sản phẩm của nhóm và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác.
- Hình thành được một số kĩ năng: lắng nghe, thảo luận, nêu vấn đề và thương thuyết.
- Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm của công dân đối với việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa, phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và cả nước.

2. Các nhóm báo cáo kết quả làm việc

*** Hoạt động thực địa tại Quần thể danh thắng Tràng An – Ninh Bình (cả lớp)**

Các bước tiến hành

Bước 1: Chuẩn bị trước thực địa:

- GV:
 - + Hướng dẫn HS các bước tiến hành thực địa, nội dung công việc cần làm trong thực địa
 - + Liên hệ với phụ huynh HS lo kinh phí và khu du lịch Tràng An, đề nghị nhận giúp đỡ khi xảy ra tình huống khẩn cấp, cử người giám sát đoàn khi cần thiết.
- HS
 - + Chuẩn bị giấy mời cho khách tham dự (đại diện tổ bộ môn, hội phụ huynh)

+ Nhóm 3: chuẩn bị đón 01 khách nước ngoài (nói tiếng Anh) tại khách sạn đã hẹn trước, chuẩn bị nội dung hướng dẫn khách suốt hành trình.

- Nhóm 1,2,4: Chuẩn bị trước giấy bút ghi chép, các câu hỏi về nội dung cần cho báo cáo của nhóm đối với Ban quản lý khu du lịch, lái đò, khách du lịch.

Bước 2: Tiến hành thực địa

- Thời gian: Ngày 30/1/2022 từ 13h00 đến 17h00.

- Địa điểm: Tại khu du lịch sinh thái hang động Tràng An.

- GV:

+ Kết hợp với phụ huynh HS đảm bảo an toàn cho GV- HS trong toàn bộ chuyến đi. Mỗi GV phụ trách một nhóm HS cụ thể theo phân công từ trước.

+ Hướng dẫn khảo sát thực địa, giải đáp thắc mắc, định hướng nội dung, giải quyết các tình huống phát sinh trong toàn bộ chuyến thực địa.

- HS:

+ Nhóm 1,2,4: Nghe thuyết trình, tiến hành khảo sát, điều tra thực tế bổ sung tư liệu cho hoàn thiện sản phẩm của nhóm mình.

+ Nhóm 3: Quảng bá Di sản Tràng An cho đoàn khách quốc tế bất kì, trong đó có một khách đã liên hệ trước tại khách sạn Thanh Bình, TP Ninh Bình.

*** Hoạt động tại lớp:**

Tiết 1- nhóm 1 và 2 báo cáo tại lớp học

- GV: Trên cơ sở bài viết đã được hoàn chỉnh, GV cho HS báo cáo.

- HS: Nhóm 1,2 báo cáo sản phẩm làm việc của nhóm.

- Cả lớp góp ý, rút kinh nghiệm.

- Chấm điểm sản phẩm của nhóm 1,2.

- Nhóm 1,2 tiếp tục chỉnh sửa chuẩn hóa nội dung, đóng quyển và cung cấp cho cả lớp.

Tiết 2: Nhóm 4 báo cáo. Tổng kết dự án

- Nhóm 4 báo cáo sản phẩm: Thiết kế cuộc thi Tìm hiểu Tràng An trên nền tảng công nghệ.

- Đánh giá sản phẩm của nhóm 3,4 (Sản phẩm nhóm 3 là video clip giới thiệu cho du khách nước ngoài về Tràng An).

- Đánh giá, cho điểm các nhóm và cá nhân.

- GV tổng kết dự án.

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA NHU CẦU CỦA HS

(Trước khi thực hiện dự án)

Họ và tên:

Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu X vào ô trống trong bảng có câu trả lời phù hợp với em

1. Em quan tâm (có hứng thú) với nội dung nào trong dự án “Khám phá Quần thể danh thắng Tràng An”: (Có thì tích X, Không thì để trống)

NỘI DUNG	TRẢ LỜI
Thiết kế một ấn phẩm tạp chí	
Chuẩn bị bài thuyết trình về Tràng An	
Thuyết minh về Tràng An cho khách quốc tế	
Thiết kế cuộc thi Tìm hiểu Tràng An trên nền tảng công nghệ	

2. Khả năng của HS: (tích Có ít nhất 2 ô)

STT	NỘI DUNG	TRẢ LỜI	
		CÓ	KHÔNG
1	Khả năng thiết kế trình chiếu ppt		
2	Khả năng tìm kiếm thông tin trên mạng Internet		
3	Khả năng phân tích và tổng hợp thông tin		
4	Khả năng thuyết trình		
5	Khả năng sử dụng công cụ công nghệ		
6	Khả năng tiếng Anh		
7	Khả năng viết báo		
8	Khả năng thiết kế hình ảnh		

PHỤ LỤC 2: PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG

PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 1 (Dành cho nhóm Báo chí: Thiết kế một ấn phẩm tạp chí) 1.Yêu cầu về nội dung: Thiết kế một ấn phẩm tạp chí: - Hình ảnh: các di sản phức hợp tiêu biểu đẹp, đặc sắc - Nội dung giới thiệu chỉ ra được điểm đặc trưng, giá trị đặc biệt của di sản. 2.Yêu cầu sản phẩm Ấn phẩm khoảng 3- 5 trang
PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 2 (Dành cho nhóm Truyền thông: Tìm hiểu danh thắng Tràng An) 1. Yêu cầu về nội dung: - Lịch sử hình thành. - Không gian di sản - Giá trị di sản - Thực trạng di sản

- Đề xuất một số phương án 2. Yêu cầu sản phẩm: Sản phẩm thiết kế bằng PPT. Bài thuyết trình giới hạn 10 phút
PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 3 (Dành cho nhóm Du lịch: Quảng bá Tràng An cho khách du lịch) 1. Yêu cầu về nội dung: - Kịch bản hoàn chỉnh: Muốn giới thiệu những địa điểm nào của Tràng An? Giới thiệu như thế nào? - Văn phong, ngôn ngữ. - Phát âm tiếng Anh chuẩn. 2. Yêu cầu sản phẩm: Sản phẩm là kịch bản thuyết minh và video clip quá trình thuyết minh tại thực địa.
PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 4 (Dành cho nhóm Công nghệ: Thiết kế một cuộc thi Tìm hiểu Tràng An trên nền tảng công nghệ) 1. Yêu cầu về nội dung - Cuộc thi phải có tính khả thi, dễ tham gia, dễ chơi. - Nội dung các câu hỏi, yêu cầu phải tường minh rõ ràng. - Các câu hỏi xoay quanh lịch sử, không gian, giá trị của di sản; có thể mở rộng về thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát huy giá trị của Tràng An 2. Yêu cầu sản phẩm: - Đường link cuộc thi.

PHỤ LỤC 3: HỢP ĐỒNG HỌC TẬP

HỢP ĐỒNG HỌC TẬP <i>Ninh Bình, ngày ... tháng ... năm 2022</i> Đại diện bên A: Ông (bà): Chức danh: Đại diện bên B: Em:. Chức danh: NHÓM TRƯỞNG Nội dung hợp đồng: - Bên B có trách nhiệm hoàn thành một sản phẩm học tập theo yêu cầu của các tiêu chí đánh giá. (Nhóm....) Thời hạn hoàn thành hợp đồng: 10 ngày kể từ sau ngày kí hợp đồng
--

- Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu định hướng, tài liệu tham khảo, hỗ trợ khi được yêu cầu. - Bên B có trách nhiệm thực hiện theo đúng yêu cầu về nội dung sản phẩm, hình thức trình bày và thời gian hoàn thành.	
ĐẠI DIỆN BÊN A (Kí và ghi rõ họ tên)	ĐẠI DIỆN BÊN B (Kí và ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN NHIỆM VỤ DẠY HỌC DỰ ÁN TẠI LỚP 10 CHUYÊN SỬ

1. Về việc phân chia nhóm và nhiệm vụ học tập.

Tên nhóm	Thành viên, trưởng nhóm, thư ký.	Nhiệm vụ
Nhóm Báo chí	Nhóm trưởng: Vũ Đức Hào Nam Thư kí: Nguyễn Thị Hồng Ngọc Các thành viên (có danh sách)	Thiết kế một ấn phẩm tạp chí giới thiệu các di sản văn hoá phức hợp tiêu biểu
Nhóm Tuyên Truyền	Nhóm trưởng: Trần Quốc Đạt Thư kí: Trần Diệu Linh Các thành viên (có danh sách)	Tìm hiểu Di sản Thế giới tại khu danh thắng Tràng An – Ninh Bình
Nhóm Du lịch	Nhóm trưởng: Đinh Thị Ngọc Diệp Thư kí: Vũ Phong Lan Các thành viên (có danh sách)	Quảng bá Di sản Thế giới tại khu danh thắng Tràng An –Ninh Bình cho khách du lịch khách du lịch quốc tế bất kì bằng Tiếng Anh
Nhóm Công nghệ	Nhóm trưởng: Trần Nguyên Đạt Thư kí: Bùi Quang Huy Các thành viên (có danh sách)	Thiết kế một cuộc thi Tìm hiểu về Tràng An trên nền tảng công nghệ

Về việc phân chia nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu của dự án.

Tên nhóm	Nội dung	Cách thức , sản phẩm	Thời gian hoàn thành
Nhóm Báo chí	Thiết kế một ấn phẩm tạp chí giới thiệu các di sản văn hoá phức hợp tiêu biểu	Báo cáo bằng Ấn phẩm tạp chí du lịch - Tại lớp	Ngày 18/2/2022 thuyết trình trước lớp
Nhóm Tuyên truyền	Tìm hiểu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới	Báo cáo bằng phần mềm Power Point - Tại lớp	Ngày 18/2/2022 thuyết trình trước lớp

	tại danh thắng Tràng An – Ninh Bình		
Nhóm 3	Quảng bá Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại khu danh thắng Tràng An –Ninh Bình cho khách quốc tế	Hướng dẫn trên thực địa tại khu hang động Tràng An (Ninh Bình). - Kịch bản, video clip	Ngày 12/2/2022 hướng dẫn trên thực địa cho khách quốc tế
Nhóm 4	Thiết kế một cuộc thi Tìm hiểu về Tràng An trên nền tảng công nghệ	Đường link Cuộc thi tìm hiểu về Tràng An trên nền tảng công nghệ - Tại lớp	Ngày 12/2/2022 đã thực hành tại lớp

2. Về yêu cầu đối với nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm

a) Đối với trưởng nhóm:

- + Nhận nhiệm vụ và triển khai công việc đến các thành viên.
- + Phân công nhiệm vụ, giám sát thực hiện nhiệm vụ.
- + Báo cáo tiến độ, chuẩn hóa nội dung báo cáo của nhóm.

b) Đối với các thành viên trong nhóm:

- + Nhận nhiệm vụ và phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao.
- + Tự giác làm việc trên cơ sở phát huy khả năng của bản thân và hợp tác với các thành viên còn lại trong nhóm.

3. Về đánh giá

****) Nội dung đánh giá:***

- + Thông qua quá trình hoạt động nhóm.
- + Thông qua kết quả thực địa và báo cáo thu hoạch.

****) Cách thức đánh giá:***

- + Tự đánh giá
- + Đánh giá lẫn nhau
- + Đánh giá của GV

PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG TẠI THỰC ĐỊA: Hướng dẫn du lịch tại Ninh Bình cho khách du lịch quốc tế bằng Tiếng Anh

1. Mục tiêu:

- Sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh để tiến hành HĐTN thực tế đặc thù của bộ môn Địa lí. Mục tiêu là quảng bá Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới tại khu danh thắng Tràng An cho khách du lịch quốc tế.

2. Cách thức tiến hành:

Bước 1: Chuẩn bị trước thực địa

- + Liên hệ trước với khách du lịch quốc tế tại các khách sạn trên địa bàn TP Ninh Bình, khu Tam Cốc, Tràng An
- + Chuẩn bị nội dung hướng dẫn theo đúng tiến trình bằng tiếng Anh, gồm: làm quen, thuyết minh cụ thể suốt hành trình.
- + Luyện nói tiếng Anh trôi chảy: Làm quen, hướng dẫn tại các điểm di tích, nói chuyện tự do.

Bước 2: Công việc trong thực địa

- Giới thiệu và làm quen với khách quốc tế (khách nói tiếng Anh):
- + Giới thiệu bản thân, đoàn thực địa, mục đích chuyến đi, tình nguyện hướng dẫn du khách.
- + Làm quen với khách: Tên tuổi, nơi ở, gia đình, mục đích du lịch, những điều khách đã biết, chưa biết và muốn biết về Ninh Bình...
- Hướng dẫn tại bến thuyền:
Giới thiệu chung về Di sản Tràng An: Thời gian được công nhận Di sản, các giá trị độc đáo hỗn hợp về tự nhiên (hang động, hệ sinh thái tự nhiên độc đáo..) và văn hoá (di tích người Việt cổ, lịch sử các triều đại phong kiến...)
- Hướng dẫn tại các đền, phủ gồm Đền Trình, đền Trần (Đền cao giá trị Văn hóa – lịch sử)
- Hướng dẫn trên thuyền và tại các hang động gồm hang Sáng, hang Tối, hang Nấu rượu..Đền cao giá trị cảnh quan, địa chất, địa mạo
- Nói chuyện tự do bằng tiếng Anh với khách

Bước 3: Rút kinh nghiệm sau thực địa

- + Những công việc đã làm tốt: về công tác chuẩn bị, liên hệ khách du lịch, bài thuyết minh, kỹ năng nói Tiếng Anh..
- + Những sai sót cần rút kinh nghiệm

Bước 4: Đánh giá:

- Kết quả hoạt động thực địa được đánh giá bằng nhiều tiêu chí: công tác chuẩn bị thực địa, chất lượng bài thuyết minh Di sản Tràng An (song ngữ), mức độ hài lòng của khách du lịch quốc tế.
- Đối tượng đánh giá là du khách, GV và HS cùng tham gia thực địa.

MINH CHỨNG SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG THỰC ĐỊA: BÀI THUYẾT MINH NHÓM 3

Mở đầu:

(how are you...)

On behalf of my group, at first I want to express my gratitude to your cooperation. We are students from Luong Van Tuy high school. Today, we are here to complete a major bilingual project involving first-hand experiences with foreigners. What we are going to do is simple. Specifically, throughout this trip we will be your presenter

(tour- guide) for free, and we will make presentations about geological, historical as well as cultural values of Trang An Scenic Landscape Complex. We sincerely hope that our accomplishment will increase your pleasure and enjoyment of the trip. Now let us begin the journey.

Giới thiệu chung

Before proceeding to the tour, please allow me to introduce to you the Scenic Landscape

Complex (Eco-Tourism site) of Tràng An. The site has been recognized by UNESCO's World Heritage Committee as a World Heritage Site on 23/6/2014, based on 3 criteria.

- The first criterion is "Culture": the site contains archeological evidence of humans dating back to 1000 BC/3000 years ago, as well as findings from the early feudal periods of Vietnam – the 2 dynasties of Đinh and Early Lê in the forms of ruins and places of worship.
- The magnificent karst landscape of Tràng An, with majestic mountains and caverns, helped put the site on the Heritage list.
- The Third criterion is geological data: mountains and caverns in Tràng An shows the final phase in the process of karst formation in humid-subtropical regions.

As for the World Heritage Certificate, the official reception ceremony is to be held on 23/1/2023 in Bái Đính Pagoda.

Our group is heading for a 555.2-hectare complex, with 48 corrosional caverns, ruins and artifacts from Đinh and Early Lê dynasties in the 10th century. The site is compared to an "outdoor geological museum" – archeologists and geologists stated that the caverns used to be undersea about 250 – 200 million years ago. Evidence of vertical movements of the region can be found in the feet of the mountains and flows inside the caverns.

(welcome aboard?) Our journey consists of boating and mountain-trekking. We will visit 9 caverns and 3 historical destinations, before returning to our starting point.

A. Phủ Đột

The shrine was built to worship 2 military commanders: "Tả Thanh Trù" and "Hữu Thanh Trù" or "Left-wing" and "Right-wing" commanders of the royal palace guard. In the chaos following King Đinh Tiên Hoàng's death, they and the 6-year-old Prince Đinh Toàn took refuge inside Dark cavern. The commanders committed suicide after Regent and Commander of Ten Divisions Lê Hoàn's rise to the throne, and because of their loyalty the shrine is built. Local farmers perform veneration rituals every year, hoping for good harvests.

B. Sacred Ground cavern (Hang Địa Linh)

Also known as Treasure cavern, it is around 300m long, this is a place of rare beauty unique of karst landscape. The cavern is unspoilt, having millions-year-old stalactites.

C. Dark cavern (Hang Tối)

Stretching 320m long, the cavern is a beautiful example of karst landscape: large ceiling, domes with radius reaching 20m, and stalactites up to 60m in length. The ceiling is a natural habitat of bat species.

D. Bright Cavern (Hang Sáng)

Despite its name, lights are still necessary. The L-shaped cavern has a length of 112m and an average width of 12m. The ceiling, from which magnificent stalactites hang, reaches 12m high at some points. Some of these stones have their own names, usually from folklores.

E. Winery Cavern (Hang Nấu Rượu)

The cavern is 250m long. It is said that aquifer can be found at a depth of 10m, from here winemakers took groundwater to make wine for the King. Archeologists have found containers and equipments used in winemaking inside this cavern.

F. Trần shrine:

After a 20-minute trip and over 500 stone steps, we reach the Trần shrine, which worships the “Commander of Renaissance” Quý Minh – a talented military commander during Trần dynasty, and his wife. Built in the 13th century, The shrine was repaired in the late 19th and early 20th century. Travellers may come here to pray for luck on their journey.

A small shrine it is, yet the artistic values in the design is undeniable, especially the stone (and wood?) carvings in the interior and exterior of the shrine. These carvings can be observed on the 4 outside pillars. Designs include the Vietnamese equivalents dragons and phoenixes (Rồng and Phượng), turtles, fish, lotuses, et cetera.

G. Caverns Sính, Si and Ba Giọt

After the rituals at the Trần shrine, please return to the boats to continue our journey. The next destinations are the caves “Sính”, “Si” and “Ba Giọt”. Their names traces origin back in a folklore: a prince fell in love with a very beautiful girl of royal origin. The day the prince brought tributes to the girl’s family to propose, it turned out that the girl was delivered to a neighboring state as a tribute or gift to sue for peace. In despair, the prince went to a nearby cavern, threw away the proposal tributes, lighted a candle on a turtle’s back and cried so much his tears formed a stream, before committing suicide. The cavern in which the tributes was thrown away is the cavern Sính (VNese for wedding presents or tributes), the one in which

he cried is Ba Giọt (literally “3 drops”), and the one where he drowned was cavern Si (possibly means love-lorn)

The “tear stream” of the prince, flowing from the cavern Ba Giọt, for its quality of being warm throughout the year, is a safe haven for fish, bats and other animals in cold winters.

Receiving 3 drops of waters from the stalactites on the ceiling of the cavern is said to give blessings to the person, offering luck and happiness in love.

H. Phủ Khổng

The shrine worships 7 mandarins of the House of Dinh. Following the assassination of King Đinh Tiên Hoàng, 100 bronze coffins was made – 1 to carry the King and 99 decoys. 7 mandarins loyal to the King secretly transported the coffins away from the capital city to perform the funeral and burial procedures. All of them subsequently took poisons, carrying the secret with them to the graves.

Upon receiving the news of their deaths, the people constructed the shrine and placed an incense bowl on top of a large rock. Next to the rock they planted a tree from the species Diospyros Decandra – a type of plant often found in places of worship in VN. The tree is estimated to be 1000 years old, its roots covering the rock with a surface of 10m². The tree produces two distinct types of fruit: one is round and with cores, the other is oblate and without cores.

Our journey in the Scenic Landscape site of Tràng An ends here.

As you know, Trang An Scenic Landscape Complex bears outstanding features that are unique. Thus, on the occasion of the upcoming ceremony for the certificate of UNESCO, we are proud that this destination is the first place in Vietnam that meet 5 criterias for a Mixed World Heritage. Again, I want to said thank for your volunteer throughout the journey, and hope that you have had best moment with family and friends in this beauty spot, Good luck

BẢN DỊCH: Bài thuyết minh Khu du lịch sinh thái hang động Tràng An

1. LÀM QUEN, MỜI THAM GIA HÀNH TRÌNH

(Lời chúc sức khỏe)

Thay mặt nhóm đi thực tế, đầu tiên tôi xin có lời cảm ơn chân thành đến sự hợp tác của bạn. Chúng tôi ở đây ngày hôm nay để thực hành chuyến đi thực địa nằm trong dự án liên quan đến trải nghiệm thực tiễn với người nước ngoài. Dự án chúng tôi đang làm yêu cầu chúng tôi trở thành hướng dẫn viên du lịch cho bạn xuyên suốt cuộc hành trình qua Tràng An, như vậy chúng tôi sẽ giới thiệu cho bạn những giá trị về địa chất, lịch sử và văn hóa của vùng này. Chúng tôi hi vọng rằng những nỗ lực của chúng tôi sẽ khiến cho trải nghiệm của bạn thú vị và sinh động hơn. Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu cuộc hành trình.

2. THUYẾT MINH TẠI KHU NHÀ CHỜ TRUNG TÂM

Kính thưa quý khách

Trước khi đi thăm quan khu du lịch sinh thái hang động Tràng An, xin được giới thiệu một chút về Quần thể danh thắng Tràng An:

- Quần thể danh thắng Tràng An được Ủy ban Di sản Thế giới công nhận là di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới vào ngày 23/6/2014, dựa trên 3 tiêu chí:

+ Về Văn hóa: Tràng An chứa đựng các bằng chứng về sự tồn tại của con người vào thời kì cổ đại cách đây 3000 năm ở các hang động. Tràng An còn Gắn với lịch sử của dân tộc trong 2 triều đại Đinh và Tiền Lê vào Thế kỉ 10, tiêu biểu là các di tích, những đền, chùa, miếu linh thiêng...

+ Về Vẻ đẹp thẩm mỹ: Cảnh quan tháp karst của Tràng An là cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp với những ngọn núi hùng vĩ, hang động huyền bí, nhũ đá tuyệt đẹp.

+ Về Địa chất - Địa mạo: Nơi đây minh chứng cho các giai đoạn cuối cùng của quá trình tiến hóa karst trong môi trường khí hậu nhiệt đới ẩm.

Ngày 23/1/2023 tới đây, Ninh Bình chính thức tổ chức lễ đón nhận bằng di sản văn hóa tại Chùa Bái Đính. Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách đến thăm.

- Khu hệ thống hang động Tràng An mà đoàn đang đến thăm rộng 555,2 ha. tại đây có 48 hang động xuyên thủy, cùng các di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, cổ vật từ thời Đinh, Tiền Lê, thế kỉ X

Nơi đây còn được ví như một “bảo tàng địa chất ngoài trời”. Các nhà khảo cổ và địa chất khẳng định khu hang động Tràng An - Hoa Lư xưa là một vùng biển cổ, cách ngày nay khoảng 251 triệu đến 200 triệu năm. Những khe nứt của sự vận động đó tạo ra các dòng chảy trong hang động đá vôi. Dưới chân các núi đá vôi, nhiều nơi có các hàm ếch, đó chính là dấu tích của biển tiến, biển thoái.

Xin mời quý khách xuống thuyền, hành trình của chúng ta sẽ đi bằng đường thủy kết hợp với leo núi: Theo tuyến này, quý khách sẽ ngồi thuyền du ngoạn qua 9 hang và đến tham quan 3 điểm di tích lịch sử theo một lộ trình khép kín.

3. THUYẾT MINH TRÊN TUYẾN DU LỊCH QUA CÁC HANG ĐỘNG

a. Phủ Đột

Phủ Đột thờ 2 vị tướng triều Đinh. Có tước hiệu “Tả Thanh Trù” và “Hữu Thanh Trù”. Tương truyền rằng khi triều đình loạn lạc hai vị tướng đã cùng các bậc trung thần đem ấu chúa Đinh Toàn mới 6 tuổi vào ẩn trong thung hang Tối. Sau này hai vị tướng đó qua đời, nhân dân đã lập phủ thờ để ghi nhớ tấm lòng trung nghĩa của hai vị tướng này. Hàng năm, những người dân canh nông khi qua đây vẫn nhớ kính lễ thấp hương tưởng nhớ các ngài và họ tin rằng làm như thế thì năm đó sẽ may mắn, thành công và hạnh phúc.

b. Hang Địa Linh

Phía trước du khách là hang Địa Linh hay còn gọi là hang Châu Báu, dài 300m. Đây là hang có nhũ đá đẹp, hiếm có nơi nào có dáng vẻ lộng lẫy như ở đây.

Trong hang có rất nhiều nhũ đá còn nguyên sơ, đẹp lung linh, tuổi đời của nó có tới hàng trăm triệu năm.

c. Hang Sáng.

Tên gọi là hang Sáng, nhưng vào đây du khách vẫn phải dùng đèn vì hang dài 112m, rộng 12m và gấp theo hình thước thợ. Trần hang có nơi cao gần 12m, xung quanh có nhiều khối nhũ đá đẹp buông thả từ trên trần hang xuống gần với nhiều tên gọi dân gian.

d, Hang Nấu Rượu

Hang Nấu Rượu có chiều dài là 250 mét. Tương truyền, trong hang có mạch nước ngầm sâu hơn 10 mét, xưa kia các bậc tiền bối đã vào đây lấy nước để nấu rượu tiến vua, khi nạo vét lòng hang các nhà khảo cổ đã phát hiện rất nhiều bình gốm, hũ, vại và các dụng cụ để nấu rượu, nên đã đặt tên cho hang là Nấu Rượu.

e. Đền Trần

Từ bến thuyền, du khách mất khoảng 20 phút, leo qua hơn 500 bậc đá là đến đền

Trần. Đền là nơi thờ tự Trung Hưng tướng Quý Minh – Một vị tướng tài và phu nhân của ông. Đây là một ngôi đền có từ rất lâu rồi, đến cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 được tu sửa lại, ngôi đền rất linh thiêng, là nơi mà khách thập phương thường đến cầu an, cầu phúc, cầu tự.

Thưa quý khách, ngôi đền tuy nhỏ nhưng ẩn chứa rất nhiều giá trị nghệ thuật chạm khắc đặc sắc trên đá được thể hiện trên các xà ngang, bậc cửa, cột và mái hiên của đền. Quý khách có thể quan sát thấy những nét chạm khắc tinh vi trên đá của các nghệ nhân, đặc biệt trên 4 cột phía ngoài với những họa tiết chạm khắc hình rồng, phía trên chạm khắc chim phượng, cá, phía dưới chạm khắc rùa, cá rô, con ly, hoa sen và lá sen.

g. Hang Sính, hang Si, hang Ba Giọt.

Sau khi dâng hương chiêm bái tại đền Trần, mời quý khách trở về bến thuyền tiếp tục hành trình khám phá hệ thống hang động Tràng An. Các hang tiếp theo du khách sẽ đến là hang Sính, hang Si, hang Ba Giọt. Ba hang này gắn liền với huyền thoại. Truyện kể rằng. Ngày xưa có một chàng công tử yêu một công nương tha thiết, khi chàng gánh lễ đến hỏi cưới nàng công nương thì được tin nàng đã phải dứt tình ra đi và trở thành vật cống nạp cho nước láng giềng để tránh cuộc đao binh. Khi biết tin ấy, chàng công tử rất xót xa, đau đớn, chàng bèn vào trong một chiếc hang gần đó thắp một ngọn nến trên lưng một con rùa rồi ngồi khóc thương xót mối tình. Nước mắt chàng trai chảy mãi, chảy mãi thành một dòng nước thứ 3 chảy từ trong hang ra thành ngã 3 nước, nên dân ở đây gọi hang là Hang Ba Giọt. Nơi chàng trai trầm mình được đặt tên là hang Si. Còn hang nơi chàng trai để sính lễ được gọi là hang Sính.

Chẳng ai dám khẳng định câu chuyện mà chỉ biết rằng dòng nước được gọi là dòng nước mắt của chàng công tử chảy ra từ hang Ba Giọt nóng ẩm quanh năm, nên trong những ngày đông giá lạnh, đây là nơi hội tụ của các loài cá và các loài dơi. Tương truyền rằng ai qua hang Ba Giọt mà đón được ba giọt nước từ nhũ đá nhỏ vào lòng bàn tay thì sẽ may mắn trong cuộc đời và hạnh phúc trong tình yêu.

h. Phủ Khổng

Phủ Khổng là nơi thờ một vị quan trấn ải Kinh đô thời Đinh. Tục truyền rằng: khi vua Đinh Tiên Hoàng băng hà, triều đình đã làm 100 chiếc quan tài bằng đồng, trong đó có một chiếc để thi hài của vua Đinh Tiên Hoàng. Có 7 vị quan đại thần trong triều Đinh rất trung thành với Vua Đinh Tiên Hoàng đã đứng ra khâm liệm vua Đinh. Khâm liệm xong, họ bí mật chuyển qua một cửa cung điện đưa 100 chiếc quan tài đó ra ngoài kinh đô chôn cất. Bảy vị quan đại thần đó sau khi chôn cất xong, bèn đồng tình uống rượu độc tự vẫn để mang đi theo điều bí mật về những chiếc quan tài.

Nhân dân trong vùng nghe tin vô cùng thương tiếc 7 vị quan trung thần, nên đã lập bát hương thờ 7 vị quan trung thần đó trên một tảng đá và trồng bên cạnh một cây thị. Cây thị có niên đại khoảng nghìn năm tuổi, cây mọc trên một gò đá, quý khách có thể thấy, cây tuy nhỏ nhưng rễ của cây liền thành từng mảng bao trùm kín trên tảng đá với diện tích khoảng 10m². Điều độc đáo là cây thị này lại cho ra hai loại quả đan xen nhau ở các cành: một loại quả tròn bình thường như các quả thị khác có hạt và một loại quả dẹt không có hạt.

4. KẾT THÚC

Như đã biết, Toàn thể danh thắng Tràng An mang những giá trị vượt bậc mà không nơi nào có được. Chính vì thế, nhân dịp lễ đón nhận bằng công nhận của UNESCO, người dân Ninh Bình rất tự hào Tràng An là địa điểm đầu tiên tại Việt Nam thỏa mãn các tiêu chí cho danh hiệu Di Sản Thế giới Hỗn hợp. Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác trong suốt cuộc hành trình. Hi vọng rằng bạn đã có những giờ phút thoải mái với bạn bè và người thân tại điểm đến này. Chúc quý khách may mắn.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HS HƯỚNG DẪN KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ TẠI TRÀNG AN

Học hướng dẫn du lịch với hướng dẫn viên chuyên nghiệp tại Khu du lịch sinh thái Tràng An



Liên hệ với khách quốc tế tại Khách sạn Thanh Bình - TP Ninh Bình

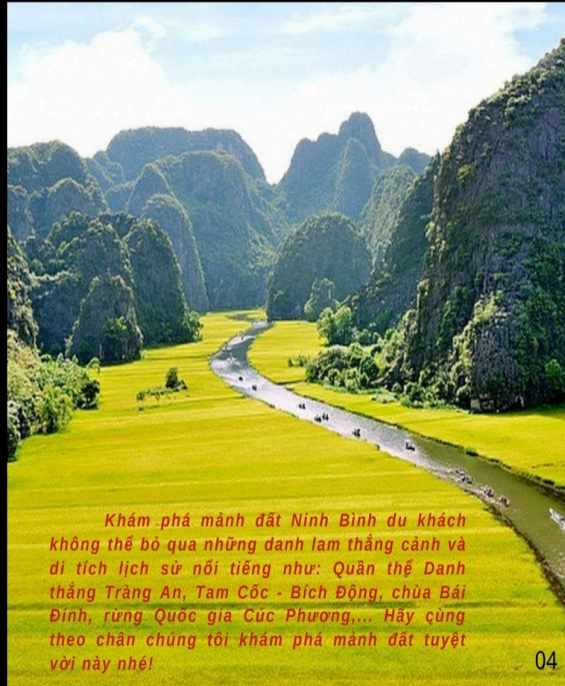




MINH CHỨNG TẬP CHÍ DU LỊCH:

NINH BÌNH VÀ DANH THẮNG

... Tôn vinh giá trị ngàn đời



Khám phá mảnh đất Ninh Bình du khách không thể bỏ qua những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng như: Quần thể Danh thắng Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, chùa Bái Đính, rừng Quốc gia Cúc Phương... Hãy cùng theo chân chúng tôi khám phá mảnh đất tuyệt vời này nhé!

04

Tràng An - Vẻ đẹp chạm tới tâm hồn

Tràng An là một Khu du lịch sinh thái nằm trong Quần thể di sản thế giới Tràng An thuộc tỉnh Ninh Bình. Nơi đây đã được Chính phủ Việt Nam xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt quan trọng và UNESCO công nhận là di sản thế giới kép từ năm 2014 (Di sản Văn hóa và Thiên nhiên).



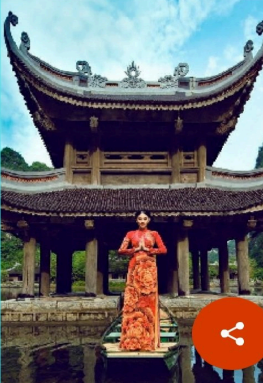
Tràng An là một trong những nơi có cảnh quan tháp karst đẹp và quyến rũ nhất trên thế giới. Phũ lên cảnh quan là thảm rừng và các tháp dạng nón hùng vĩ cao 200m, với các hồ trùng điệp khép kín, bao quanh bởi các sông núi nối liền nhau, các đầm lầy thông nhau qua hệ thống suối xuyên ngầm có chiều dài lên tới 1 km. Vẻ hài hòa của đá, sông nước, rừng cây và bầu trời ở Tràng An tạo nên một thế giới tự nhiên sống động đầy quyến rũ.

Quần thể Danh thắng Tràng An nổi tiếng với hệ thống dãy núi đá vôi có tuổi địa chất khoảng 250 triệu năm, qua thời gian dài phong hóa bởi sự biến đổi của trái đất, khí hậu, biển tiến, biển thoái đã mang trong mình hàng trăm thung lũng, hang động, hồ đầm.



Thả hồn theo nắng Tràng An
Mải chèo gô nhịp mệnh mang dưới trời
Nón xanh, nước biếc đẹp tươi
Nắng chóa, gió đông... mây trôi Tràng An
Ra về, nỗi nhớ miên man
Một tà áo tím lướt ngang đỏ mình...

Danh thắng này là nơi bảo tồn và chứa đựng hệ sinh thái rừng ngập nước, rừng trên núi đá vôi, các di chỉ khảo cổ học và di tích lịch sử văn hóa. Hệ thống núi đá, sông suối, rừng và hang động ở đây rất hiếm trở nên được Vua Đinh Tiên Hoàng chọn làm thành Nam bảo vệ kinh đô Hoa Lư ở thế kỷ X và sau đó được Nhà Trần sử dụng làm Hành Cung Vũ Lâm trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên. Hiện nay nơi đây còn nhiều di tích lịch sử thời Đinh và thời Trần.



SẢN PHẨM HỌC TẬP SAU TRẢI NGHIỆM KHÁM PHÁ VINH HẠ LONG
<https://padlet.com/hoetranls/a39noefbx806kwn4>

PHỤ LỤC 3. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

Môn: Lịch sử

Câu 1.(5,0 điểm) Thông qua một ví dụ cụ thể, giải thích vì sao các di sản được phân loại là di sản thiên nhiên/ di sản phức hợp.

Câu 2. (5,0 điểm) Hãy lựa chọn và giới thiệu một di sản phức hợp tiêu biểu của Việt Nam.

